

Số 180

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

*Cảnh đẹp
cố đô Huế*

Tr. 34

**Đến đi
mùa hạ lạnh**

Tr. 22

Hành hương
Ấn Độ

Tr. 6



TÔN HOA SEN

Mái ấm gia đình Việt

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



Các bạn khuyết tật xúc động khi giao lưu với Nick Vujicic.

Ban tổ chức trao Cúp và Sổ tiết kiệm cho 24 Tấm gương ý chí nghị lực Việt Nam.



Nick Vujicic tặng bóng khai mạc tại giải Bóng đá Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt Cúp TÔN HOA SEN 2013.



Nick Vujicic nhận Huy hiệu Thành phố Hồ Chí Minh trước 35.000 khán giả tại Sân Vận động Thống Nhất.



Các bạn trẻ lắng nghe thông điệp của NICK VUJICIC



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MẦN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Trần Thị Hải Đông, DD: 0907 164 066

Quảng cáo
Cô Thu Sương, DD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
toasoanvhp@gmail.com
Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Góp phần nhận diện “một bộ phận không nhỏ” (Lê Hải Đăng)	3
Sương mai	5
Hành hương Ấn Độ (Thiên An, Nguyễn Châu dịch)	6
Ý nghĩa tam minh (Liên Đức)	9
Quan hệ thầy trò, coi thầy là Phật hay giống như Phật (Julia Hengst và Sakya Trizin, Hồng Điệp dịch)	11
Trí huệ tánh Không và lòng sùng tín (Nguyễn Thế Đăng)	16
Sen hồng đã nở (Quảng Tường)	19
Đến đi mùa hạ lập (Lam Khê)	22
Trước người chỉ khoác lác... (Tấn Nghĩa)	24
Đạo đức Phật giáo và doanh nghiệp phương Tây (Thích Thiện Chánh tổng hợp và dịch)	28
Thấp thoáng lời kinh – Long Nữ (Đỗ Hồng Ngọc)	30
Lời thưa (Cao Huy Hóa)	32
Lời giới thiệu (Trần Tuấn Mẫn)	33
Cảnh đẹp cổ đô Huế (Nguyễn Văn Toàn)	34
Cổng và lễ đường chùa Khmer ở Sóc Trăng (Minh Thương)	36
Những tấm gương thầm lặng Việt Nam (Võ Văn Lân)	39
Thương lắm những mái dừa nước (Hoàng Văn Hòa)	42
Tản mạn về trái và phải (Hoàng Tá Thích)	44
Từ quê lên phố (Nguyễn Trọng Hoạt)	46
Thương sao những dòng lưu bút (Lý Thị Minh Châu)	49
Phác thảo một buồn xưa (Thiên Thai)	50
Nắng gió quê nhà (Nguyễn Bội Nhiên)	51
Thơ (Trường Khánh, Trà Kim Long, Trần Thoại Nguyên, Lê Huỳnh Lâm, Trương Quân, Nguyễn Mạnh Quý, Tân Hoài Dạ Vũ)	52
Giọt nước hồi sinh (Elena Pucillo Truong, Trương Văn Dân dịch)	54
Lặng nghe tiếng ề a vườn chùa (Giang Dương)	57
Lời cảm ơn cuộc sống	59

Bìa 1: Nét đẹp Huế. Ảnh: Quảng Nguyễn.

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Bằng sự cố gắng liên tục của toàn thể nhân viên tòa soạn để duy trì phẩm chất của tờ báo, với tâm nguyện mong muốn được phục vụ quý độc giả lâu dài, Văn Hóa Phật Giáo vững tin rằng chúng tôi luôn có được sự ủng hộ tích cực của quý độc giả cũng như sự gia trì của mười phương Tam bảo. Gần đây, tòa soạn thường xuyên nhận được những lời khích lệ hết sức quý báu từ nhiều vị độc giả trong và ngoài nước. Có một lời khích lệ chúng tôi mới nhận được và thực sự muốn được chia sẻ cùng quý độc giả.

Một vị Phật tử lớn tuổi là bác Nguyễn Tấn Hồng, định cư tại Montréal-Canada, là một độc giả mà chúng tôi chưa quen biết, đã viết về cho tòa soạn một lá thư gửi qua đường bưu điện. Thư viết vào ngày 27 tháng 5 năm 2013 và chúng tôi vừa nhận được vào hạ tuần tháng 6. Trong thư bác cho biết, nhờ người quen, bác vẫn thường xuyên nhận được tạp chí Văn Hóa Phật Giáo từ nhiều năm qua. Bác cho rằng đối với bác, tờ báo là một món quà rất quý báu và có nhiều ý nghĩa. Bác nêu nhận định, “chẳng những VHPG là sản phẩm của quê hương mà còn là một sản phẩm rất giá trị về cả hai phần nội dung và trình bày; bài vở VHPG rất dồi dào về văn hóa cũng như về Phật học; đặc biệt không bỏ qua thực trạng của đất nước, khéo nêu lên những tệ hại một cách nghiêm chỉnh, khuyến cáo chứ không lớn tiếng mạt sát. Về trình bày, phải dùng hai chữ tài tình, ghép hình chụp, hình vẽ, chữ viết, không có một tạp chí nào trên thế giới được như vậy.” Và bác kết luận, “Văn Hóa Phật Giáo đã làm được một công việc vô cùng hữu ích trong một hoàn cảnh khó khăn”.

Chúng tôi tự hiểu rằng VHPG còn phải cố gắng nhiều hơn nữa mới xứng đáng với những lời khen ngợi của bác Nguyễn Tấn Hồng cũng như với sự kỳ vọng của quý độc giả. Tuy nhiên, chúng tôi thật sự cảm thấy sung sướng khi những cố gắng của chúng tôi được đánh giá một cách tích cực. Đáp lại những nhận định và đánh giá đó, chúng tôi nguyện sẽ mang hết sức mình ra để ngày càng phát triển tờ báo theo đúng những tôn chỉ đã vạch, để không cô phụ những tình cảm mà quý độc giả đã dành cho Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo.

Trong mùa An cư, chúng tôi nguyện cầu mười phương Tam bảo gia hộ chư tôn túc và Tăng Ni đang thực hành việc thúc liễm thân tâm trau dồi đạo hạnh trong các trường hạ ở khắp mọi nơi luôn tinh tấn và được nhiều an lạc. Xin kính chúc toàn thể quý độc giả một mùa An cư lợi lạc.

Văn Hóa Phật Giáo





Góp phần nhận diện “một bộ phận không nhỏ”

LÊ HẢI DĂNG

Thời gian gần đây báo chí cả nước thường xuyên đưa tin, đề cập tới “một bộ phận không nhỏ” trong xã hội như nhóm đối tượng tiêu cực đang nổi lên hàng đầu. Thế nhưng, cho đến thời điểm hiện tại, trước sự giám sát của các cơ quan chức năng, hệ thống chính trị, phương tiện truyền thông, “bộ phận” này không hề bị phát hiện mà vẫn bình yên vô sự. Chưa từng có cơ quan chuyên trách nào lên tiếng chỉ ra “bộ phận không nhỏ” đó là những ai, ở đâu! Ngay cả Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Thanh Sơn trong lần nói chuyện trên truyền hình đã gán cho “một bộ phận không nhỏ thoái hóa về tư tưởng đạo đức và tìm mãi không ra” nói trên có khả năng “tàng hình”. Tác giả Nguyễn Cần trong bài *Phẩm cách nào cho lãnh đạo trong khủng hoảng* đăng trên tạp chí Văn Hóa Phật Giáo số 173 cũng ca thán về quyền năng “vô

biên” của nhóm xã hội ấy. Trên thực tế có thực sự tồn tại “một bộ phận không nhỏ” có khả năng tàng hình hay không? Điều đó quá rõ, tương tự như phép ẩn dụ “Voi trong phòng khách” (The elephant in the room) ở tiếng Anh nhằm chỉ những sự vật, hiện tượng mà ai cũng hiểu, chỉ có một số người (thường là người có trách nhiệm!) cố tình không hiểu hoặc làm ngơ. Ở đây xin nêu một trong những “bộ phận không nhỏ” nằm ở ngành giáo dục.

Giáo dục đóng vai trò quan trọng trong xã hội với mục đích cao cả vì sự nghiệp trồng người. Trong suốt nhiều năm nay, bên cạnh những vấn đề nóng bỏng liên quan tới toàn xã hội là cải cách giáo dục thì vẫn còn nhiều vấn đề khác ẩn náu bên trong ngành nghề đặc thù này. Ở đây chỉ nói về tiêu cực phát sinh từ việc phân tuyến trong hệ thống trường tiểu học và

phổ thông trung học. Có thể nói, trên khắp các quận, huyện tại những đô thị lớn của cả nước, hệ thống trường công đều phân luồng theo tuyến (dựa vào địa bàn cư trú của học sinh). Trước thềm thi chuyển cấp của khối học sinh lớp Năm, nhiều bậc phụ huynh đã phải khởi động chương trình chạy trường cho con em mình. Vì, việc phân tuyến dựa trên địa bàn cư trú đã tạo ra khái niệm đúng tuyến và trái tuyến. Và làm thế nào để con em mình vào được trường trái tuyến theo phương thức “vượt tuyến”, “lấn tuyến”? Ngoài trừ cạnh tranh vào những trường điểm cấp thành phố ra, đại đa số phụ huynh đều phải chạy trường. Chạy trường không giống như chạy việt dã, chạy tiếp sức hay 100m... phải chạy trên chính đôi chân của mình, cũng khác với cánh xe ôm chạy bằng phương tiện di chuyển là xe gắn máy, mà ở đây chủ yếu là chạy bằng tiền. Thậm chí trên “thị trường” chợ đen đã hình thành cả giá sàn, giá trần của việc chạy trường. Số tiền ấy có thể dao động tùy từng đối tượng, cơ sở và đường dây, nhưng giá sàn của nó không phải con số nhỏ, như “một bộ phận không nhỏ” vậy. Song, dường như các cơ quan chức năng không hề giám sát việc thực thi phân luồng theo tuyến từ cấp mẫu giáo trở đi cho đến tiểu học hay trung học cơ sở, cũng không bật đèn “đỏ” rung hồi chuông cảnh báo cho những chuyện tiêu cực đã nảy sinh từ cách thức thực thi biện pháp hành chính. Phải chăng tiêu cực khởi nguồn từ ngay cơ quan chuyên trách có chức năng giám sát? Nếu không, sai phạm có thể dễ dàng bị phát hiện sau khi rà soát lại những đối tượng học sai tuyến, lấn tuyến. Và “bộ phận không nhỏ” ấy nằm ở khu vực có chức năng “hợp thức hóa” những việc làm sai phạm.

Trong rất nhiều vụ việc tiêu cực ở ta hầu hết đều bị che đậy bởi bức màn vô hình của “tiền”, “quyền” và các mối quan hệ. Những sự kiện phơi bày ra trước ánh sáng công luận đa số nhờ phát hiện của cơ quan truyền thông, báo chí... (chứ không phải cơ quan chức năng). Ngay cả những vụ việc lớn, có mức độ vi phạm nghiêm trọng, trước khi đưa ra ánh sáng công luận, lãnh đạo ngành có liên quan thường biện minh bằng hành vi đã thực hiện đúng quy trình. Vậy, vấn đề tiêu cực ở ta trong một phạm vi nhất định có liên quan đến tính bất hợp lý được hợp lý hóa dưới dạng “quy trình”. Tính tiền đề trong nguyên tắc điều hành dường như đã bị rút ruột, đánh tráo khái niệm để tạo tựa cho hàng loạt những sai phạm từ nhỏ cho đến nghiêm trọng.

Ở nhiều quốc gia trên thế giới, báo chí thường “kiềm” vai trò giám sát bằng cách phơi bày ra những sự thật hiển nhiên. Xuất phát từ ý tưởng trên, thiết nghĩ các cơ quan truyền thông, báo chí nước ta cũng nên phát huy vai trò, tác dụng của mình trong việc chỉ ra “một bộ phận không nhỏ” nhằm giúp cho cơ quan quản lý nhà nước chữa trị căn bệnh tiềm ẩn trong chính bộ máy của họ. Căn bệnh nào cũng cần áp dụng phương pháp

điều trị đúng. Nếu đối tượng ấy nằm ở ngành giáo dục thì toàn xã hội đều gánh chịu hậu quả và có trách nhiệm phối hợp, cùng điều trị.

Giáo dục là quốc sách hàng đầu trong chiến lược phát triển quốc gia. Đi kèm với những biện pháp cải cách phẩm chất giáo dục, để danh xứng với thực trong tầm chiến lược quốc sách hàng đầu, chúng ta nên thực thi tích cực những biện pháp nhằm trong sạch hóa môi trường của ngành này. Vai trò quốc sách hàng đầu của ngành giáo dục có ảnh hưởng một cách toàn diện, triệt để trên phạm vi toàn xã hội. Mọi thay đổi đều bắt đầu và kết thúc ở sự nghiệp giáo dục. Qua mấy chục năm phát triển, đất nước đã gặt hái được nhiều thành tựu về kinh tế, xã hội, vị thế không ngừng thăng tiến trên trường quốc tế, thế nhưng, đứng ở góc độ giáo dục, những chỉ số tăng trưởng không đại diện cho mục tiêu phát triển. Vì, mọi sự “tăng” không hề đồng nghĩa với “trưởng”. Tình trạng gia tăng tội phạm, suy thoái đạo đức, kém từ học thuật đến tâm thuật... đều một mặt thể hiện quan hệ nhân quả của ngành giáo dục, một mặt chứng tỏ tiến trình cải cách của ngành này vẫn chưa có tác dụng tích cực nhằm thay đổi quan niệm về giá trị trong toàn xã hội. Đất nước vốn có truyền thống hiếu học, truyền thống đó được tiếp nối bởi sự nghiệp cải cách giáo dục theo khuynh hướng ôn đằm, tăng trưởng về mặt lượng... từ đó biến việc học trở thành gánh nặng, nỗi ưu tư của nhiều người dân. Tình trạng nhà giàu lựa chọn những cơ sở giáo dục ngoài công lập cho con em là bằng chứng cho thấy nguy cơ tụt hậu, cũng như bất bình đẳng trong hệ thống. Trên đường hướng vươn tới mục tiêu xã hội “công bằng, dân chủ, văn minh”, thì nền tảng của công bằng nằm ở pháp luật và giá trị của nó thuộc về ngành giáo dục. Sự phân hóa giàu nghèo cùng với khoảng cách đó đang có xu hướng lan sang lĩnh vực giáo dục như một khuynh hướng tất yếu. Việc chạy trường không chỉ biến cơ sở giáo dục thành thương trường không nguyên nghĩa, mà còn góp phần làm sâu sắc thêm cho quá trình phân hóa xã hội. Nhà nghèo không có quyền lựa chọn nào khác ngoài cho con em mình học trường đúng tuyến, nhà gia đình khá giả, có điều kiện thì lấn tuyến, vượt tuyến, trái tuyến, thậm chí không quan tâm tới khái niệm “tuyến” vốn chỉ là công cụ trong tay nhà quản lý của ngành giáo dục mà thôi.

Đất nước không chỉ đang đối diện trước tình trạng tụt hậu về mặt học thuật, mà còn tiềm ẩn nguy cơ sa sút về mặt tâm thuật. Và “một bộ phận không nhỏ” trong ngành giáo dục xét về tầm ảnh hưởng quả thực không nhỏ chút nào, hướng chỉ chúng đã “đi căn” trên cơ thể xã hội. Tiến trình dân chủ hóa diễn ra nhanh chóng trên đất nước ta có tác dụng không nhỏ như một liệu pháp hỗ trợ tích cực trong việc chẩn đoán, điều trị những căn bệnh tiêu cực, trong đó không loại trừ có cả ngành giáo dục. ■

Ở trong rừng cô độc
tâm tư không phóng dật
vị ấy khéo vượt khỏi
sự chinh phục tử thần.

*Tương Ưng Bộ -
Tương ưng chư thiên*

Ảnh: Tú Oanh

Hành hương Ấn Độ

Bài & ảnh: THIÊN AN
NGUYỄN CHÂU dịch từ nguyên tác tiếng Đức

Thiên An là một thiếu nữ tuổi 18, sinh ra và lớn lên tại CHLB Đức. Vừa tốt nghiệp phổ thông trung học, Thiên An được mẹ cho đi hành hương Ấn Độ, đến chiêm bái các thánh tích Phật giáo. Thiên An cùng mẹ về Việt Nam, tham gia với một phái đoàn 34 người lên đường đi Ấn Độ trong khoảng thời gian Phật đản vừa qua. Trở lại Đức, Thiên An viết một bài cảm nghĩ bằng tiếng Đức. Bài cảm nghĩ cho thấy tâm tư chân thành của một thiếu nữ người Việt. Sau đây là bản dịch Việt ngữ.

Từ một tuần nay con đã về lại Đức và trở lại đời sống hàng ngày bình thường. Con lại sinh hoạt với những khuôn mặt cũ, mua sắm trong những cửa hàng quen biết, sống lại đời sống bình thường của mình.

Thế nhưng không phải cái gì cũng như xưa, như chính con cũng thế. Chuyến du hành của con trong tháng Năm vừa qua đã thay đổi điều gì đó trong con và con nghĩ rằng mình không còn hoàn toàn như con người cũ, con người trước đó của con.



Con vẫn biết là con người luôn thay đổi, nhưng con không bao giờ ngờ là 11 ngày mà có thể tạo nên một tác động nào đó trong mình. Con đã nghĩ rằng, mọi sự thay đổi phải cần đến thời gian và sự khế hợp. Thế nhưng chuyến hành hương đến Ấn Độ và Nepal này, dù kéo dài chưa đầy hai tuần, đã lưu lại trong con những ấn tượng không thể nào quên.

Trong ngày đầu tiên, khi mọi người gặp nhau ở sân bay, con thấy mình trong một đoàn thể, trong đó có ba vị Tăng Ni và nhiều khách hành hương khác. Hầu như mọi người đều thuộc lòng các lời cầu nguyện như thể từng mỗi ngày mỗi đọc, con có cảm giác mình lạc lõng. Thế nhưng cảm giác này sớm biến mất. Dù con thuộc những người trẻ nhất trong nhóm, chưa bao giờ làm quen và thực sự biết đến đạo Phật là gì, con lại không bao giờ thấy điều đó là thiệt thòi cho mình trong những ngày sau. Ngược lại, cũng chính vì chưa bao giờ con suy tư về niềm tin tôn giáo này, con thấy mình như một tờ giấy trắng, tâm mình rộng mở và tò mò muốn biết tất cả những điều mới, những điều mà con sẽ chứng nghiệm và học hỏi.

Và con đã thấy, biết được nhiều: con biết điều xảy ra là dù ngồi trong bóng mát, tuyệt đối không làm gì cả, không nhúc nhích dù chỉ một li, thế mà vẫn đổ mồ hôi như mình mới chạy marathon. Con biết, người ta có biện pháp để lái một chiếc xe buýt du lịch tránh nạn kẹt xe, là cứ đơn giản chạy qua bên kia đường đi ngược dòng xe cộ. Con cũng học được, sau một thời gian ngắn ngủi, không còn thấy xấu hổ khi phải đi toilette ngay giữa thanh thiên bạch nhật và biết người Ấn Độ xem ra sẵn sàng cho người khác đi tiểu trong sân nhà mình, khi một đoàn 40 người Việt Nam đang tức bụng muốn đi mà xung quanh không có buồng vệ sinh nào cả.

Thế nhưng không phải điều gì cũng vui và kỳ lạ cả. Một nước, mà phần lớn người ta liên tưởng đến từ "thầu phụ Outsourcing", đến nền điện ảnh Bollywood và cũng là đối thủ kinh tế mạnh nhất của Trung Quốc, nước đó cho con thấy một khía cạnh hoàn toàn khác. Lần đầu tiên con thấy cảnh nghèo khổ, một cảnh mà con cho rằng trên thế giới này đã từ lâu không còn nữa. Chưa bao giờ trong cuộc đời êm ái của con, trong một nước Đức sạch sẽ và giàu mạnh, con chứng kiến sự việc con người phải cần đến phân thú vật làm chất đốt để nấu ăn cũng như đem lại một tí hơi

ấm cho mùa đông. Chưa bao giờ con thấy hàng chục đứa trẻ ngậm cứng mình trong sự bồn chồn phải đánh nhau vì một nắm kẹo. Con chưa hề ngờ trong một nước đang lên về kinh tế như Ấn Độ lại có cảnh tượng này.

Thế nhưng những ấn tượng sâu sắc nhất mà con nhận được lại chính là những ấn tượng thuộc về tôn giáo. Đích thực biết bao khi được đến bốn chỗ, nơi Phật ngày xưa đã sinh ra (Lumbini), nơi Ngài giác ngộ (Bodhgaya), nơi Ngài chuyển pháp luân (Sarnath) và cuối cùng nơi Ngài nhập diệt (Kushinagar). Đối với con đã rõ, Phật không phải là một con người của kinh sách, không phải là một phần của những câu chuyện hay, mà Phật thực sự có thật, đã thực sự lay động con người và đã truyền bá Phật pháp lần đầu tại Ấn Độ. Cũng thật là khó tin và cảm động khi nhận biết rằng Ngài đã đi qua một quãng đường dài và nhọc nhằn, con đường mà chúng con thoải mái, dễ chịu ngồi trên xe buýt mát lạnh.

Trong thời gian trước chuyến hành hương, con hay buồn bã và cũng chóng bực tức, cũng có khi nản lòng vì những duyên cớ mơ hồ nào đó mà bản thân con không rõ hết. Thế nhưng khi con bắt đầu đi lại con đường của Phật bằng chính đôi chân của mình và đến những chốn, nơi Ngài từng sống thực tại đó, thì có một điều như đã xả bỏ trong con. Con cảm nhận một cái gì đó, nó làm con an lạc; năng lực của Phật, nó cho con sự dễ chịu và an tĩnh. Nó không phải là một cái gì to tát hiện ra cho con, không phải là cái gì choáng ngợp, nhưng đối với con là một cái gì đó đã ghi dấu ấn chắc chắn trong tâm con.

Trên chuyến đi mỗi người chắc ai cũng cảm nhận cho mình một Thánh địa, nơi đó mỗi người nhận thấy ấn tượng nhất. Thí dụ mẹ con, bà thấy tại Kushinagar là nơi hết sức cảm động, nơi Phật nhập diệt. Điểm đến của Thánh địa này rơi đúng vào ngày mà ba năm trước đó, ba của mẹ tức là ông ngoại của con, đã mất và vì thế tạo dịp cho mẹ nhớ đến ngày mất của ông một cách hết sức đặc biệt.

Đối với con thì rõ rệt là những ngày tại Bodhgaya, Bồ Đề Đạo Tràng, đã gây xúc động nhất. Không chỉ vì, Phật đã giác ngộ tại đó, và đúng lúc đó cũng là ngày Phật đản sinh, vì thế rất nhiều Phật tử từ các nước xa xôi nhất đến tham dự.

Tại Đức thì tín đồ Phật giáo có nghĩa là hành trì niềm tin đó tại nhà và một mình, theo sự hiểu biết của con. Tại Việt Nam lần nào con cũng cảm thấy hạnh phúc khi đến chùa chiền, nơi đó con như gặp lại bạn đạo Phật tử. Thế nhưng tinh thần và không khí Phật pháp tại Bodhgaya thì con chưa bao giờ được chứng kiến.

Thật không tưởng tượng nổi khi thấy biết bao người là Phật tử, hết lòng phục vụ cho niềm tin và hành trì tôn giáo của mình. Khi mọi người leo lên đến động tu ngày xưa của Phật, nơi mà Ngài đã tu khổ hạnh sáu năm, lúc đó thật là một cảm nhận vô song. Mới đầu thì sự chen lấn làm con khó chịu, vì bị xô đẩy và vì trời nóng khủng



khủng khiếp. Thế nhưng chỉ sau một lúc thì con thấy hạnh phúc và ngạc nhiên thấy mình trong một tập thể, trong đó con có cảm giác được thuộc về, đồng thời con vui thích thấy đạo Phật đã đến với biết bao người.

Đường đi đến cây Bồ-đề thật là tuyệt, tâm con cảm kích khi thấy nhiều người đi chân trần trên con đường nóng hầm hập và đầy cát đá. Cùng đi là rất nhiều cụ già đã vượt qua được con đường dài sáu cây số, điều mà con không ngờ. Qua đó con thấy, niềm tin tôn giáo có thể cho ta một sức mạnh và sức chịu đựng như thế nào. Những ngày sau chỉ làm ấn tượng đó thêm mạnh mẽ. Một rừng áo choàng đỏ của các vị sư, một hàng người bất tận nối đuôi nhau dưới mặt trời cháy bỏng, chờ để được vào đền thờ. Thật đáng kinh ngạc!

Ngồi dưới cây Bồ-đề cũng thật tuyệt diệu, cầu nguyện cho gia đình và cho thân nhân, lắng nghe sự hòa hợp quanh mình và ngắm nhìn những ngọn lá xanh non của cây Bồ-đề rụng xuống. Đã lâu rồi con chưa cảm nhận được niềm hạnh phúc, an lạc và sự tin tưởng như thế này.

Bây giờ con cũng có thêm một niềm tin khác nữa, niềm tin mình sẽ đi vào sâu trong đạo Phật và tìm trong đó con đường, điều đã làm con hạnh phúc.

Trong chuyến đi này con đã nhận được nhiều. Những mẩu chuyện do chú Toàn kể về đất nước Ấn Độ cũng như nhiều chuyện liên quan đến cuộc đời hoàng hóa của Đức Phật, chúng đã thu ngắn và làm cho quãng thời gian dài ngồi trên xe buýt nhiều hứng thú. Những ấn tượng từ đất nước của Phật, những con người mà con đã làm quen, những người mà con vui lòng sẽ cùng thực hiện lại một chuyến hành hương khác. Cuối cùng là con đã tìm ra cho mình một niềm tin tôn giáo, đó là điều mà con khá chắc chắn.

Con rất biết ơn:

Cảm ơn cả đoàn, với một tập thể mà con thấy rất dễ chịu. Càng ngày chúng con càng biết rõ nhau hơn, thậm chí càng yêu mến nhau hơn. Khi đi trên đoạn đường Khổ Hạnh Lâm, con cứ mỉm cười hoài. Lý do chúng con là



một nhóm người với tính khí khác nhau, từ bốn chân trời với xuất xứ hoàn toàn khác nhau, mà giờ đây đội mũ, mang áo trắng, mang biểu ngữ và cờ quạt, hoàn toàn không ăn nhịp, thế mà vẫn hát chung với nhau. Ngày hôm trước chúng con đã đặc biệt tập dợt với nhau và bàn bạc thấu đáo hết mọi thứ, để làm sao sẽ xuất hiện như một nhóm Phật tử Việt Nam đầy tự hào, thế nhưng khi lâm trận thì mỗi người lại hát với một tốc độ khác nhau. Sau một lúc thì cờ không giương thẳng nữa, các biểu ngữ thì hầu như với thời gian nhăn nhoe không đọc được và ba hàng người mà lẽ ra chúng con phải giữ cho đúng nay cũng không còn nữa. Thế nhưng chúng con cũng đi hết đoạn đường chung với nhau, chúng con đã đổ hết mồ hôi, chia nhau những giọt nước cuối cùng và giúp nhau mang vác túi xách và động viên lẫn nhau để đi hết những cây số cuối cùng.

Trong suốt chuyến hành hương ai cũng đóng góp phần mình cho sức mạnh của đoàn và như thế mà ai cũng quan trọng, vì nếu chỉ thiếu một người thì đã không còn là cả đoàn.

Đặc biệt con rất mến chú Hùng, chú hay chọc về thứ tiếng Huế của con, rất nhiều lúc chú không hiểu hết ý con muốn nói gì. Không ai trong đoàn nghĩ là đi hành hương để vui chơi, thế nhưng thật là vui khi chú Hùng kể chuyện trong xe buýt làm mọi người đều cười. Chú luôn luôn tận tình quay phim chụp hình cho mọi người, cho đoàn, cứ mỗi ngày là có một niềm vui. Con phải cảm ơn chú, hẳn là phải nhân danh cả đoàn, vì chú đem xi dầu và rong biển rộng lòng phân phát trong mỗi bữa ăn, thứ đó trở thành một phần trong thực đơn hàng ngày của chúng con.

Đối với chú Trục và cô Thủy thì mẹ con và con cũng rất hợp, thậm chí sau chuyến hành hương về lại Việt Nam, chúng con còn gặp nhau suốt một ngày và nhắc lại biết bao kỷ niệm đã trải qua trong chuyến đi. Còn người mà con quý trọng nhất là “Sư bà”, bà được mọi người trân trọng gọi như thế, vì dù tuổi đã cao nhưng vẫn thực hiện chuyến đi mỹ mãn. Dù không có đồng hồ và hay muốn đi một mình, bà vẫn luôn luôn đến nơi hẹn đúng giờ. Bà vượt quá mọi mong đợi, không một

lời than vãn về sức nóng khủng khiếp 47°C, bà quyết chí đi hết tất cả mọi con đường đi bộ. Không những thế bà còn hơn hẳn chúng con về tinh thần kiên định. Con hết lòng quý mến bà.

Không thể quên được anh tài xế lái xe, anh lơ xe và bạn Michael. Bản thân con cũng vừa mới lấy bằng lái cách đây không lâu và vì thế ít có kinh nghiệm với giao thông. Ngược lại, anh lái xe của chúng con là người đã luôn luôn đưa chúng con về đích an toàn, biết cách xoay trở đưa xe qua những đoạn đường nhỏ hẹp và toàn tâm toàn ý lo cho thiết bị máy lạnh được vận hành tốt. Anh lơ xe thật là một người hết sức thân thiện, luôn luôn với nụ cười trên môi, giúp chúng con chuyển hành lý lên xuống và không bao giờ tỏ vẻ mệt mỏi về việc phải ngồi trong một khoang xe không máy lạnh qua những chặng đường dài. Còn Michael mà ai cũng gọi là “Meikooo”, chúng con không tưởng tượng được nếu thiếu anh? Ai sẽ chụp hình suốt thời gian cho chúng con, đầy kiên nhẫn, nhất là phải chụp một lúc với 30 chiếc máy hình. Trong đôi mắt hình như lúc nào anh cũng cười và luôn luôn cố gắng hiểu những gì khách nói với anh mà khách do thiếu Anh ngữ đành phải nói tiếng Việt chậm và rõ to. Số phận đặc biệt của anh, xảy ra trong thời thơ ấu, đã làm cho nhiều người trong chúng con rất xúc động và cũng dạy chúng con rằng, ta không nên nhìn lại đằng sau mà nên sống một cách tự tin ngay tại bây giờ. Rõ ràng đây là một thí dụ tốt nhất chứng minh rằng có thể vượt trên những thất bại nặng nề nhất trong đời và không để mình trở thành một con người cay đắng. Rất cảm ơn về bài học này.

Anh là người Ấn Độ duy nhất trong đoàn chúng con, dù không hiểu một tiếng Việt nào, vẫn nhanh chóng trở thành thành viên của đoàn và được tất cả mọi người yêu mến. Đơn giản anh là Meikooo của chúng con.

Cảm ơn chú Toàn, chú là một hướng dẫn viên du lịch tuyệt vời và dù mới đầu bị bệnh nhưng vẫn luôn luôn nhẫn nại, vui vẻ. Con chưa bao giờ gặp một người biết nhiều như chú và do đó con hết sức hâm mộ chú. Thật là duyên may con được tham gia trong phái đoàn này, do chú hướng dẫn, con rất vui mừng. Một lần nữa xin cảm ơn chú đã tặng bức tượng, con sẽ để tượng trên bàn học của con và trông sao cho đến ngày được an vị tượng, khi con bắt đầu học đại học.

Cảm ơn mẹ, đã tin tưởng con và cho con đi theo trong chuyến hành hương. Con biết mẹ không phải đi với ai cũng vui lòng và vì vậy rất biết ơn mẹ đã cho con đi theo và cùng chia sẻ với con những ấn tượng. Con rất hạnh phúc đã có mẹ, cũng vì mẹ là tấm gương cho con trong niềm tin tôn giáo. Không có mẹ hẳn con sẽ không đi con đường này và con rất yên lòng vì biết rằng lúc nào con cũng có thể đến với mẹ, khi có câu hỏi hay thắc mắc. Hãy cho con biết, khi mẹ dự định đi hành hương nữa. Thật sự con không ước mong gì hơn được theo mẹ thêm một lần nữa. ■



Ý nghĩa

Tam minh

LIÊN ĐỨC

Tam minh (*Tevijjā*) hay ba loại tri kiến (*nāna*) đưa đến đoạn trừ các lậu hoặc là một thuật ngữ Phật học dùng để chỉ cho trí tuệ hướng đến giác ngộ trong lộ trình tu chứng của đạo Phật gồm giới-định-tuệ-giải thoát-giải thoát tri kiến. Nó là một loại năng lực tâm thức thanh tịnh sáng suốt, được khai mở và phát triển nhờ công phu tu tập giới đức và thiền định, có khả năng chứng nghiệm đầy đủ và sâu sắc mọi hình thái khổ đau của hiện hữu, hướng đến cắt đứt hoàn toàn mọi tham ái, chấp thủ và vô minh, thực chứng tâm giải thoát bất động (*akuppa cetovimutti*).

Có hai hình thức mô tả về tiến trình tu chứng của đạo Phật được tìm thấy khá phổ biến trong các bản kinh Pāli Nikāya. Loại thứ nhất mô tả đầy đủ về giới, tiếp đến mô tả về định gồm tứ thiền sắc giới, sau cùng mô

tả về tuệ hay tri kiến gồm lục thông (thần túc thông, thiên nhãn thông, tha tâm thông, túc mạng thông, thiên nhãn thông, lậu tận thông). Loại thứ hai mô tả đầy đủ về giới và định giống như loại thứ nhất nhưng ở phần tuệ hay tri kiến thì có sự giản lược, thay vì mô tả đầy đủ về lục thông, ở đây chỉ nói đến ba yếu tố sau cùng là túc mạng thông, thiên nhãn thông và lậu tận thông hay còn gọi là túc mạng minh, thiên nhãn minh và lậu tận minh. Việc bỏ qua ba yếu tố đầu, chỉ giữ lại ba yếu tố sau hẳn là việc làm có chủ ý của Đức Phật hoặc của các học trò Ngài về sau trong phương pháp giảng dạy, bởi xét cho cùng thì tuy nói đủ là lục thông nhưng chỉ có ba yếu tố sau cùng mới quan trọng và thật sự cần thiết cho việc thực hiện mục tiêu giải thoát khổ đau, mục tiêu tối hậu của mọi nỗ lực Phật giáo. Chúng ta xét qua các định nghĩa về tam minh để nhận ra ý nghĩa

quan trọng của chúng trong tiến trình tu chứng giải thoát của đạo Phật:

“Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thân như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến Túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi

đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: “Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, ăn uống như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, ăn uống như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây”. Như vậy, vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thân như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh làm những ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến, những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi Trời, trên đời này. Như vậy, vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thân như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến Lưu tận trí. Vị ấy biết như thật: “Đây là Khổ”, biết như thật: “Đây là Nguyên nhân của khổ”, biết như thật: “Đây là sự Khổ diệt”, biết như thật: “Đây là Con đường đưa đến khổ diệt”; biết như thật: “Đây là những lậu hoặc”, biết như thật: “Đây là nguyên nhân của lậu hoặc”, biết như thật: “Đây là các lậu hoặc diệt”, biết như thật: “Đây là con đường đưa đến các lậu hoặc diệt”. Nhờ biết như vậy, thấy như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: “Ta đã giải thoát”. Vị ấy biết: “Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, không có trở lui đời sống này nữa”.

Các định nghĩa về tam minh cho thấy trên cơ sở thanh tịnh sâu lắng của tâm Thiền thứ tư, nghĩa là với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thân, vị hành giả tiếp tục công phu tu tập của mình bằng cách hướng tâm đến hay tác ý về ba sự hiểu biết sâu sắc hay ba loại tri kiến đặc biệt liên hệ đến khổ đau



nhằm đi ra khỏi khổ đau. Cả ba loại tri kiến này có công năng làm gia tăng cảm thức sâu sắc về ý nghĩa khổ đau và đều phục vụ cho mục đích giải thoát khổ đau.

Loại tri kiến thứ nhất, Túc mạng minh (*pubbenivāsānussati-nāna*), là thấy rõ sự khổ đau của chính bản thân mình thông qua sự chứng nghiệm đầy đủ các đời sống quá khứ, một chuỗi các sự kiện sống chết tương chừng như vô tận liên tiếp nối đuôi nhau tạo nên một vòng tròn (*samāra*) khổ đau không chấm dứt, không lối thoát. Việc chú tâm nhớ lại vô số các đời sống nối trôi trong vòng sinh tử luân hồi không mang ý nghĩa gì khác ngoài công năng thức tỉnh vị hành giả về ý nghĩa khổ đau của cái chuỗi hiện hữu luân quần, thấy rõ sự nguy hiểm của tái sinh và gợi cảm thức nhằm chán đối với sự kiện sinh tử luân hồi.

Loại tri kiến thứ hai, Thiên nhãn minh (*sattānam cutūpapāta-nāna*), là thấy rõ khổ đau của chúng sinh, do nghiệp lực mà tái sinh ở trong các cảnh giới khác nhau, hoặc sướng hoặc khổ nhất thời, nhưng tất cả đều là hệ quả khổ đau của nghiệp, của pháp hữu vi, chịu sự thay đổi, biến hoại, sanh tử triển miên, không lối thoát. Việc hướng tâm chứng nghiệm số kiếp luân hồi sinh tử của chúng sanh ở trong tam giới cũng không mang ý nghĩa gì khác ngoài việc làm gia tăng cảm thức về sự thật khổ đau của sự kiện tái sinh và làm mạnh mẽ thêm ý thức nhằm chán muốn thoát ly sự trói buộc khổ đau của vòng sinh tử luân hồi.

Cả hai loại tri kiến trên có nhiệm vụ tăng cường khả năng nhận diện đầy đủ về mọi hình thái khổ đau của cái gọi là tiến trình hiện hữu và có mục đích thôi thúc vị hành giả về ý chí thoát ly khổ đau được thể hiện bởi sự tập trung tác ý về khổ, khổ tập, khổ diệt, con đường đưa đến khổ diệt (của ngũ uẩn); về lậu hoặc, lậu hoặc tập khởi, lậu hoặc đoạn diệt, con đường đưa đến lậu hoặc đoạn diệt nhằm chấm dứt hoàn toàn mọi khổ đau. Đây chính là tri kiến thứ ba, tức là sự hướng tâm chứng nghiệm rốt ráo về khổ đau của sự kiện hiện hữu và cách thức đi ra khỏi khổ đau đưa đến sự đoạn tận mọi gốc rễ khổ đau gọi là Lậu tận minh hay Lậu tận trí (*āsavānam khaya-nāna*). Đến đây thì lộ trình tu chứng của đạo Phật mới kết thúc và trí tuệ đã hoàn tất vai trò của nó trong nhiệm vụ nhận diện và đoạn tận mọi mầm mống gây nên khổ đau. *Kinh Pháp Cú*² nêu rõ vai trò của tuệ giác giải thoát:

*Thấy khổ và khổ tập,
Thấy sự khổ vượt qua,
Thấy đường Thánh tám ngành,
Đưa đến khổ não tận.*

Đáng chú ý là ba loại tri kiến trên tuy có công năng khác nhau nhưng đều nhằm đến và phục vụ cho một mục đích duy nhất, đó là sự buông bỏ, cắt đứt, diệt tận, chấm dứt hoàn toàn mọi gốc rễ và hệ lụy khổ đau. Chúng là kết quả xác đáng của sự nỗ lực nghiêm trì giới

luật và hành sâu về thiền định, có khả năng tiếp cận và nhận rõ bản chất của các sự vật và hiện tượng một cách đúng như thật. Hai tri kiến đầu giúp chúng nghiệm một cách tổng quát và chi tiết về khổ đau, hết thảy pháp hữu vi không gì khác là khổ đau, có chức năng thôi thúc vị hành giả tiến sâu hơn vào bản chất của sự kiện khổ đau để chứng nghiệm rốt ráo về ý nghĩa của khổ đau và để xác tín về con đường đi ra khỏi khổ đau. Tri kiến thứ ba là sự chứng ngộ trọn vẹn về khổ đau, về nguyên nhân sanh khởi, lý do đoạn diệt và phương pháp thoát ly khổ đau được thực hiện bằng tâm thức định tĩnh, sáng suốt, sẵn sàng rời bỏ tham ái, buông bỏ chấp thủ, do thấu suốt lý vô thường, vô ngã.

Nhìn chung, tam minh chính là ba cấp độ trí tuệ của đạo Phật, được nuôi dưỡng và phát triển bởi công phu tu tập về giới đức và thiền định, có đặc tính đi sâu vào bản chất của mọi sự vật và hiện tượng, chứng nghiệm bản chất như thật của các pháp là vô thường, khổ, vô ngã, đưa đến việc loại bỏ tham ái và chấp thủ, chấm dứt hoàn toàn mọi trói buộc khổ đau. Chúng được gọi chung là trí tuệ với ba tầng nghĩa khác nhau là thắng tri (*Abhinna*), liễu tri (*Parinna*) và đoạn tận (*Pahāna*)³. Thắng tri là sự hiểu rõ về ngũ uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) hay các pháp hữu vi, thấy rõ nguyên lý sanh và diệt của chúng thông qua thiền định. Liễu tri là sự chứng nghiệm rốt ráo về bản chất vô thường, khổ, vô ngã của ngũ uẩn và hết thảy pháp hữu vi nhờ công phu thiền quán. Đoạn tận tức là khả năng buông bỏ, viễn ly, rời xa, không còn luyến ái, không còn ý tưởng ôm ấp hay nắm giữ bất kỳ một thứ gì do chúng nghiệm rốt ráo về bản chất vô thường, khổ, vô ngã của ngũ uẩn và hết thảy pháp hữu vi. Trong kinh văn truyền thống, loại trí tuệ này thường được mô tả như vậy:

"Nhờ biết như vậy, thấy như vậy (thấy biết rốt ráo về bản chất vô thường, khổ, vô ngã của ngũ uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức hay các pháp hữu vi), tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: 'Ta đã giải thoát'. Vị ấy biết: 'Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, không có trở lui đời sống này nữa'".

Hoặc nó được diễn tả: *"Chư Tỷ-kheo, nhờ biết như vậy, nhờ thấy vậy, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc, yếm ly đối với thọ, yếm ly đối với tưởng, yếm ly đối với hành, yếm ly đối với thức, do yếm ly nên ly tham, do ly tham, nên được giải thoát, trong sự giải thoát có trí khởi lên, biết được đã giải thoát. Vị ấy biết: 'Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, không còn trở lui tại đây với một đời sống khác'".* ■

Chú thích:

1. *Tiểu kinh Ví dụ dấu chân voi*, Trung Bộ.
2. *Pháp Cú*, kệ số 191.
3. *Đại kinh phương quảng*, Trung Bộ.



Quan hệ thầy trò

Coi thầy là Phật hay giống như Phật?

JULIA HENGST & SAKYA TRIZIN

HỒNG DIỆP dịch

Quan điểm của Kim Cương thừa về mối quan hệ giữa thầy và trò trong giáo pháp có những điểm khác biệt với Phật giáo Đại thừa hay Phật giáo Nguyên thủy. Chính vì thế, một nữ cư sĩ Phật giáo là Julia Hengst đã đến tận Pullawari [hay Puruwala?] để gặp ngài Tát-già Pháp vương (Sakya Trizin), người đứng đầu đời thứ 41 dòng truyền thừa Sakya của Phật giáo Tây Tạng để tham vấn về vấn đề này. Cuộc trao đổi diễn ra vào tháng Hai năm 2002 sau đó đã được đăng tải trên tạp chí Mandala của tổ chức Foundation for the Preservation of the Mahayana Tradition (Quỹ Bảo tồn Truyền thống Đại

thừa) số tháng Sáu và tháng Tám năm 2002. Bản dịch dưới đây do dịch giả gửi đến, VHPG xin giới thiệu với quý độc giả để tham khảo.

Julia Hengst: Ngài từng nói rằng theo Kim Cương thừa thì người thầy được coi là Phật; nhưng trong truyền thống Đại thừa, người thầy được coi giống như Phật chứ không phải là Phật. Ngài có thể giải thích thêm về sự khác biệt này?

Sakya Trizin: Đối với mọi dòng truyền thừa, Nguyên thủy, Đại thừa và Kim Cương thừa, người thầy là rất quan trọng. Kể cả trong ý nghĩa thông thường, không có thầy chẳng ai có thể học được điều gì. Mọi cấp độ trong các dòng truyền thừa đều nhấn mạnh tầm quan

trọng của người thầy. Tuy nhiên ở Nguyên thủy và Đại thừa, dù người thầy rất quan trọng, vẫn không được coi là Phật. Người thầy quan trọng như Phật, song không thực sự là Phật.

Với Kim Cương thừa, để nhận thức bản chất của tâm, ta cần sự gia trì của thầy và tích lũy công đức. Thiếu hai điều này, ta không thể giác ngộ, cho dù có học tập nghiên cứu, phân tích, lý luận hay ví dụ. Ta có thể hiểu biết, song không thể giác ngộ nếu thiếu sự gia trì của thầy. Ví dụ, mặt trời chiếu sáng suốt ngày. Nhưng nếu thiếu các công cụ cụ thể, không ai sử dụng được năng lượng của nó. Cũng vậy, sự gia trì của Phật luôn tỏa xuống cho mọi chúng sinh không bao giờ gián đoạn. Mặc dầu sự gia trì của Phật đối với chúng sinh là như nhau, không phân biệt; nhưng vì thiếu đức, ta không thể thấy Phật. Ta không may mắn được thấy Phật hay nghe Phật giảng, do vậy ta không thể trực tiếp nhận được sự gia trì của Phật.

Người thầy, xuất hiện như một người bình thường, đóng vai trò như một công cụ giữa mặt trời và trái đất để thông qua thầy, ta có thể nghe Pháp và có thể trực tiếp nhận được gia trì từ thầy. Do vậy, theo Kim Cương thừa, vị ban cho ta các phép quán đỉnh, giáo pháp, mật pháp và những chỉ dẫn cốt tủy, mặc dù vị ấy không xuất hiện như một vị Phật, vị ấy vẫn được các học trò coi là Phật. Mặc dầu vị thầy không hoàn hảo và có những khiếm khuyết, song nếu ta coi thầy là Phật thật, ta có thể nhận được sự gia trì của Phật. Vì rút cục, mọi sự do tâm, và mọi chúng sinh đều có Phật tính. Do vậy, kể cả khi thầy của ta đang ở địa ngục, nhưng nếu từ quan điểm học trò, ta vẫn coi thầy là thầy, thì ta vẫn nhận được sự gia trì của thầy. Phải vậy không?

Mức độ gia trì của Kim Cương thừa còn mãnh liệt hơn nhiều. Đó là lý do vì sao mà theo quan điểm Đại thừa thì không thể giác ngộ trong một kiếp; kể cả những vị có trí tuệ và cố gắng nhất thì vẫn phải mất đến vô số kiếp; nhưng theo Kim Cương thừa, những người siêu phàm và có đủ công đức có thể đạt được Phật quả ngay trong đời này.

JH: Hết lòng tôn kính thầy, như được trình bày theo các khái niệm Mật tông, là điều khó khăn nhất đối với người phương Tây; trong khi không muốn có gần gũi với thầy thì mặt khác đôi lúc người phương Tây nghi ngờ về hành động của các vị thầy. Vì đã được đào tạo trên tinh thần khoa học duy lý, điều phổ biến đối với người phương Tây là xem vị thầy không phải là người hoàn hảo. Làm thế nào để người phương Tây có thể vượt qua được trở ngại này và thực sự thấy thầy là Phật?

ST: Thực sự không ai có thể buộc ta tin vào điều này - không ai có thể buộc ta phải chấp nhận người thầy. Chính Đức Phật cũng đã nói, ngay cả những lời dạy của Ngài cũng phải được ta kiểm chứng một cách kỹ lưỡng và chỉ sau khi đã tự mình tin chắc rằng đó là giáo pháp chân thực, bấy giờ ta mới nên chấp nhận - chứ không chỉ là sự tin tưởng đơn thuần. Tương tự như vậy, theo

lời Phật dạy, ta không nên thiết lập quan hệ thầy trò ngay lập tức.

Đầu tiên người thầy phải kiểm tra học trò; sự chân thành và các phẩm chất của học trò... và học trò cũng nên tìm hiểu thầy. Ta phải rất cẩn thận trong việc chọn thầy. Có những văn bản cụ thể, ví dụ như *Năm mươi bài kệ về sự hết lòng tôn kính thầy*, trong đó có nhắc đến một cách rõ rệt tầm quan trọng của việc tìm hiểu lẫn nhau này. Do vậy chỉ khi tự mình tin chắc người thầy này là chấp nhận được thì mới nên tiếp nhận giáo pháp và phép quán đỉnh (của người ấy); khi đó, tôi cho rằng ta có thể cố gắng - ít nhất là cố gắng hết mức - để thấy thầy là Phật.

Dĩ nhiên ngày nay hầu như không thể tìm được người thầy hoàn hảo. Nếu thấy một người thầy có ít đức hạnh mà nhiều lỗi lầm thì ta nên tránh ngay từ ban đầu. Nhưng nếu vị ấy có nhiều đức hạnh và ít khiếm khuyết thì ta nên chấp nhận. Và một khi ta đã chấp nhận, rồi lại tiếp nhận giáo pháp từ vị ấy, thì mặc dầu có những hành động mà ta không thích hoặc không đồng ý, ta cũng nên cố gắng xem đây chỉ là do tà kiến và nghiệp của chính mình mà mình thấy như vậy. Trên thực tế, ta nên coi thầy như là Phật.

Ví dụ, khi nhìn ánh trăng phản chiếu trên mặt nước mờ đục, ta cũng không thấy rõ mặt trăng. Nhưng đó không phải là lỗi của mặt trăng, mà chính là do nước đục. Nếu nước trong, thì ánh trăng cũng sáng rõ. Nếu mặt nước đục hoàn toàn thì ta còn không nhìn thấy ánh trăng. Cho nên, ngay cả khi ta có những ý nghĩ tiêu cực, ta phải cố gắng thay đổi những ý nghĩ ấy và thấy thầy giống như những bậc thượng sư thời cổ. Nhiều vị thực sự là những đại hành giả thượng thừa, nhưng trong con mắt của người thường, họ đã làm những điều sai trái. Tất cả đều do những tà kiến thông thường; trong khi về thực tế, bất kỳ những gì các đại hành giả đã làm đều vượt qua những ràng buộc của nghiệp.

JH: Ngài nói rằng nếu học trò có suy nghĩ xấu về vị thầy thì nên cố gắng thay đổi những suy nghĩ ấy. Vậy có phải ta nên dùng những phép đối trị thông thường, như khởi lòng từ để khắc phục sự bức tức, hoặc quán tưởng về tánh Không?

ST: Áp dụng phương pháp nào không là vấn đề miễn sao ta thay đổi được suy nghĩ của mình. Và hầu hết là ta có thể thay đổi nhờ việc tìm hiểu về tiểu sử các vị thầy của dòng truyền thừa - làm thế nào mà các đại hành giả thời xưa có vẻ đã làm những điều lầm lỗi và những người học trò mất niềm tin đều không đạt được thành tựu, trong khi những người giữ vững niềm tin, tiếp tục xây dựng lòng tôn kính với thầy ngay cả khi thầy có những hành động lạ lùng, đều đạt được thành tựu? Về điều này, tôi cho rằng cách đối trị tốt nhất, đặc biệt đối với người phương Tây, là không nên chấp nhận vị thầy ngay lập tức. Trước hết ta phải nghiên cứu những bài học cơ bản, nhất là cách kiểm tra thầy và trò - cách thiết lập mối



quan hệ thầy trò - và thực hiện điều này một cách cẩn thận. Một khi ta đã tin chắc vị thầy là chấp nhận được, rằng vị ấy có nhiều đức hạnh và ít khiếm khuyết, rồi khi ta đã tiếp nhận phép quán đỉnh và các bài giảng Mật tông, thì tôi nghĩ rằng điều rất quan trọng là hãy tiếp tục xây dựng lòng tôn kính...

JH: Thưa Ngài, ở phương Tây nhiều người rất nôn nóng về việc chưa được nhận phép quán đỉnh theo Mật tông.

ST: Đúng vậy, và tôi nghĩ sự nôn nóng này không hẳn là đúng đắn, vì phép quán đỉnh Mật tông chẳng dễ dàng gì. Không những thế, quán đỉnh Mật tông thường kèm theo nhiều giới luật, hạnh nguyện, quy tắc; do vậy ta phải rất cẩn thận để có khả năng gìn giữ tất cả những hạnh nguyện ấy và sự hết lòng tôn kính thầy. Theo tôi, giải pháp tốt nhất là ta phải biết rõ về tất cả những điều đó và khảo sát chúng ở cả hai mặt.

JH: Nếu các học trò chấp nhận mọi hạnh nguyện nhưng không biết rõ các hạnh nguyện ấy thế nào và vì thế mà vi phạm chúng thì điều đó ảnh hưởng thế nào tới người thầy?

ST: Nếu ta không giữ được hạnh nguyện và vi phạm giới luật, việc đó tác động đến nhiều điều nhưng đặc biệt là ảnh hưởng tới vị thầy. Người thầy ở lại cõi Ta-bà này là để cứu giúp chúng sinh, do vậy nếu các chúng sinh không được lợi lạc - nếu học trò không giữ hạnh nguyện và làm những việc sai trái - thì việc người thầy ở lại cõi này là vô nghĩa, do vậy nó ảnh hưởng tới sinh mệnh của người thầy.

JH: Người ta cho rằng Đức Đạt-lai Lạt-ma từng khuyên người Tây Tạng nên dành trọn 13 năm (một chu kỳ niên

lich Tây Tạng kèm theo một năm lễ) để học hỏi về những bài giảng của vị Lạt-ma và tìm hiểu về người thầy tương lai. Phải chăng điều này là thích hợp hay cần thiết cho người phương Tây?

ST: Tôi cũng nghĩ vậy. Như đã nói trên, việc tìm hiểu cẩn thận là rất quan trọng. Người học trò có thể tiếp nhận những giáo huấn thông thường và cơ bản mà không nhận các giáo huấn Mật tông cao cấp, và bắt đầu thiết lập mối quan hệ thiện hữu - ta có thể coi người ấy là bạn. Dựa trên nền tảng này ta có thể nhận nhiều giáo huấn. Từ đó, ta cần nghiên cứu cẩn thận việc làm thế nào để có được người thầy Mật tông - thế nào là các phẩm chất của một vị thầy... Như thế, tôi không cho rằng phải có một khoảng thời gian nhất định, vì đối với một số người, ngay cả 13 năm cũng là quá ngắn, trong khi với một số người khác, 13 năm là dài một cách không cần thiết. Nhưng về cơ bản là cho tới khi ta biết đích xác mình sẽ làm gì, ta sẽ nhận được những gì và ta sẽ chấp nhận vị thầy như thế nào... Ta phải nghiên cứu kỹ cho tới tận thời điểm ấy. Tôi nghĩ điều này là rất quan trọng.

JH: Nếu ta nghiên cứu cẩn thận, tiến hành chậm rãi từng bước một, và xây dựng được lòng tôn kính lớn, nhưng mãi không tìm được thầy, thì có cách nào để tìm thấy thầy một cách nhanh chóng không? Có thể là qua cầu nguyện, hay một vài thực hành nào đó?

ST: Đúng, tôi nghĩ cũng giống như trong tiểu sử của các bậc thượng sư thời trước, họ cầu nguyện và tìm kiếm người thầy. Một vài người có khả năng siêu phàm, họ nhận được những dấu hiệu nào đó, ví dụ như trong mơ họ thấy trước người thầy. Hoặc họ có thể thấy người thầy từ kiếp trước. Một khi ta gặp một người thầy từ kiếp trước, chỉ từ cái nhìn đầu tiên ta đã có những cảm giác rất đặc biệt. Điều tốt nhất là phải tích lũy công đức. Nếu không đủ công đức thì ta không thể tìm thấy người thầy từ kiếp trước; nhưng nếu có đủ công đức thì điều này là rất dễ dàng. Có nhiều cách để tích lũy công đức; nhưng cách tốt nhất để tích lũy công đức trong một thời gian ngắn là xây dựng lòng từ bi và dựa trên cơ sở đó phát triển bồ-đề tâm.

JH: Đôi khi người thầy có vẻ như có những quyết định sai lầm, thậm chí dựa vào bói toán để đưa ra một lời tiên đoán mà tỏ ra là hiển nhiên sai lầm. Làm thế nào ta có thể học được cách đối xử với người thầy có quyết định có thể dẫn đến những kết quả (dường như là) tệ hại. Ví dụ có lần một vị Lạt-ma đã khuyên một cặp vợ chồng không nên tiêm phòng đại cho đứa con của họ bị chó cắn, và đứa trẻ đã chết. Làm sao ta có thể có được một sự hiểu biết về điều mâu thuẫn hiển nhiên này?

ST: Ngay cả khi quẻ bói của tôi nói rằng không nên tiêm phòng đại thì tôi cũng vẫn khuyên mọi người nên tiêm phòng đại để được an toàn! Bất luận thế nào thì câu hỏi này cũng đụng chạm tới nhiều vấn đề. Theo trường phái Trung luận, mọi sự đều do duyên khởi. Mọi

thứ đều phụ thuộc (lẫn nhau) - thời gian, hoàn cảnh, con người có liên hệ... Và vì thế, nhiều khi điều này xảy ra vì sự thiếu tin tưởng, tin cậy của người học trò; cũng có khi, nếu ta có một nghiệp xấu quá nặng khó thể chuyển đổi thì những điều bói toán có thể sai lạc. Lại nữa, điều đó cũng còn phụ thuộc vào vị Lạt-ma - không phải mọi vị Lạt-ma đều hoàn hảo. Có Lạt-ma cấp cao, Lạt-ma cấp trung và Lạt-ma tầm thường; cho nên một số Lạt-ma cũng phạm sai lầm.

Không phải người thầy nào cũng là Phật. Như tôi đã nói, ngày nay gần như là không thể tìm được một người thầy hoàn hảo, nhưng chúng ta nên cố gắng thỏa hiệp với những vị Lạt-ma có nhiều đức hạnh và ít lỗi lầm.

JH: Người thầy xuất hiện như một người bằng xương bằng thịt, nhưng một trong các nhiệm vụ của vị thầy bên ngoài là để kết nối ta với vị thầy bên trong. Làm thế nào để ta có thể biết đây chính là người thầy bên trong đang nói với ta chứ không phải là ảo tưởng? Và liệu có khi nào người thầy bên trong thể hiện ra một cách rõ ràng như một giọng nói bên trong, một sự kiện xảy ra cùng lúc, hay một âm thanh trong môi trường?

ST: Tôi không cho rằng thực sự người thầy bên trong có nói. Người thầy bên trong ở đây có nghĩa là những trải nghiệm. Một cách cơ bản, người thầy bên trong có nghĩa là mọi chúng sinh đều có Phật tính - bản chất thực của tâm thức vốn không bao giờ bị ô uế bởi những sự che lấp. Nhưng tại thời điểm này ta chưa thấy được bản chất thực của tâm ta. Thay vào đó chúng ta hoàn toàn bị che lấp bởi những ảo tưởng và rất khó để thấy được điều đó. Nhưng nhờ sự gia trì của vị thầy bên ngoài, ta có thể có được một cái nhìn thoáng qua; nhờ thiền định, nhờ tích lũy công đức và nhờ nhận được sự gia trì của thầy, ta có thể thoáng thấy bản chất thực của tâm mình. Qua đó, với sự tinh tấn hành trì, ta có thể từng bước nhận thức được bản chất thực của tâm thức. Đây chính là người thầy bên trong.

Nói cách khác, người thầy bên trong không có nghĩa là điều gì đó bên trong nhắc bảo ta điều này điều kia hay đưa ra những chỉ thị - điều đó không phải như vậy. Điều đó có nghĩa là việc tìm kiếm bản chất của tâm.

JH: Người thầy bí mật là ai thưa Ngài?

ST: Người thầy bên ngoài là sự kết hợp của chư Phật, người thầy bên trong là tịnh quang - bản chất của tâm thức của mỗi người chính là người thầy bên trong, còn người thầy bí mật là bản chất của cái tâm ấy nhưng đã tách rời khỏi mọi điều thái quá, được gọi là *Pháp thân*. Ta có thể nói đây là một khía cạnh khác của tịnh quang. Đây chính là người thầy bí mật.

JH: Nếu ta ở cách xa người thầy nhưng có cảm giác mãnh liệt rằng đang được thầy chỉ dẫn, điều này có nghĩa là gì nếu như không phải là người thầy bên trong? Đây có phải là một kết nối siêu phàm?

ST: Dĩ nhiên đúng là như vậy. Nhưng đây không phải

là người thầy bên trong, mà là do sự tôn kính - một lòng tôn kính mãnh liệt. Điều đó dựa trên mối liên kết với người thầy bên ngoài. Người thầy bên trong có nghĩa là ta càng gắn kết với bản chất thật của tâm mình thì ta càng gắn với người thầy bên trong. Còn khi ta có cảm giác mãnh liệt rằng mình đang được người thầy bên ngoài chỉ lối thì đây chính là sự gia trì của người thầy bên ngoài.

JH: Tục ngữ nói rằng người thầy như ngọn lửa; nếu ở quá gần thầy ta sẽ bị đốt cháy, nếu ở quá xa thầy ta sẽ bị lạnh. Thế nào là sự cân bằng thích đáng?

ST: Với người bình thường, nếu ở quá gần thầy, sẽ khó thấy được đức hạnh mà dễ thấy khiếm khuyết của thầy. Cho nên, ở gần thầy quá thì cũng không phải là lý tưởng. Nhưng đồng thời ta cần có sự kết nối để nhận được giáo huấn, phép quán đỉnh... và một khi đã có được mọi thứ rồi thì nên giữ một khoảng cách nhỏ. Ngay cả khi giữ khoảng cách này, ta cũng nên duy trì mối liên kết bằng cách thực hành việc hình dung, quán tưởng và thỉnh cầu sự gia trì của thầy để hòa nhập tâm mình với tâm có tuệ giác của thầy.

Vài người có khả năng ở gần thầy và số khác thì không. Điều này tùy thuộc vào từng cá nhân. Nhưng nếu có khó khăn thì có rất nhiều cách giải quyết, chẳng hạn như đọc tiểu sử của những bậc thượng sư đời trước.

JH: Phải chăng việc dâng hiến mọi năng lực của mình cho người thầy là một việc khôn ngoan hay đúng đắn?

ST: Sau khi đã chấp nhận một vị thầy là bốn sư, người ban cho ta các phép quán đỉnh và đặc biệt là vị thầy đã chỉ cho ta thấy bản chất của tâm thức, thì dĩ nhiên với vị ấy ta phải dâng hiến tất cả.

JH: Nếu vị bốn sư của ta ngày càng bận vì có nhiều học trò và có ít thời gian dành riêng cho từng học trò một thì làm thế nào ta có thể tránh được cảm giác không bằng lòng, ghen tị hay quá miễn cảm? Làm thế nào có thể biết chắc rằng ta sẽ nhận được những chỉ dẫn cần thiết?

Ghen tị và các suy nghĩ tiêu cực khác rất có hại. Không chỉ trong tương lai mà ngay cả ở kiếp này, chúng sẽ phá hủy cuộc sống của ta. Cho nên, nhớ tới những hậu quả mà ta phải đối mặt vì dung dưỡng những tình cảm xấu ấy mà ta cố tránh mắc phải chúng.

Về phần tiếp nhận các chỉ dẫn, bất kỳ khi nào có cơ hội ta nên cố gắng tìm kiếm sự chỉ dẫn của thầy. Một cách cơ bản, bất kỳ những gì người thầy chỉ dẫn hay khuyên nhủ, điều rất quan trọng là ta phải làm theo. Nhiều người có khuynh hướng tiếp nhận nhiều giáo huấn nhưng sau đó thì không làm theo. Điều này là vô ích.

Bất kỳ giáo huấn nào ta nhận được - cho dù là ít ỏi - ta cũng nên thực hành bằng cả thân, khẩu và ý. Nếu liên tục có chướng ngại khiến không gặp được thầy thì ta nên cúng dường mạn-đà-la và tụng chú Kim cương Tát-đỏa nhiều hơn để tịnh hóa các nghiệp xấu và tích lũy công đức. Khi đã có đủ công đức thì sẽ có tất cả. ■



Trí huệ tánh Không và lòng sùng tín

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Nói đến lòng sùng tín, sùng mộ và tin tưởng, có lẽ không phẩm nào của *Kinh Đại Bát-nhã* nói cụ thể và xúc động hơn phẩm *Bồ-tát Thường Đề*, kể về sự nhiệt thành khát khao cầu ngộ nhập tánh Không của một Bồ-tát. Sùng mộ, tin tưởng và nhiệt thành cầu thể nhập tánh Không đến độ thường hay khóc, do đó có tên Thường Đề.

Trong bài viết ngắn này, chúng ta chỉ trích dẫn vài đoạn ngắn trong *Kinh Đại Bát-nhã* để thấy phần nào lòng sùng tín của một người tu hành trí huệ tánh Không.

1 Với bậc thiện tri thức chỉ dạy

“Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát tu hành việc thân cận thiện tri thức như thế nào?”

Đức Phật trả lời: Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát thấy các thiện hữu tri thức khuyến dạy chúng sanh, khiến họ tu tập Nhất thiết trí trí, bèn gần gũi, cung kính, cúng dường, tôn trọng, ca ngợi, thưa hỏi, lãnh thọ chánh pháp, ngày đêm thừa phụng, không có lòng mỏi mệt. Đây là Đại Bồ-tát tu hành việc thân cận thiện hữu tri thức” (Phẩm *Biện Đại thừa*, hội thứ 1).

Chính lòng sùng tín đối với Bát-nhã mà các thiện tri thức là đại diện, đã mở tâm hành giả, làm rơi rụng

bớt những phiền não chấp ngã che chướng khiến tâm ấy có thể tiếp nhận, lãnh thọ và ngộ nhập Bát-nhã. Lòng sùng tín là sự chuẩn bị, khai quang đất tâm để cho thiện tri thức khai thị trí huệ Bát-nhã. Lòng sùng tín khiến tâm hành giả không còn cong vạy, mà thẳng tắp như thiền định nhất tâm. *Kinh Duy Ma Cật* nói: “Tâm thẳng (trực tâm) là đạo tràng”.

Người ta không thể đạt đến tánh Không khi không có lòng sùng mộ tin tưởng vào tánh Không vì tánh Không chính là giải thoát giác ngộ. Mà cánh cửa đưa vào tánh Không là thiện tri thức, vị ít nhất đã thấy trực tiếp tánh Không. Thế nên sùng tín đối với thiện tri thức tức là sùng tín Bát-nhã, trí huệ soi thấy tánh Không.

Nói về sự nhiệt thành cầu trí huệ tánh Không, có câu chuyện Thiền như sau:

Có vị Tăng tên là Thần Quang đến với Sơ tổ Bồ-đề-đạt-ma. Đêm ấy tuyết rơi nhiều, Thần Quang vẫn đứng ngoài chấp tay chờ đợi. Tổ quay lại hỏi: Người đứng suốt đêm trong tuyết, ý muốn cầu điều gì?

Thần Quang thưa: Cúi mong Hòa thượng từ bi mở cửa cam lồ, rộng độ chúng con.

Tổ nói: Diệu đạo vô thượng của chư Phật, dù nhiều kiếp tinh tấn, làm được những việc khó làm, nhẫn được những việc khó nhẫn, còn không thể đến thay. Huống



là dùng chút công lao nhỏ này mà muốn cầu pháp chân thừa ư?

Thần Quang bèn chặt cánh tay trái để trước ngài. Tổ nói: Chư Phật lúc ban đầu cầu đạo, vì pháp quên thân, nay người muốn cầu điều gì?

- Pháp ấn của chư Phật con có thể nghe được chăng?
- Pháp ấn của chư Phật không phải từ người khác mà được.

- Tâm con chưa an, xin thầy chỉ dạy pháp an tâm.
 - Người muốn an tâm, vậy đem tâm ra đây, ta an cho.
- Thần Quang đứng yên một hồi, nói:
- Con tìm tâm mãi mà rốt chẳng thể được.
 - Như vậy là ta đã an tâm cho người rồi đó.

Thần Quang do đây được ngộ thấy bản tâm tánh Không của mình. Tổ bèn đổi tên Thần Quang thành Huệ Khả.

2 Với kinh điển và Tam bảo

Để đến với Bát-nhã, người ta cần có nhiều phước đức, đã từng trồng nhiều thiện căn, đã phát tâm Bồ-đề và không lìa bỏ tâm Bồ-đề. Bởi vì nếu ít phước đức, hành giả sẽ gặp nhiều chướng nạn và khó gặp những duyên lành để đến với Bát-nhã.

"Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, có nhiều sự khởi lên làm chướng nạn chống trái, khiến kẻ ít phước chẳng

thành tựu. Bát-nhã ba-la-mật-đa như ngọc lưu ly quý báu, ở châu Nam Thiệm-bộ có nhiều chướng nạn, người ít phước cầu chẳng thể được" (Phẩm *Ma sự*, hội thứ 1).

"Các Bồ-tát phát tâm cầu Giác ngộ vô thượng, tinh cần tu hành, đã từng cúng dường trăm ngàn muôn ức Đức Phật, ở chỗ các ngài phát thệ nguyện sâu rộng. Căn lành thuần thực, được vô lượng hạnh lành nhiếp thọ, nên đối với Bát-nhã sâu xa như thế có thể tin hiểu được" (Phẩm *Đạt trí*, hội thứ 1).

"Những thiện nam tử, thiện nữ nhân đã từng ở chỗ các Đức Phật gần gũi cúng dường, phát thệ nguyện sâu rộng, trồng các thiện căn, tâm ý thông sáng, được các thiện tri thức nhiếp thọ, nên đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa khó thấy khó biết chẳng phải chỗ suy nghĩ kiếm tìm, vượt khỏi chỗ suy nghĩ kiếm tìm, vi diệu vắng lặng tối thượng đệ nhất này, cũng có thể tin nhận thọ trì được" (Phẩm *Thọ giáo*, hội thứ 1).

Vị Bồ-tát trí huệ đệ nhất là ngài Văn-thù. Trí huệ của ngài là trí huệ Bát-nhã. Hình tượng của ngài là tư thế ngồi, tay phải cầm gương báu trí huệ, bên trái là các quyển *kinh Bát-nhã ba-la-mật-đa*. Trí huệ của bậc trí huệ đệ nhất chính là Bát-nhã tánh Không.

Thế nên *Kinh Đại Bát-nhã* nói trí huệ Bát-nhã là "mẹ của chư Phật", và sự biết ơn trả ơn của Phật chính là với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

"Tu-bồ-đề phải biết, Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa là mẹ của chư Phật, Bát-nhã ba-la-mật-đa thường chỉ bày thật tướng của thế gian. Vậy nên Như Lai y pháp mà trụ, trong tất cả thời cung kính cúng dường, tôn trọng ca ngợi, nhiếp thọ hộ trì không dứt hờ. Thế nên trong tất cả thế gian không ai biết ơn trả ơn hơn Phật vậy" (Phẩm *Phật mẫu*, hội thứ 1).

Đối với chư Phật là như thế, thì đối với người tu hành Bát-nhã sự sùng tín phải như thế này:

"Nếu các thiện nam tử, thiện nữ nhân chẳng lìa tâm Nhất thiết trí trí, đem vô sở đắc làm phương tiện, với Bát-nhã ba-la-mật-đa đầy chuyên tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh cần tu học, suy nghĩ đúng lý, rộng vì chúng sanh tuyên nói giảng giải. Hoặc lại biên chép, trang hoàng, cung kính, cúng dường, tôn trọng ca ngợi. Lại dùng các phẩm vật cao quý, tràng hoa, hương xoa, hương bột, chuỗi hạt, lụa là, phan lọng bảo tràng, các ngọc quý hiếm, đèn sáng kỹ nhạc mà cúng dường thì sanh phước vô lượng vô biên, chẳng thể nghĩ bàn.

Vì *Bát-nhã ba-la-mật-đa* thành tựu tất cả các bậc Thánh từ Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát cho đến Phật.

Kiểu Thi Ca! Nếu kinh điển *Bát-nhã ba-la-mật-đa* sâu xa đây truyền bá trong cõi người, thì thế gian này Tam bảo quyết định không ẩn mất. Nếu kinh điển này hiện hữu trong cõi người, thì thế gian thường có mười thiện nghiệp" (Phẩm *Phước sanh*, hội thứ 2).

Nhờ *Bát-nhã* mà người ta có phước đức thiện căn, nhờ *Bát-nhã* mà người ta có trí huệ và đại bi, nhờ *Bát-nhã* mà người ta tự giác, nhờ *Bát-nhã* mà người ta giác

tha, nhờ Bát-nhã mà người ta có mười thiện nghiệp để làm người, nhờ *Bát-nhã* mà người ta có Tam bảo.

Sự lợi lạc của *Bát-nhã* không thể kể hết, dù chỉ một tiếp xúc nhỏ như “để lọt vào tai”:

“Kiểu Thi Ca! Nếu các thiện nam tử, thiện nữ nhân, hoặc các thiên tử và thiên nữ, được *Bát-nhã ba-la-mật-đa* một phen lọt vào tai, vì sức thiện căn nên quyết định dần dần chứng được Giác ngộ vô thượng. Tùy sanh chỗ nào thường chẳng xa lìa mười thiện nghiệp” (Phẩm *Công đức*, hội thứ 2).

Chỗ thiết đặt kinh *Bát-nhã* được chư Thiên vương, chư thiên long thường đến chiêm ngưỡng, đi vòng quanh vui mừng hộ niệm:

“Bấy giờ Đức Phật bảo Trời Đế Thích rằng: Kiểu Thi Ca! Các thiện nam tử thiện nữ nhân này hoặc thấy chỗ đặt để kinh *Bát-nhã ba-la-mật-đa* sâu xa như thế có ánh sáng lạ, hoặc có mùi thơm khác thường, hoặc có tiếng thiên nhạc, phải biết lúc ấy có các chư thiên long... đi đến chỗ ấy để xem người kia làm lễ, đọc tụng *Bát-nhã* được biên chép, cúng dường cung kính, tôn trọng ca ngợi, chấp tay đi quanh vui mừng hộ niệm” (Phẩm *So lường công đức*, hội thứ 1).

3 Được ủng hộ và hộ niệm

Người thực hành *Bát-nhã* và khuyến khích người khác thực hành *Bát-nhã* thì được chư Phật hộ niệm:

“Đức Phật nói: Xá-lợi-tử! Chính do thần lực Phật và chư Phật mười phương khiến các ác ma kia chẳng thể làm hại các Bồ-tát biên chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, suy nghĩ, rộng thuyết *Bát-nhã ba-la-mật-đa* sâu xa.

Xá-lợi-tử! Chư Phật Thế Tôn đều chung hộ niệm các Bồ-tát tu hành *Bát-nhã ba-la-mật-đa*, khiến làm được nghiệp lành tốt đẹp, tất cả các ác ma chẳng thể làm hại ngăn chướng” (Phẩm *Công đức khó nghe*, hội thứ 1).

“Trời Đế Thích thưa với Đức Phật rằng: Chư thiên chúng tôi thường theo hộ vệ các thiện nam tử thiện nữ nhân này, chẳng để cho tất cả người, loài chẳng phải người và các thứ ác duyên làm náo hại” (Phẩm *Chư thiên đến*, hội thứ 2).

Bồ-tát thực hành *Bát-nhã* được bốn Đại thiên vương và các thiên thần ủng hộ:

“Đức Phật nói: Lại nữa, Đế Thích! Nếu các thiện nam tử, thiện nữ nhân với *Bát-nhã ba-la-mật-đa* này chuyên tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh cần tu học, như lý suy nghĩ, biên chép giảng nói, khiến rộng phổ biến, Bồ-tát này thường được bốn Đại thiên vương thế giới tam thiên đại thiên và thiên Đế Thích, chư Đại Phạm thiên vương cõi Kham Nhẫn, trời Cực Quang Tịnh, trời Biến Tịnh, trời Quảng Quả, trời Tịnh Cư... và các thiên thần đều ủng hộ, chẳng cho tai họa xâm hại, chỗ cầu không gì chẳng đầy đủ. Chư Phật hiện tại ở mười phương thế giới cũng thường hộ niệm Bồ-tát như vậy, khiến pháp xấu ác diệt, pháp tốt thiện tăng trưởng” (Phẩm *Nhiếp thọ*, hội thứ 1).

Chư thiên, long... đối với Bồ-tát tu *Bát-nhã* xem như Phật: “Bấy giờ trong chúng hội trời Đế Thích, các vị trời Dục giới, Phạm thiên vương, các vị trời Sắc giới và Y-xá-na thiên, các thiên nữ đồng ba phen cất cao tiếng rằng: Hay thay, hay thay! Tôn giả Tu-bồ-đề thừa thần lực Phật, Phật là chỗ nương, khéo vì chúng tôi trời, người thế gian phân biệt khai thị Chánh pháp nhiệm mầu là *Bát-nhã ba-la-mật-đa*.”

Nếu có Bồ-tát với *Bát-nhã ba-la-mật-đa* đây có thể như thuyết mà hành chẳng bỏ lìa, chúng tôi đối với vị ấy cung kính phụng sự như với Phật” (Phẩm *Nhiếp thọ*, hội thứ 1).

Tại sao tất cả trời người đều cung kính ủng hộ người tu *Bát-nhã* như vậy? Bởi vì:

“Nếu có người thọ trì đọc tụng, tinh cần tu học, tôn trọng ca ngợi *Bát-nhã ba-la-mật-đa* như thế, tức là khiến cho mắt Phật và hạt giống Phật bảo chẳng diệt, mắt Pháp và hạt giống Pháp bảo chẳng diệt, mắt Tăng và hạt giống Tăng bảo chẳng diệt” (Phẩm *So lường công đức*, hội thứ 1).

Thế nên, kinh nói *Bát-nhã* là đại thần chú, là chú vương. Công năng của thần chú ấy về mặt xuất thế gian là giải thoát, đến bờ bên kia, như thần chú trong *Bát-nhã Tâm kinh* chúng ta thường tụng. Về mặt thế gian, thần chú *Bát-nhã* còn có công hiệu là giải trừ những ách nạn, tai ương, nguy hiểm của cuộc sống thế gian.

“Lại nữa, Kiểu Thi Ca! Nếu các thiện nam tử thiện nữ nhân chẳng lìa tâm Nhất thiết trí trí, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đối với *Bát-nhã ba-la-mật-đa* như thế thường chuyên tâm lắng nghe, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi ca, thọ trì đọc tụng, đúng như lý suy nghĩ, tinh cần tu học, biên chép giảng nói, khiến phổ biến rộng, đối với các người ấy, tất cả thuốc độc, trùng độc, quỷ mị, trù ếm, chú thuật đều chẳng thể hại, nước chẳng thể chìm, lửa chẳng thể cháy, đao gậy, ác thú, oán tặc, ác thần, các tà ma chẳng thể làm thương hại. Vì sao thế? Kiểu Thi Ca! *Bát-nhã ba-la-mật-đa* như thế là đại thần chú, là đại minh chú, là vô thượng chú, là vô đẳng đẳng chú. *Bát-nhã ba-la-mật-đa* như thế là chú vương rất cao rất diệu không gì sánh kịp, đủ đại oai lực dẹp trừ tất cả mà tất cả chẳng thể làm gì được.

Các người ấy tinh cần tu học chú vương như thế thì mình chẳng bị hại, người chẳng bị hại, cả hai đều chẳng bị hại. Bởi tại sao? Vì các người ấy học *Bát-nhã ba-la-mật-đa* thấu rõ mình người đều bất khả đắc. Vì địa thủy hỏa phong không thức giới đều vô sở đắc nên mình chẳng bị hại, người chẳng bị hại, cả hai đều chẳng bị hại” (Phẩm *Nhiếp thọ*, hội thứ 1).

Trí huệ tánh Không là cái thiêng liêng rất rạo:

“*Bát-nhã* là tối, là thắng, là tôn, là cao, là diệu, là vi diệu, là thượng, là vô thượng, là vô đẳng, là vô đẳng đẳng” (Phẩm *Ca ngợi Bát nhã*, hội thứ 1).

Thế nên trí huệ *Bát-nhã* thiêng liêng hóa mọi thứ liên quan đến mình, và nói rộng ra, thiêng liêng hóa tất cả các pháp, vì tất cả các pháp đều là tánh Không vậy. ■



Sen hồng đã nở

QUẢNG TƯỜNG

Hôm nay, theo lời mời của vợ chồng cháu T., tôi đến dự lễ cúng dường trai tăng được tổ chức tại tư gia của hai cháu. Buổi lễ diễn ra trong bầu không khí trang nghiêm; hoa đèn rực rỡ, khói hương nghi ngút. Hai mươi nhà sư và hơn bốn mươi Phật tử hòa giọng tụng kinh, đọc chú; âm thanh oai nghiêm vang rền khiến người dự lễ có cảm nhận như chư Phật chư Bồ-tát đang hiện về để chứng minh cho tấm lòng thành kính của những người con Phật. Nhìn vợ chồng cháu T. và hai đứa con mặc áo tràng lam, thành kính chấp tay, quỳ lạy trước tôn tượng Đức Bổn sư, tôi thấy trong lòng dâng lên một niềm hoan hỷ khó diễn tả. Phật pháp quả quá kỳ diệu! Từ một kiếp người lặn hụp trong đáy bùn xã hội, tưởng không bao giờ thoát ra khỏi, thế mà bây giờ, cháu T. đã vượt lên thân phận thấp kém, ăn nên làm ra, lại có những đóng góp

quý giá cho xã hội với tấm lòng bác ái rất đáng ca ngợi...

Thời thơ ấu của T. có thể nói là những chuỗi ngày đen tối. Mẹ cháu là một người dân làng quê mạnh dạn bỏ nơi chôn nhau cắt rún đến chốn thị thành mong được đổi đời. Ở nơi phồn hoa đô hội đầy cạm bẫy, bà quen biết rồi ăn ở với một người đàn ông như vợ chồng. Khi biết bà có thai, ông ta đã bỏ đi mất tăm mặc cho người tình khốn khổ với cái bụng ngày càng to ra. Đắt khách quê người không nơi nương tựa, bà đành quay lại quê nhà sanh con; mặc cho miệng tiếng xóm giềng dèm pha, khinh bỉ. Cháu T. ra đời không được cha nhìn nhận, chăm sóc. Khi đã cứng cáp, hai mẹ con dắt díu nhau trở lên thành phố để kiếm sống. Sau một thời gian tìm được việc làm, mẹ cháu T. quen tiếp một người đàn ông khác, lần này thì nên nghĩa vợ chồng. Lấy nhau được vài năm, bà sinh thêm hai người con. Đông người, cuộc sống thêm khó khăn nên đối với

người cha ghẻ, cháu T. trở thành một gánh nặng mà ông ta luôn muốn trút bỏ. Ngoài việc phải chăm sóc hai đứa em cùng mẹ khác cha, cháu phải ăn những trận đòn vô cớ, bị bỏ đói thường xuyên, quần áo thì te tua, rách nát. Mẹ T. tuy thương con nhưng tối mịt tối mũi vì cuộc mưu sinh nên bà cũng chẳng thể quan tâm đến những khổ sở mà đứa con riêng của mình phải gánh chịu. Những lúc quá đói, T. thường la cà đến các quán bán thức ăn, chờ thực khách ăn xong, cháu lén vào xin chút cá cặn, canh thừa, húp những phần nước súp còn sót lại trong những tô hủ tiếu người ta vừa ăn xong. Nhưng cuộc sống khắc nghiệt đến mức những thứ cặn thừa đó cháu cũng đâu có thể thoải mái ăn uống; những lời mắng chửi, xua đuổi thậm chí đá dấm, bạt tai của chủ quán, của bồi bàn luôn chờ sẵn để đổ vào tấm thân gầy guộc của cháu. Người ta không ưa những kẻ xin ăn gây mất thẩm mỹ, làm ô uế quán... ảnh hưởng đến thực khách nên họ sẵn sàng tổng khử kẻ khốn cùng không một chút xót thương. Trong khi T. phải chịu cảnh đói rách, chỉ được học đến lớp năm thì phải nghỉ học, hai người con kia được hưởng đủ thứ từ cơm ngon, quần áo đẹp, đi học có cha đưa đón. Có lúc thấy những bất công đối với mình, cháu chỉ biết chảy nước mắt tủi phận không cha. Một hôm quá buồn bực, cháu bỏ đi hoang, tìm đến các chợ trong thành phố, xin phụ giúp những chuyện lật vật cho các tiểu thương để kiếm chút thức ăn bỏ bụng. Nhưng rồi công việc khi có khi không, phải chịu đói thường xuyên, cháu đành mò trở về nhà. Lúc đó cả nhà đi vắng, cháu ngồi chờ trước cổng, lát sau hai người em cùng mẹ khác cha của cháu tan học sớm về tới, thấy cháu ngồi với bộ dạng ốm đói, quần áo dơ bẩn, đứa con gái lên tiếng khinh bỉ, mắng cháu là quân ăn mày. Oán hận, ghen tỵ dồn nén bấy lâu đã bùng nổ vì thái độ trịch thượng đó, cháu nổi điên chụp hòn đá dưới đất tảng mạnh vào mặt đứa em hỗn láo. Đứa bé bị đá chọi trúng gò má, ôm mặt la lên trời ới rồi té xỉu, máu tuôn ra đỏ cả mặt. Cháu T. thấy vậy hoảng hốt bỏ chạy, trốn vào dòng người đông đúc trên đường. Sau một tuần lẩn tránh, cháu mò về nhà với cái bụng lép kẹp, hỏi thăm hàng xóm thì một người tốt bụng cho biết, đứa em cháu bị đá ném vào mặt tét da phải đi khâu vết thương mấy mũi, người cha ghẻ tuyên bố đã muốn lưu manh kiếm cháu để rạch mặt, đánh cho tàn phế, trả thù tội ném đá gây sẹo ở mặt con gái của ông ta. Cháu nghe, sợ hãi đến rụng rời vì biết tánh tình độc ác của cha ghẻ, nói là sẽ làm; cháu đành quay lưng bỏ đi, lòng nghĩ không bao giờ trở về ngôi nhà đó nữa. Biết nếu tiếp tục ở lại thành phố, trước sau gì cũng bị tìm ra, cháu đến Xa cảng miền Tây lên đại một chiếc xe đò, mặc số phận đưa đẩy đến đâu cũng được, miễn trốn khỏi sự trả thù thì thôi. Lúc xe chạy, một ông khách miệt vườn vô ý làm đổ tung tóe hành lý, T. nhanh nhẩu phụ nhặt giúp. Do ngồi gần, lại thấy mặt cháu sáng sủa, nhân hậu, ông ta bắt chuyện hỏi thăm. Biết hoàn cảnh khó khăn của cháu và chợt nhớ những con trâu nhà không người chăn dắt, ông ta đề

nghị cháu về ở với mình, cháu mừng rỡ đồng ý liền. Thế là cháu đã trở thành dân cư của xóm tôi từ ngày đó vì người đàn ông nhận cưu mang cháu là hàng xóm của tôi.

Sau mấy năm chăn trâu cho nhà ông hàng xóm của tôi, cháu đã trở thành người thanh niên khỏe mạnh, được chính quyền, ban quản lý tập đoàn quan tâm cấp cho cháu một công rưỡi đất ruộng để sản xuất. Dù không còn giữ trâu cho người đã cưu mang mình, cháu vẫn thường xuyên qua lại giúp đỡ ông ấy như tình nghĩa cha con. Riêng đối với tôi, cháu rất mến vì từ lúc cháu chân ướt chân ráo về ở xóm này, tôi cảm thương cho một số phận không may nên thường giúp cháu quần áo để mặc, thỉnh thoảng lại cho quà bánh, chút ít tiền bạc để cháu bỏ túi; khi cháu đủ sức vóc để làm lao động, tôi hay để dành công việc, ưu tiên cho cháu làm để kiếm tiền. Nhờ có sức khỏe tốt, tánh tình vui vẻ, hay giúp đỡ người khác lại không nhậu nhẹt, chịu làm lụng nên nhiều người nói cô gái nào lấy cháu là có phước lắm. Riêng cháu, tủi phận tứ cố vô thân, cháu chẳng dám đeo bông, chọc ghẹo ai cả. Các cô gái trong xóm bảo cháu nhất gái, cháu chỉ biết cười trừ mà thôi.

Một hôm, T. mang mía của mình trồng đến che đường trong xã mượn ép để nấu đường thùng. Lúc ấy có một người đàn bà góa chồng ở xóm trong cũng đến ép mía trước cháu, thấy công nhân nghỉ xả hơi hút thuốc, bà ta tẩy máy lấy mấy cây mía cho che ăn thử, không ngờ sơ ý bị máy cuốn cắt đứt cánh tay, máu tuôn xối xả, ai nấy thấy cảnh đó đều kinh hoàng, đứng chết trân hoặc chạy vòng ngoài la lối, duy có T. nhanh nhẹn lấy khăn cột garo cầm máu rồi vội vã công người đàn bà đó ra xe đến bệnh viện cấp cứu. Sau khi bàn giao cho mấy người con của bà ấy, cháu quay về che đường ép mía của mình và ép giúp luôn mía của người đàn bà bị tai nạn. Ép mía, nấu đường xong cháu còn chờ giúp về tận nhà giao cho thân nhân bà ấy. Từ sự việc đó mà trở nên thân thuộc với gia đình người đàn bà bị nạn, cháu hay tới lui thăm viếng. Bà ta có hai đứa con gái, người con gái lớn cảm ơn giúp đỡ và nhận biết bản chất tốt trong tâm hồn T. nên đã cùng cháu gả nghĩa phu thê. Ngày đám cưới cháu, tôi và ông hàng xóm - người cưu mang cháu - đại diện đàn trai đứng ra trao sính lễ. Nhìn cô dâu, chú rể xứng đôi vừa lứa, ai cũng khen ngợi.

Lấy nhau được mấy năm, sinh được hai đứa con, cuộc sống của gia đình cháu bắt đầu gặp khó khăn khi hai đứa con đến tuổi ăn học. Vốn rành rẽ đường đi nước bước trên thành phố, cháu bàn với vợ lên đó tìm kế sinh nhai và kiếm tiền lo cho con ăn học. Vợ cháu đồng lòng, cháu bèn gởi nhà cửa, con cái cho mẹ vợ rồi cùng vợ lên đường đến thành phố tìm việc. Buổi đầu chưa quen nước, quen cái, cháu lãnh bánh sấy, bánh chiên của một lò bánh rồi chất lên xe đạp đi bán dạo, vợ cháu thì lãnh vé số kiến thiết về đi bán trong các chợ gần nơi ở trọ. Khởi đầu cuộc mưu sinh chốn thị thành tuy rất vất vả nhưng vợ chồng cháu vẫn kiên trì chịu đựng.

Một hôm, trên đường bán bánh, cháu ghé dựa xe đạp vào hông tường của một ngôi chùa, ngồi nghỉ mệt. Vừa phe phẩy chiếc nón cho bớt nực, cháu bỗng chú ý nghe tiếng một vị sư thuyết pháp trong chùa đang nói về phước báu của việc xây dựng và trùng tu chùa tháp. Cháu T. chợt nhớ đến một cái am thờ Phật bị bỏ hoang dưới quê. Nghe nói am này do một Ni cô dựng lên để tu hành, nhưng sau một chuyến đi xa không thấy sư cô trở về; cái am hơn chục năm bị bỏ hoang, vách phen mái nhà bị hư hỏng nhiều, cỏ bò vào tận nơi thờ Phật. Hồi còn chăn trâu, cháu cũng đôi lần đến đó cắt cỏ nhưng cháu chẳng quan tâm vì cháu đâu biết gì về Phật pháp. Nghe nhà sư giảng về chữ phước, cháu mới nghĩ đến bản thân mình, từ lúc sanh ra, lớn lên toàn gặp điều không may, cái khổ cứ đeo theo như hình với bóng. Cháu suy nghĩ, bây giờ muốn tạo phước, mình nên theo lời nhà sư dạy trùng tu chùa tháp. Cháu định bụng sẽ về quê tìm cách sửa sang cái am và cúng Phật trong am. Tối đến, cháu đem suy nghĩ của mình bàn với vợ, vợ cháu vui mừng đồng lòng với lời bàn của cháu. Cuối tháng, hai cháu gom góp tiền bạc về quê, thăm con và tu sửa am bỏ hoang trong xóm. Vì am Phật ở gần nhà cháu, sau khi làm cỏ, dọn dẹp xung quanh, quét dọn bên trong am, sửa lại mái am, lau rửa, sơn phết lại tượng Phật, đốt nhang cầu nguyện xong cháu lại căn dặn hai đứa con hàng ngày phải qua chăm sóc, nhang khói cúng Phật. Hai đứa con hết lòng làm theo lời cha dặn. Vợ chồng cháu lại trở lên thành phố mua bán kiếm tiền gửi về cho con ăn học.

Sau một thời gian nhận bánh chế biến sẵn để bán, nghề dạy nghề, vốn tính thông minh chịu học hỏi, cháu dần nắm được kỹ thuật sản xuất bánh, cháu quyết định tự mình sản xuất. Cháu trở về quê vay mượn vốn của mẹ vợ, của ông hàng xóm đã cư mang cháu và của tôi cộng với vốn liếng dành dụm bấy lâu, cháu trở lên thành phố thuê cơ sở, mua máy móc, thiết bị để tiến hành sản xuất. Chúng tôi phập phồng lo cho hai vợ chồng cháu, nếu thất bại là trắng tay lại thêm mắc nợ. Không ngờ công việc tiến hành hết sức thuận lợi. Bánh sản xuất ra rất ngon, hợp vệ sinh lại giá rẻ nên thu hút khách hàng, các mối quen tăng dần; bánh cháu sản xuất không chỉ bán trong thành phố mà còn tràn về các tỉnh miền Tây. Nhờ làm ăn thuận lợi, nợ nần đã trả hết, vốn liếng tăng liên tục, cháu phải đầu tư thêm mấy cơ sở nữa mới đáp ứng đủ nhu cầu của thị trường.

Những lúc về quê thăm con, qua nhà tôi chơi, cháu thường bảo với tôi, từ lúc phát tâm tu sửa am thờ Phật bỏ hoang, công ăn chuyện làm hết sức thuận lợi nên cháu hết lòng tin tưởng vào Phật pháp. Một thời gian sau, cháu khoe với tôi là cả hai vợ chồng đều đã quy y Tam bảo, ăn chay trường.

Khi có của ăn của để, cháu thường xuyên quà cáp, giúp đỡ những người đã từng cư mang mình, giúp đỡ bạn bè - những người bạn trong lúc khó khăn vẫn "cần hột thóc chia đôi" với cháu. Ngoài việc tận tình chăm sóc, lo cho mẹ vợ và các em vợ, hai vợ chồng

cháu đã tìm gặp lại mẹ ruột của cháu T. tại nơi ở cũ trên thành phố. Cha ghê cháu đã mất do bị tai biến mạch máu não, mẹ cháu đã già yếu, đôi mắt bị lòa, bà sống với đứa con trai út. Đứa em trai này và người em gái đã có gia đình riêng nhưng cuộc sống của họ rất khó khăn. Sau một thời gian đi lại, T. rước mẹ về sống với mình trong một căn hộ tiện nghi - nơi cháu cư ngụ gần xưởng sản xuất. T. cũng sắp xếp đưa hai đứa em cùng mẹ khác cha làm việc trong xưởng sản xuất của mình, tận tình giúp đỡ các em ổn định cuộc sống.

Đối với xã hội, hai vợ chồng cháu đã chi những khoản tiền lớn để làm từ thiện ở địa phương như xây hai cây cầu bắc qua kênh, đóng góp làm đường bê tông trong ấp, tặng tiền xây nhà tình thương... Đặc biệt cứ mỗi mùa Trung thu về, T. lại tổ chức lễ rước đèn trung thu cho các cháu thiếu nhi trong ấp rất vui. Do đường vào và sân nhà của tôi dài rộng lại được tráng xi măng sẵn, hai vợ chồng cháu thường mượn làm điểm tổ chức, có nhờ cả chính quyền ấp giúp giữ an ninh. Ngoài những thùng kẹo, bánh trung thu và trái cây, đèn lồng, được các cháu chuẩn bị sẵn để phát cho các em đến dự lại còn thêm hai nồi chè thập cẩm thật to. Các em thiếu nhi nhận quà, ăn chè, bánh trái, rước đèn, nô đùa, ca hát trong niềm vui trọn vẹn, đầy nghĩa tình của những tấm lòng yêu thương con trẻ. Có lần nhìn các em tung tăng vui vẻ trong buổi lễ, cháu trầm ngâm bảo với tôi: Hồi nhỏ, thấy những đứa trẻ khác chơi đèn lồng trong mùa Trung thu, cháu chỉ đứng nhìn mà thèm thuồng, ước gì có được một cái đèn để chơi nhưng ước mơ nhỏ bé đó cũng không thể thành sự thật. Bây giờ, có điều kiện giúp các cháu, đôi khi nhớ lại dĩ vãng lại thấy ngậm ngùi, nếu có điều kiện cháu sẽ tổ chức mãi cho các cháu vui chơi trong ngày Tết thiếu nhi. Cháu lại bảo, ước gì tới mùa Trung thu, xã hội không còn đứa trẻ nào đứng nhìn trẻ khác vui chơi mà tủi thân như cháu.

Về mặt tâm linh, T. vẫn thường xuyên đến các ngôi chùa trong xã nhà cúng dường và giúp đỡ nhiều Phật sự. Tháng rồi, hai đứa con của cháu cũng đã quy y Tam bảo. Buổi lễ cúng dường trai tăng ngày hôm nay là một phần trong những phát nguyện mà hai vợ chồng cháu đã ấp ủ từ lâu.

... Sau lễ thọ thực, hai vợ chồng cháu T. mang những phần quà và tịnh tài đến cung kính trao tặng từng nhà sư, các thầy hoan hỷ nhận và chúc phúc cho vợ chồng cháu. Nhìn cháu T. tươi cười, tôi thấy đôi mắt cháu như ánh lên màu hồng tươi tắn của hàng trăm đóa hoa sen đang rộn ràng khoe sắc trong hồ trước nhà cháu.

Xong lễ cúng dường trai tăng, tôi xin cháu T. ba đóa sen về nhà cúng Phật. Trên đường về, tôi chợt nghĩ cuộc đời cháu T. giống như một gó sen trong bùn lầy tăm tối nhờ ánh sáng Phật pháp đã vươn lên thành đóa hoa tươi đẹp trao hương sắc cho đời. Cầu mong Phật pháp linh diệu hộ trì cho những con người mang số phận nghiệt ngã có điều kiện vươn lên như cháu T. để xã hội càng ngày càng tươi đẹp hơn. ■



Đến đi mùa hạ lạc

Bài & ảnh: LAM KHÊ

Gần hai thập niên, chùa Kim Sơn - Phú Nhuận luôn là điểm an cư tại chỗ, là nơi tu học của chư Ni khắp nơi tựu về. Bước sang thiên niên kỷ mới, ngôi Tổ đình được trùng tu xây dựng lại với quy mô rộng lớn và số chúng về lưu trú cũng đông dần lên. Có được một vị trí cùng địa thế thuận lợi, hai năm liền (2010 và 2011) Kim Sơn được chư tôn đức Thành hội Phật giáo TP.HCM chọn làm điểm an cư tập trung cấp thành phố. Hai năm nay, Kim Sơn cũng là điểm an cư cho chư Ni trong quận nhà.

Là ngôi chùa Ni vừa được trùng tu, Kim Sơn mang bên mình cả một trọng trách của tiền nhân để lại. Chùa là cái nôi Phật học đầu tiên của Ni giới Nam Bộ, nơi đào tạo nhiều bậc Ni lưu tiền bối vào thập niên 40 của thế kỷ trước. Điều mà đại chúng đến tu học đều ghi nhớ nằm lòng vì sư cô trụ trì luôn nhắc nhở mỗi lần nhóm chúng hay khi có dịp nói chuyện với Phật tử viếng

chùa. Hai mươi năm trước, sư bà viện chủ về kế thừa ngôi Tổ đình của tôn sư, tiếp nối sự nghiệp nuôi chúng ăn học. Lớp chúng đầu tiên ngày ấy, có người về lại chùa thầy tổ; người thì sang Đài Loan, Ấn Độ tiếp tục nâng cao con đường học vấn; có vị thích chu du đến một phương trời cao rộng tận bên trời Âu đất Mỹ, hoặc đi nhận chùa ở các vùng sâu vùng xa, góp mặt hoằng pháp lợi sanh khắp cả ba miền đất nước.

Từ một điểm an cư tại chỗ chỉ vài chục Ni theo học lớp cao trung Phật học các khóa đầu tiên, đến một hạ trường tập trung của thành phố với hơn trăm chúng cùng an cư kiết hạ. Từ một ngôi chùa rêu phong cổ kính chật hẹp, đến ngôi Tổ đình khang trang ba tầng nằm ngay mặt tiền con đường lớn mới mở. Bao mùa hạ đến thu sang, ngôi chùa phố thị dù thay đổi vẫn lưu giữ một dáng vẻ uy nghiêm tĩnh lặng ngay trong dòng chảy không ngừng của cuộc thế.

Mùa hạ... là thời điểm có nhiều Ni trẻ tìm đến xin nhập chúng. Vài chị em xuất chúng nhiều năm trước cũng trở về an cư kiết hạ. Hạ trường vì thế mà đông vui hẳn lên. Một tập thể đại chúng với đủ chất giọng Nam Trung Bắc sống chan hòa cởi mở, sẵn sàng chia sẻ vun đắp cho nhau những vui buồn góp nhặt. Quý cô lớn thân thiện hòa nhã lại tận tình chu đáo. Chúng nhỏ ham tu hiểu học, dễ dạy dễ hòa đồng, ưa thích sáng tạo và nhiệt tâm cống hiến. Tính cách trẻ trung năng động của chị em đã góp phần tạo nên một bầu không khí sinh động mới mẻ cho hạ trường trong mùa an cư tịnh tu đạo nghiệp. Những bàn tay khéo léo, những tâm hồn vô ưu thánh thiện... cùng góp lòng vun đắp cho khu vườn hoa đạo ngày càng tỏa hương khởi sắc.

Rồi khi mùa hạ qua đi... một số chị em rời tụ điểm an cư trở về chùa mình sau khi hoàn thành một mùa tu tập thức liễm thân tâm. Dù là trở về chốn cũ hay tiến bước theo lộ trình mới, chị em hẳn sẽ hài lòng với những gì mình đã tu tiến học hỏi trong suốt ba tháng hạ. Được hòa mình chung sống trong một Ni trường lành mạnh yên vui, chị em thấy mình trưởng thành hơn, vững vàng hơn qua từng cách nhìn cách nghĩ. Mỗi chặng đường đi qua là một sự trải nghiệm và mỗi nơi đến là một chốn thực nghiệm. Có kiến thức năng lực và chí hướng vững vàng, những người con gái Đức Như Lai trong thời đại mới không ngại dấn thân để hoàn thành tâm nguyện lợi tha luôn nung nấu bên lòng.

Sự vận hành chuyển đổi cứ tiếp diễn mãi theo dòng thời gian. Những cuộc chia tay chị em đồng liêu đồng đạo thường là lời chúc lành chia vui hơn là ưu tư bịn rịn. Môi trường tu học, tụ điểm an cư, duyên hợp tan dời đổi là lẽ thường tình. Người đi lòng đầy ấp những ước mơ hoài bão; khó tránh khỏi chút bồi hồi, lưu luyến với cảnh với người vừa mới bao ngày chung sống dưới một mái chùa yên ả. Người ở lại xem ra có vẻ bình yên tự tại, thế nhưng trong sâu thẳm cõi lòng... lại cảm nhận sâu xa về những cuộc phân ly hư ảo của đời người trong cõi tạm. Bậc lãnh đạo... có khác gì người lái đò đưa khách sang sông. Dòng sông dù rộng hay hẹp thì đến một lúc đò cũng phải cập bến. Người ra đi dù nhớ dù quên... thì bến đò xưa con đò cũ vẫn mãi miết với hành trình đưa người sang bờ tuệ giác. Đàn chim trưởng thành tung cánh bay xa khắp mọi chân trời. Nơi chốn cũ lại đón nhận những cánh chim nhỏ bé tìm về nương náu tu học. Đời người tu sĩ mỗi nơi đến dù là bến tạm vẫn là một chốn yên tu, vẫn chan chứa nghĩa tình để người đi người ở lưu giữ mãi bên lòng.

Mùa hạ đi qua... đến lúc tôi thấy mình cũng phải ra đi. Bước chân ngược xuôi muôn lối rồi cũng phải tìm cho mình một trú xứ để quay về. Hằng năm... khi mùa an cư đến, lại tụ về một điểm cùng với chị em sách tấn huân tu đạo nghiệp. Mùa hạ lại đi qua, một tuổi hạ được vun bồi. Một chặng đường dài tiếp nối rồi sẽ đưa người tu sĩ đến một điểm dừng chân cuối cùng. Đó là con đường giải thoát an nhiên tịnh lạc nơi cõi miền trường. ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BẢO VHPG NĂM 2013

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng bảo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2013, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng bảo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả	: 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm , Vina Giấy	: 38 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga	: 41 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu	: 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib , Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa	: 14 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu	: 12 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải , Chùa Báo Ân	: 12 cuốn/kỳ
Cô Nga	: 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiên , Tâm Hoa (USA)	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc , Q. BT	: 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miên Ngọc	: 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà	: 10 cuốn/kỳ
Bà Lương Thị Ngọc Hạnh , Q. 5	
PD: Diệu Đức	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Trần Quốc Định	: 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh	: 9 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định	: 8 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa	: 7 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA)	: 6 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An	: 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi	: 6 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai , Q. BT	: 5 cuốn/kỳ

Ô. Nguyễn Mạnh Hùng , CTCP. ThaiHa Books	: 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận	: 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh , Hà Nội	: 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản , USA	: 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi	: 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều , Q. BT	: 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Kim Sơn , Q. 2	: 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ngọc , Phan Thiết	
	: 5 cuốn/kỳ
Lakinh.com	: 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa	: 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh	: 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh	: 3 cuốn/kỳ
Cháu Thiên An	: 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân	: 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net	: 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyền , CT TNHH Cơ khí Mè Linh	: 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh , Q. 2	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh	: 2 cuốn/kỳ
BBT Viện khongtu.com	: 2 cuốn/kỳ
CT TNHH SXTM	

Nén Hạnh Phúc , Q. BT	: 2 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh	: 2 cuốn/kỳ
CTy TNHH Thép Thiên Tâm	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Thiện Thành , Q. 6	: 2 cuốn/kỳ
Ô. Lê Hưng Khanh , Gò Vấp	: 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ	: 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngân	: 1 cuốn/kỳ
Cô Kim	: 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung	: 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt	: 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông , TCHP ĐN	: 1 cuốn/kỳ
CTy Dược phẩm Phúc Thiện	: 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh	: 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyen Thuan (namgiao1942@yahoo.com)	: 1 cuốn/kỳ
Cô Châu	: 1 cuốn/kỳ
Tổng số bảo tặng kỳ này:	440 cuốn
Mọi thông tin về chương trình tặng bảo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335.	
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn, hoặc toasoanhpg@gmail.com	

Ban Biên tập



Trước, người chỉ khoác lác...

TẤN NGHĨA

Có lẽ nói khoác là một trong những lỗi mà hầu như ai cũng phạm phải. Người ta nói khoác là để đề cao giá trị bản thân. Trong xã hội, có một số điều được xem là có giá trị ưu việt hơn những điều khác. Có những giá trị “cổ điển” như gốc gác quý tộc hay trí thức, thuộc tầng lớp giàu có hay quyền thế; có những giá trị “cá nhân” như thông minh, khỏe mạnh, khéo léo, là ngôi sao, là người đạo đức, thành đạt, luyện thiền giỏi, cao ráo đẹp trai, học thức uyên bác; có những giá trị “nhân văn” như có lòng thương người, tử tế, biết vượt qua chính mình; và cũng có những giá trị “thời thượng” như sở hữu điện thoại thông minh, ăn mặc theo mốt kinh đô thời trang

Paris hay Milan... Nhiều người khao khát thể hiện những giá trị ưu việt của mình, điều mà Phật học gọi là “mạn”, một hiện tượng tâm lý khoe khoang, thích đề cao cái tôi. Những người không có được những giá trị ưu việt để khoe, đặc biệt là những thanh niên mới lớn, thường có mặc cảm thua thiệt. Khi không vượt qua được mặc cảm này, người ta thường tự tô vẽ cho mình những giá trị tưởng tượng để “nổ” với những người chung quanh, đó là hiện tượng khoác lác, nói quá những điều mình có, mình thấy, mình biết. Hành vi này phạm vào các lỗi nói dối và nói lời phù phiếm. Chuyện tiền thân Bhimasena nói về điều này. Câu chuyện cho biết khi ở Jetavana, Đức Phật có nói về một vị Tỷ-kheo khoác lác.

Tương truyền có một Vị Tỳ-kheo thường khoe: Đây các Hiền giả, không có một thiện sanh nào bằng thiện sanh chúng tôi. Không có một dòng họ nào bằng dòng họ chúng tôi. Tôi được sanh trong một gia đình đại vương tộc như vậy. Không có ai sánh bằng chúng tôi theo dòng họ tổ tiên.

Cái mà người ta thường hay khoe đầu tiên là gốc gác gia đình. Nếu xã hội coi trọng giai cấp nào, nhóm người nào thì người ta có khuynh hướng khoe mình ở giai cấp đó, nhóm người đó. Tùy theo thời cuộc, có người khoe mình thuộc dòng dõi trí thức có truyền thống, có người khoe mình là thuộc giai cấp công nhân, có người khoe mình là thuộc gia đình giàu có nhiều đời, có người khoe mình là chủng tộc da trắng... Đi cùng với khoe là sự bất an, sự chối bỏ. Nếu khoe nguồn gốc trí thức, thì phải giấu giếm ông bố mù chữ của mình. Nếu khoe ba đời bần cố nông thì phải chối bỏ ông chú, bà bác giàu có của mình; lỡ mà lúc đó mình thuộc thành phần trí thức thì giẫy nẩy lên khi có ai nói "bố anh là ông thông, ông phán". Nếu khoe giàu có thì ngược lại, phải giấu giếm bà mẹ bán xôi của mình. Nếu khoe là người da trắng (trong khi chỉ là da trắng một nửa) thì phải tránh xa thằng em da đen của mình. Đó là hậu quả của việc khoe lác. Trở lại với câu chuyện, vị Tỳ-kheo tiếp tục "nổ":

Không làm sao kể cho cùng tận vàng, bạc v.v. của chúng tôi. Các nô tỳ của chúng tôi chỉ ăn cơm gạo thơm và thịt. Chúng toàn mặc bằng vải Kasi. Chúng bôi son phấn Kasi.

Tiếp theo là khoe về sự giàu có. Ngày nay, các biểu hiện này vẫn diễn ra ở nhiều cấp độ. Thời bắt đầu mở cửa thì xe cub là "oách" nhất. Chục năm sau khi xe cub thành "đồ cổ" thì phải là xe dream hay đầu máy video mới là "thời thượng". Ngày nay, muốn được coi là đúng mốt thì phải có xe Roll Royce, có máy bay trực thăng, có điện thoại di động loại "quẹt quẹt"... Câu nói mẫu là "hồi đó ở Dziel Nam mới chỉ có n cái máy này, tui đã có một cái". Trở lại với câu chuyện, vị Tỳ-kheo "nổ" tiếp,

Riêng ta, vì là người xuất gia nên phải ăn những món thô mạt như vậy, phải mặc những thứ vải xấu như vậy!

Sau khi khoe ra, vị Tỳ-kheo lại nói tới nếp sống đơn giản của mình, tỏ ra mình là người tu hành đang hoằng, giữ giới nghiêm túc, có đạo đức. Nhưng, không may cho ông ta, một vị Tỳ-kheo khác đã điều tra gia cảnh của ông, nói cho đại chúng biết những điều ông ta nói chỉ là đại ngôn. Đang khi các ngài họp tại Chánh pháp đường phê phán vị Tỳ-kheo khoe lác thì bậc Đạo sư đến và biết được nội dung việc chư Tỳ-kheo đang bàn luận, Ngài nói, *Này các Tỳ-kheo, không phải chỉ nay Tỳ-kheo ấy mới nói lời khoe lác mà thuở trước ông ta cũng đã khoe lác và lừa dối rồi.*

Đây là hậu quả thường gặp khi mình... lỡ nói khoe. Sau một thời gian, mọi người đều biết các câu chuyện mình nói là không thực. Trong thời đại thông tin bùng

nổ ngày nay, đôi khi chỉ cần... tra Google là người ta có thể biết ngay lập tức sự nói khoe của mình. Vì thế, cần tránh sự nói khoe. Câu chuyện tiếp tục bằng việc Đạo sư kể lại chuyện quá khứ.

Thuở xưa khi vua Bramadatta trị vì ở Benares, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn phương Bắc, tại một làng của thị trấn, khi đến tuổi trưởng thành, được học tập ba bộ Veda và mười tám nghề với một giáo sư trụ danh ở Takkasila. Sau khi đạt được sự thuần thục trong tất cả các học thuật, Bồ-tát được gọi là nhà Hiền trí tiểu xạ thủ (Culla Dhanuggaha Pandita). Rời bỏ Takkasila, Bồ-tát đi đến xứ Andhra để tìm kinh nghiệm hành nghề trong tất cả mọi thời.

Ta có thể thấy Bồ-tát học hành rất nghiêm chỉnh, học đến độ thuần thục trong học thuật. Sau đó còn đi đến một chỗ khác để thực tập. Mà sự thực tập không phải chỉ là cho vững nghề nghiệp mà là "để tìm kinh nghiệm hành nghề trong tất cả mọi thời". Trong việc học tập, Bồ-tát đã thể hiện hai tính cách nhẫn nại và nỗ lực. Các tính cách này là hai trong sáu tính cách của Bồ-tát: bố thí, trì giới, nỗ lực, nhẫn nại, ổn định và trí tuệ (lục độ ba-la-mật). Đây là một điều chúng ta cần suy ngẫm. Nhiều sinh viên ngày nay, khi học thì học đối phó, lấy điểm. Họ học một cách có chiến lược nhằm được điểm cao và nhằm tránh không phải học các môn khó. Khi có điều kiện thực tập lại không chịu bỏ công sức thực tập hay chỉ thực tập lấy lệ theo yêu cầu. Vì thế khi ra trường không đủ năng lực làm việc trong khi bản thân lại muốn lương cao, điều kiện làm việc tốt.

Vi trong kiếp này, Bồ-tát có thân hình nhỏ bé, gầy còm và lùn thấp, ngài suy nghĩ: Nếu ta đi đến một nhà vua nào, nhà vua ấy sẽ nói: với một thân hình lùn như nhà người, chúng ta sẽ làm được gì?

Trong nhiều kiếp luân hồi, do những khuyết điểm về hành động, suy nghĩ, lời nói, mỗi cá nhân đều chịu một số hậu quả. Bồ-tát cũng vậy, có kiếp ngài làm tướng cướp, có kiếp ngài làm khỉ, làm cá... Cho dù có trí tuệ như Bồ-tát thì cũng không phải luôn luôn dễ dàng điều chỉnh hành vi nhằm có một kiếp sống tốt trong tương lai; Phật học gọi đó là sự bất trắc trong cuộc sinh tử. Chắc là trong kiếp trước ngài đã làm một số điều bất thiện nhỏ nhặt nào đó nên trong đời hiện tại ngài bị lùn và còm. Tuy nhiên, do sự cố gắng học hành và sự nhẫn nại trong nghề nghiệp, ngài làm giảm khuyết điểm về thân thể tới mức tối thiểu. Ngài suy nghĩ tiếp trong câu chuyện:

Ta hãy tìm một người đàn ông đẹp trai, cao và to lớn, làm cái gốc, núp sau lưng của nó, để nuôi sống ta.

Thông thường, khi có các kỹ năng và học thuật như Bồ-tát, người ta thường giữ riêng cho mình, không chịu chia sẻ và do đó thường không hợp tác với người khác. Bồ-tát ngược lại, ngài biết nhược điểm về cơ thể của mình và ngài suy nghĩ rằng mình phải hợp tác với một người khác để có thể sinh sống. Như vậy, với tài

nghề của mình, ngài giúp cho anh chàng đẹp trai kia. Còn với sự đẹp trai của anh chàng, Bồ-tát có thể kiếm được việc để thi thố tài năng, mặc dù lương bổng thấp đi một chút; một mặt, đó là chiến lược win-win, mặt khác, Bồ-tát thể hiện được hạnh bố thí trong lục độ.

Nghĩ rồi, Bồ-tát đi tìm một người như vậy. Đi đến khu thợ dệt, thấy một người thợ dệt cao lớn, sau khi thân mật chào đón, Bồ-tát hỏi người ấy:

- Nay bạn, bạn tên gì?

- Tôi tên là Bhimasena.

Cái tên Bhimasena có nghĩa là 'thủ lãnh của một đạo quân khủng khiếp'! Nhưng anh chàng có cái tên đẹp như vậy chỉ là một người thợ dệt, vẫn dốt vũ nát!

- Sao một người đẹp trai to cao như bạn lại làm cái nghề hèn mọn này?

- Vì không có nghề gì khác để kiếm sống.

- Nay bạn, chớ làm nghề này nữa. Không có người nào bắn cung giỏi như ta trong khắp cõi Diêm-phù-đề này. Nếu bạn cùng ta đi đến nhà vua nào, khi vua ấy lắc đầu nói với ta: một người thấp như vậy chúng tôi làm gì được? thì bạn hãy nói: Tôi biết bắn cung! Nhà vua sẽ trả tiền lương cho bạn và luôn luôn dùng bạn trong nghề của bạn. Ta sẽ làm việc thế cho bạn và ta sẽ sống núp sau lưng của bạn!

Bằng cách này, Bồ-tát thuyết phục được Bhimasena cộng tác. Ngài đóng vai người hầu cho Bhimasena khi đi xin việc và được nhận vào một cung vua ở xứ Kasi. Người hầu thì dĩ nhiên lương không cao, nhưng Bồ-tát vẫn nhận. Điều đó thể hiện tích thích nghi và chịu đựng (nhẫn nại) của Bồ-tát. Những người trẻ tuổi có khả năng thực sự cần học hỏi theo cách của Bồ-tát. Nếu ban đầu khi mới ra trường khó xin việc thì cần tìm cách để có công việc, lương ít một chút cũng được. Nhờ vậy, tay nghề mới được tăng lên. Có những người tốt nghiệp khá, giỏi nhưng chỗ làm nào cũng chê lương thấp. Sau một thời gian, kiến thức học được trở thành lạc hậu, tay nghề thành vô dụng. Câu chuyện tiếp tục:

Bấy giờ, tại xứ Kasi, có một con cọp chặn đường nhiều người qua lại và bắt ăn thịt. Dân chúng báo cho vua biết. Vua cho gọi Bhimasena và nói: Nay khanh, khanh có thể bắt cọp được không? Thưa thiên tử, tôi được gọi là người bắn cung, sao tôi không có thể bắt cọp được! Vua trả tiền công cho anh ta giao việc. Anh ta về nhà nói cho Bồ-tát biết. Bồ-tát nói:

- Tốt lắm, bạn hãy đi.

- Nhưng nhà người không đi sao?

- Phải, tôi sẽ không đi. Nhưng tôi sẽ nói cho bạn một phương kế: một mình bạn, bạn chớ có đi gấp đến nơi có con cọp. Hãy tụ họp các thôn dân lại, cho lấy một ngàn hay hai ngàn cây cung đi đến đấy. Khi biết con cọp đã dậy, bạn liền đi trốn, chui vào một lùm cây, nằm sát xuống. Các thôn dân đánh con cọp cho đến chết. Khi con cọp đã bị chúng đánh chết, bạn sẽ lấy răng cắn đứt một dây leo, nắm lấy đầu dây leo ấy, bạn đi đến gần con cọp chết và

nói: này các người, ai đã giết con cọp này? Ta định cột con cọp này với dây leo như một con bò và dắt nó về cho nhà vua. Vì cần có dây leo ta đã đi vào lùm cây. Trước khi ta đem được dây leo về, ai đã giết con cọp? Hãy nói lên. Các thôn dân sẽ hoảng hốt, run sợ, cho bạn nhiều tiền để bạn đừng báo cho vua biết. Người ta sẽ tưởng con cọp là do bạn giết và bạn cũng sẽ được nhà vua cho nhiều tiền.

Đoạn chuyện kể này khá giống với chuyện Thạch Sanh-Lý Thông, cùng một cách thực hiện khi Lý Thông dọa Thạch Sanh về việc giết chằn tinh, sau đó đem đầu chằn tinh về để lãnh thưởng. Chuyện Thạch Sanh Lý Thông có thể là một dị bản của câu chuyện tiền thân này. Trở lại câu chuyện, sử dụng phương pháp do Bồ-tát chỉ dạy, Bhimasena đã giết được con cọp.

Lần khác, có một con trâu chặn đường. Người ta báo vua biết. Ngay tức khắc vua cho gọi Bhimasena. Làm theo cách thức của Bồ-tát, anh ta giết được con trâu như đã giết con cọp và đi trở về. Vua lại cho anh ta nhiều tiền. Anh ta trở thành có quyền hành lớn. Bị say mê quyền thế, anh ta khinh thường Bồ-tát, không chấp nhận ý kiến của Bồ-tát nữa. Anh ta nói: Ta sống đâu cần người. Người tưởng người là kẻ nào vậy! Anh ta nói nhiều lời ác độc như thế.

Trường hợp này hay xảy ra trong đời sống. Rất khó phân biệt một người học hành thuần thực các học nghề, thực tập đầy đủ như Bồ-tát và một người học theo kiểu "mì ăn liền" biết được một vài "ứng dụng" trong đời sống thường nhật như anh chàng đẹp trai kia. Trong thời đại ngày nay, những chàng Bhimasena hiện đại và nhiều người đặt ra câu hỏi: "học công phu như Bồ-tát để làm gì? Mấy môn học đó có thấy xài gì đâu. Tốn cơm, tốn gạo mà chỉ được làm người hầu cho anh chàng Bhimasena". Sự không tôn trọng thực tài, thực học sẽ dẫn đến việc thui chột những người muốn học hành thực sự để có một năng lực nhằm phục vụ xã hội. Trong câu chuyện tiền thân, cuối cùng cũng xảy ra một tình huống mà việc học tập kiểu "mì ăn liền" của anh thợ dệt không thể đáp ứng được.

Sau một vài ngày, một vị vua thù địch đi đến, bao vây Benares và đưa ra tối hậu thư cho vua: Hoặc là giao thành, hoặc là đánh nhau. Vua sai Bhimasena ra giao chiến. Anh ta mặc đồ lính trận, mang áo giáp đầy mình, ngồi trên lưng con voi cũng mang áo giáp. Bồ-tát sợ Bhimasena chết cũng nài nỉ áo giáp đầy đủ, ngồi sau lưng Bhimasena.

Tuy bị khinh rẻ, nói ác, nhưng Bồ-tát cũng không để bụng. Ngài biết là hiểu biết "mì ăn liền" của chàng đẹp trai không sử dụng được trong trường hợp này.

Bhimasena nghe tiếng trống trận bắt đầu run sợ. Bồ-tát nói: nay nếu bạn rời lưng con voi xuống bạn sẽ chết. Bồ-tát lấy dây cột Bhimasena lại cho khỏi rơi từ lưng voi và nắm chặt lấy. Nhưng khi thấy bãi chiến trường, Bhimasena quá run rẩy sợ chết đã đi đại tiện trên lưng voi. Bồ-tát nói: Bhimasena trước không phù hợp với Bhimasena sau. Trước

người tự hào là chiến sĩ đánh trận. Nay người đại tiện trên lưng voi. Nói xong ngài đọc bài kệ:

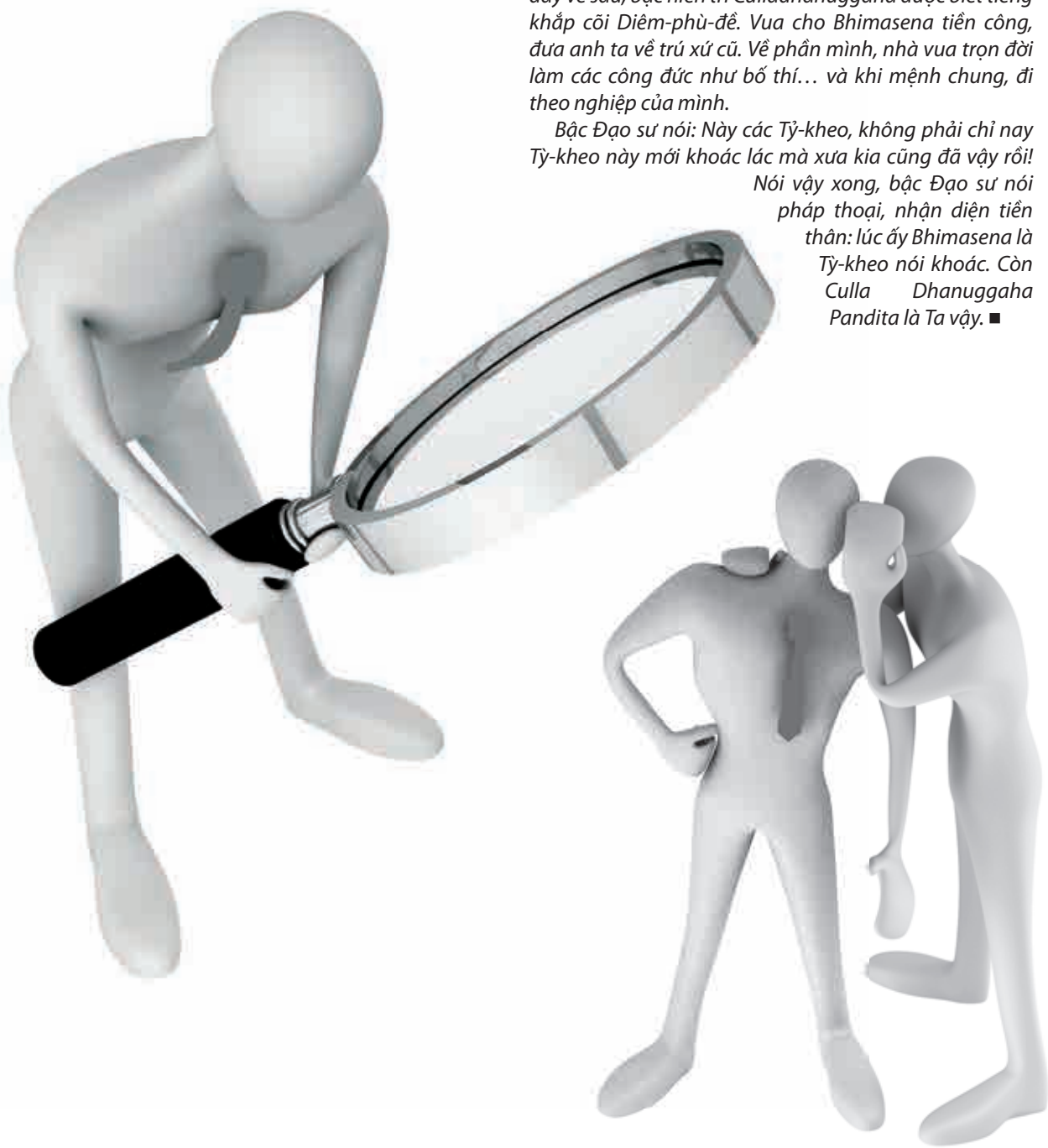
Trước, người chỉ khoác lác,
Sau, người chảy nước hời,
Hai Bhimasena
Đâu có phù hợp nhau
Đây là lời quyết chiến,
Và đây người thảm bại.

Bồ-tát chỉ trích anh ta như vậy và nói: này bạn, chớ có sợ hãi! Ta đứng đây sao để bạn thảm bại. Bồ-tát đỡ Bhimasena xuống lưng voi, bảo nó rửa ráy rồi về nhà. Bồ-tát nói: Hôm nay ta sẽ giành được danh xưng.

Thế là cái học “mì ăn liền” của Bhimasena vô dụng trong trường hợp này. Tuy nhiên, Bồ-tát bỏ qua những lời ác độc trước kia của Bhimasena và vẫn bảo vệ cho chàng đẹp trai. Đó là một phẩm chất mà chúng ta cần phải học hỏi. Ngài cũng biết là cơ hội tỏ rõ thực tài của mình đã tới. Sự kiên trì của Bồ-tát trong việc rèn luyện theo đuổi nghề nghiệp, cho dù lương thấp, đã đem lại cho Bồ-tát cơ hội thể hiện mình. Nếu chê lương thấp, bỏ cuộc từ đầu thì lấy đâu ra cơ hội quý giá này. Dân gian thường có câu “cờ bạc ăn nhau về sáng”.

Bồ-tát xông vào chiến trận, hét lớn tiếng, đánh tan đội quân, tóm cổ ông vua thù địch và giải về cho vua Benares. Vua rất bằng lòng, thưởng cho Bồ-tát danh vọng lớn. Từ đấy về sau, bậc hiền trí Culladhanuggaha được biết tiếng khắp cõi Diêm-phù-đề. Vua cho Bhimasena tiền công, đưa anh ta về trú xứ cũ. Về phần mình, nhà vua trọn đời làm các công đức như bố thí... và khi mệnh chung, đi theo nghiệp của mình.

Bậc Đạo sư nói: Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Tỷ-kheo này mới khoác lác mà xưa kia cũng đã vậy rồi! Nói vậy xong, bậc Đạo sư nói pháp thoại, nhận diện tiền thân: lúc ấy Bhimasena là Tỷ-kheo nói khoác. Còn Culla Dhanuggaha Pandita là Ta vậy. ■





Đạo đức Phật giáo và doanh nghiệp phương Tây

THÍCH THIỆN CHÁNH tổng hợp và dịch

Có thể nói, đối với không ít người phương Tây, đạo đức Phật giáo đang ngày càng trở thành một bộ phận của lối sống tích cực. Điều này có thể thấy qua những thông điệp được truyền đi bởi MettaEngine, một công ty chuyên thiết kế các trang mạng và cung cấp dịch vụ thương mại điện tử ở xứ Wales thuộc Vương quốc Anh và Ai Nhĩ Lan mới thành lập tại thành phố Newport vào tháng 6 năm 2012 bởi một chuyên gia quản trị và một chuyên viên tin học đã có sẵn niềm tin vào hiệu quả của Bát Chánh đạo.

Theo một bài viết được truyền trên mạng tin tức trực tuyến của xứ Wales thì vị Giám đốc Sáng tạo của Công ty MettaEngine là ông Graham Shimmel cho biết rằng nhân viên công ty ông luôn cố gắng thực tập thiền định chung với nhau trước khi bắt đầu một ngày làm việc. Căn phòng dành riêng cho việc thực tập thiền định được bài trí đơn giản nhưng cũng có bệ đặt tượng Đức Phật Thích-ca, có đèn nến, có bát hương, có bình cắm

hoa và đặc biệt là có cả một chiếc chuông nhỏ. Graham khoe rằng nhân viên của công ty có thể ngồi thiền ba thời trong một ngày; và, trước khi bước vào thời thiền, họ luôn đánh chuông, bởi vì khi tiếng chuông ngân đều và lắng dần vào tĩnh mịch thì mọi người sẽ dễ dàng chú tâm vào sự tỉnh giác. Ông nói, “Tôi cố gắng chú tâm vào hơi thở và trở nên có mặt ngay trong hiện tại, khi đó tôi cảm thấy mình có thể giữ được sự thanh thản và buông bỏ mọi lo âu. Thiền đã tạo nên một sự khác biệt lớn lao về trạng thái tâm thức của tôi, giúp tôi không còn bám víu vào một số những ao ước mong cầu”. Đồng sự của ông là William Elworthy, Giám đốc Điều hành, cũng chia sẻ về kinh nghiệm ngồi thiền giữa giờ làm việc, “Đôi khi cảm thấy công việc có vẻ hơi căng thẳng, tôi đến ngồi thiền trong vòng vài phút; đến khi trở lại bàn làm việc, tôi đã có được một cái nhìn hoàn toàn khác về sự việc”.

Cũng theo trang mạng tin tức nói trên thì Graham và William đều được gọi hứng bởi một doanh nghiệp gồm toàn những Phật tử có trụ sở ở Cambridge mang tên

Windhorse Evolution, đã phát triển từ một quầy hàng nhỏ hồi thập niên 1980 để nay trở thành một doanh nghiệp cung cấp quà tặng hàng đầu Vương quốc Anh với doanh số hàng năm lên tới hàng triệu Anh kim. Hai doanh nhân này đã đến với Phật giáo theo hai hoàn cảnh khác nhau – Graham chịu ảnh hưởng của những nhà văn Hoa Kỳ thuộc thế hệ “mệt mỏi” xuất hiện sau Thế chiến thứ hai trong khi William quan tâm đến Phật giáo lúc nghiên cứu về võ thuật. Cả hai bắt đầu thâm nhập kinh điển Phật giáo và tập thiền trước khi tham gia vào một trung tâm thực hành Phật giáo ở Cardiff cách đây bốn năm. Cả hai cùng tham dự một khóa tu để thấy rằng họ chia sẻ cùng một cách nhìn về các hoạt động kinh doanh, từ đó họ có ý tưởng hợp tác, và công ty MettaEngine đã ra đời. Hai nhà kinh doanh này hy vọng rằng Công ty của họ sẽ đương đầu được với những nhận thức tiêu cực về kinh doanh và tin tưởng quan điểm kinh doanh của họ có thể là một nguồn cảm hứng cho những công ty quanh vùng, đặc biệt là sau khi phải đối phó với những vấn đề gây ra bởi sự đổ vỡ tín dụng.

Tim vào mạng chính thức của công ty MettaEngine, trước hết người ta thấy phương châm hoạt động của nhóm kinh doanh này là “Chúng tôi tin vào Chánh mạng của cả nhóm” và phương châm này được giải thích như sau:

“Những giá trị về Chánh mạng là giá trị cốt lõi của hoạt động của Công ty MettaEngine. Chánh mạng là chi phần thứ năm trong Con đường Thánh Tám Chi phần của Phật giáo – con đường dẫn tới tự do và giải thoát khỏi mọi khổ não. Ý hướng căn bản ở đây là mang việc thực hành đạo Phật vào nơi làm việc cũng như vào mọi tiến trình thiết kế và phát triển trang mạng của chúng tôi”.

Để thực hiện phương châm này, MettaEngine đã đặt ra sáu nguyên tắc làm việc:

1. Chánh tinh tấn. Các nhà quản trị MettaEngine khẳng định rằng trước hết công ty của họ là một doanh nghiệp và phải có thu nhập; nhưng họ cũng nhận thức rằng điều thiết yếu để tăng trưởng doanh thu là phải cung cấp những dịch vụ khách hàng tốt nhất, những sản phẩm có phẩm chất cao nhất và luôn cố gắng thực hiện công việc đúng hẹn.

2. Đạo đức. MettaEngine hành động theo một bộ luật đạo đức tập trung vào năm giới của người Phật tử. Năm giới này được công ty diễn giải bao gồm việc giúp đỡ người khác, lương thiện, nói lời chân thật và hào phóng. Theo những nhà lãnh đạo công ty thì một tác động trực tiếp của việc tuân theo bộ luật đạo đức này là không tạo mạch khiến có thể làm giảm niềm tin của nhân viên và làm hại đến những mối quan hệ khách hàng.

3. Thiền định và chánh niệm. MettaEngine cho rằng điều cần thiết là phải tạo thời gian cho nhân viên thực hành thiền định một cách đều đặn. Vì thế, Ban Giám đốc đã thiết lập một phòng thiền định tại trụ sở chính của Công ty ở Newport giúp mọi nhân viên có thể

thực tập thiền vào mỗi buổi sáng, vào giờ nghỉ trưa và mỗi buổi chiều trước khi tan sở. Các nhà quản trị MettaEngine nhận thức rõ rằng thiền định là giải pháp hữu hiệu nhất để giảm căng thẳng và chống lo âu trước mọi vấn đề. Thiền định cũng giúp tăng cường sự chú tâm của nhân viên vào những chi tiết và nâng cao năng suất làm việc.

4. Hợp tác có tổ chức. MettaEngine khuyến khích việc hợp tác có tổ chức giữa các nhân viên cùng làm việc trong một dự án. Mỗi người trong nhóm đều có thể phát huy khả năng chuyên môn và óc sáng tạo của mình trong việc hoàn tất dự án được giao. Tinh thần sẽ nảy nở trong lúc làm việc và cả môi trường làm việc sẽ tràn ngập niềm vui. Điều quan trọng để duy trì một môi trường làm việc như vậy là có một sự truyền đạt tin tức thông suốt, sự công bằng, sự nhận biết về người khác và sẵn sàng giúp đỡ người cần được giúp đỡ. Khi tin rằng mình được đối xử công bằng thì người nhân viên sẽ làm việc tích cực hơn và quan tâm hơn đến việc cùng với mọi đồng sự hoàn thành mục đích của công ty.

5. Tính hào phóng. Một nguyên tắc cốt lõi của MettaEngine là sự hào phóng. Đây là điều được khuyến khích ngay từ ban đầu. Từ việc xây dựng những trang chủ hoặc miễn phí hoặc với giá rẻ cho những tổ chức từ thiện đến việc thường xuyên quyên góp cho tổ chức Triratna Buddhist và những tổ chức thiện nguyện hoạt động trong vùng Newport và Cardiff.

6. Bảo vệ môi trường. Bất cứ khi nào có thể thì MettaEngine đều hành động nhằm ngăn cản hay giảm thiểu những tác động gây hại đến thiên nhiên và tài nguyên thiên nhiên.

Hiện nay, trên nhật ký mạng của MettaEngine, người ta có thể thấy những thời thiền tập trung được tổ chức thường xuyên, kết hợp với những buổi pháp thoại dành cho nhân viên của công ty để gieo mầm đạo đức kinh doanh trên nền tảng tư tưởng Phật học. Được biết, MettaEngine đang có một dự án phát triển một phần mềm nhằm tối ưu hóa việc tìm kiếm trên internet những thông tin liên quan đến việc kinh doanh trên nền tảng Chánh mạng. Ý tưởng chính của dự án này là tạo nên một nguồn trung tâm nơi đó mọi doanh nghiệp, nhà thầu hoặc những cá nhân có quan tâm đều có thể đến với nhau dưới cái dù của tư tưởng Chánh mạng để cùng nhau chia sẻ mọi ý tưởng, công tác, mối quan tâm, nhờ đó góp phần tạo nên một cộng đồng kinh doanh trên tư tưởng Chánh mạng của nhà Phật.

Người ta sẽ không ngạc nhiên khi thấy tại Anh quốc, một quốc gia có truyền thống Thiên Chúa giáo lâu đời, lại có một doanh nghiệp áp dụng tư tưởng đạo đức Phật giáo trong kinh doanh nếu biết rằng từ đầu thế kỷ 21, Anh quốc đã đưa tư tưởng của Đức Phật vào giáo trình giảng dạy cho học sinh phổ thông trước hết bằng những giờ thực tập thiền để nâng cao sự chú tâm tinh giác. ■

Tháp thoáng lời Kinh

Long Nữ

ĐỖ HỒNG NGỌC



Long nữ là một “con rồng cái” nhỏ xíu. Rồng thì không phải là người, nữ thì không phải là nam và nhỏ xíu tức còn quá bé để có thể thành Phật. Vậy mà Long nữ, con rồng cái tám tuổi kia đã thành Phật. Mà thành Phật trong nháy mắt! Thật tuyệt!

Thế nhưng, nhiều người có mặt ở núi Linh Thứu

hôm đó không tin là chuyện có thật. Ngay khi Phật thọ ký cho Đề-bà-đạt-đa thành Phật ngày sau thì Tích Trí đã muốn bỏ ra về. Phật phải kêu ở lại chút, gặp Văn-thù-sư-lợi chút rồi về hẳn về cũng chưa muộn.

“Lúc đó, ngài Văn-thù-sư-lợi ngồi hoa sen nghìn cánh lớn như bánh xe... từ nơi cung rồng Ta-kiệt-la trong biển lớn tự nhiên vọt lên trụ trong hư không, đến núi

Linh Thửu, từ trên hoa sen bước xuống đến chỗ Phật, đầu mặt kính lạy chân hai Đức Phật, làm lễ xong qua chỗ Trí Tích hỏi thăm nhau”.

Hai Đức Phật vì lúc đó, ngoài Đức Thích-ca còn có Như Lai Đa Bảo, người “làm chứng”.

Trí Tích hỏi Văn Thù: “Ngài qua cung rồng hóa độ chúng sanh số được bao nhiêu?”.

“Số đó vô lượng không thể tính kể, chẳng phải miệng nói được, chẳng phải tâm lường được, chờ chừng giây lát sẽ tự chứng biết”.

Chưa dứt lời, vô số Bồ-tát ngồi hoa sen báu từ biển vọt lên đến núi Linh Thửu trụ giữa hư không. Các vị Bồ-tát này đều là do ngài Văn-thù-sư-lợi hóa độ.

Văn-thù nói: “Ta ở biển chỉ thường tuyên nói *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*”.

Trí Tích rằng: “Kinh này rất sâu vi diệu, là báu trong các kinh, trong đời rất ít có, vậy có chúng sanh nào siêng năng tinh tấn tu hành kinh này mauặng thành Phật chăng?”.

Trí Tích là một trí thức kinh viện, tích góp, dễ thành kiến, không thể tin nổi một kẻ độc ác như Đề-bà-đạt-đa mà rồi cũng được thành Phật, nên hỏi khó Văn-thù chút chơi. “Mauặng thành Phật” là một cụm từ lạ, chỉ thấy trong *Pháp Hoa*. Trước đó, chưa bao giờ có. Trước đó khó lắm, khó lắm. Thấy vi tróc vấy, đến được A-la-hán đã thấy vi tróc vấy khó lắm rồi, qua bao nhiêu cửa ải, còn Bồ-tát thì mười bậc không dễ dàng nói chi đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chỉ trừ *Pháp Hoa*, nói ai cũng sẽ là Phật, ai cũng sẵn có Phật tính, ai cũng sẽ thành Phật, còn rất mau nữa. Cho nên trong câu hỏi của Trí Tích có chút ngờ vực.

Văn-thù bèn giới thiệu Long nữ: “Có con gái của vua rồng Ta-kiệt-la mới tám tuổi mà căn tánh lanh lẹ, có trí huệ, khéo biết các căn tánh hành nghiệp của chúng sanh, đặng pháp tổng trì, các tạng pháp kín rất sâu của các Đức Phật nói đều có thể thọ trì, sâu vào thiền định, rõ thấu các pháp. Trong khoảng sát-na phát tâm Bồ-đề đặng bậc bất thối chuyển, biện tài vô ngại... từ bi nhơn đức khiêm nhường, ý chí hòa nhã, nàng ấy có thể đến ‘Bồ-đề’..

Ngay cả Xá-lợi-phất cũng không tin. “Người nói không bao lâu chứng đặng đạo vô thượng, việc đó khó tin... Đạo Phật xa rộng phải trải qua vô lượng kiếp cần khổ chứa nhóm công hạnh, tu đủ các độ, vậy sau mới thành được. Lại thân gái còn có năm điều chướng... Thế nào thân gái đặng mau thành Phật?”.

Khó tin có thể mau thành Phật đạo vì tuổi hãy còn quá trẻ, khó tin thân gái nhiều chướng ngại, khó tin chẳng phải loài người... Có lẽ Xá-lợi-phất chẳng tiện nói ra.

Nhưng thật bất ngờ, Long nữ có một hột châu báu, giá trị bằng cõi tam thiên đại thiên đem dâng lên Đức Phật, Phật liền nhận lấy.

Long nữ: “Tôi hiến châu báu Đức Thế Tôn nạp thọ, việc đó có mau chăng?”.

Đáp: “Rất mau”.

- Lấy sức thần của các ông xem tôi thành Phật lại mau hơn việc đó.

Lúc đó cả chúng hội đều thấy Long nữ thoát nhiên biến thành nam tử, đủ hạnh Bồ-tát, liền qua cõi Vô Cấu ở phương Nam ngồi tòa sen báu thành bậc Đẳng chánh giác...

Hạt trân châu đó tượng trưng cho trí tuệ của Long Nữ, Đức Phật đã công nhận ngay.

Long nữ ngay lúc đó đã biến từ nữ thành nam? Không phải vậy. Chẳng có chuyện chuyển đổi giới tính gì ở đây. Chẳng qua, tất cả mọi người lúc đó ngộ ra một điều: không phân biệt (non-discrimination)! Không phân biệt thì chẳng có nam nữ, chẳng có trẻ già, bất cứ bất tịnh bất tăng bất giảm, sao còn phân biệt nọ kia.

Nhờ Diệu pháp Liên hoa mà trong nháy mắt thành Phật đạo sao? Không ư? Trẻ với già ư? Lâu với mau ư? Phật đã chẳng từng bảo con rắn độc mới sanh đã là rắn độc, không được coi thường. Hoàng tử sơ sinh đã là hoàng tử, chẳng đợi đến làm vua. Còn nam nữ ư? Đâu có cần phải phân biệt giới tính. Nam nữ là chuyện của Như Lai. Nó như thị, chẳng phải vì muốn hay không muốn. Vô tướng thật tướng, duyên sanh, vô thường, vô ngã... sao còn phân biệt? Trong đoạn kinh này đều “trụ ở hư không” mà diễn ra, phải nhìn bằng tuệ giác, bằng không tướng, vô tướng.

Rồng cái chẳng phải cũng là... chúng sanh sao? Chẳng phải tất cả chúng sanh đều có Phật tánh sao?

Cho nên có mặt lúc đó, “trong cõi Ta-bà, hàng Bồ-tát, Thanh văn, trời, rồng, bát bộ, nhơn cùng phi nhơn đều xa thấy... Long nữ kia thành Phật ở xứ Vô Cấu...”.

“Sáu điều vang động” là phải thôi.

Kinh Phật xưa nay quả thật không phân biệt giới tính. Thế nhưng, do sinh học, vẫn có sự khác biệt, nên cách tu hành có thể có những “giới” riêng ràng buộc khác nhau để không chướng ngại. Các kinh sách đều nói đến tứ chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di... rồi trai thiện gái lành không hề phân biệt. Tám “kính pháp” đặt ra thời đó cũng là một cách để giúp tu tập, rèn giũa, nhằm đạt đến cứu cánh vô ngã.

Pháp Hoa có một chi tiết thú vị: Phật thọ ký cho bà di và mẹ La-hầu-la sau cùng. Trong tình huống đó, phải xử sự rất khéo. Sự trang nghiêm là rất cần thiết.

Nhớ ở phẩm Đà-la-ni, hàng chục La-sát nữ như Lam bà, Tỳ-lam bà, Vô Yểm Túc, Cao Đế, Đoạt Tinh Chất... cùng quỷ tử mẫu và quyến thuộc đến trước Phật xin ủng hộ người đọc tụng thọ trì *Pháp Hoa*, trừ khổ hoạn cho người đó, với đà-la-ni “l-ti-mê, i-ti-mê; ni-mê, ni-mê, ru-hê, ru-hê...”. Phật khen: “Lành thay! Lành thay! Các người chỉ cần ủng hộ người thọ trì tên *Kinh Pháp Hoa* đã phước chẳng thể lường, hưởng là cúng dường kinh sách, hoa hương, chuỗi ngọc, hương bột, hương xoa, hương đốt, phan lọng, kỹ nhạc, đèn nến, đèn dầu, đèn dầu bông...”.

Ta thấy đó, các “bà La-sát” đã giúp biết bao nhiêu cho việc tu hành! ■

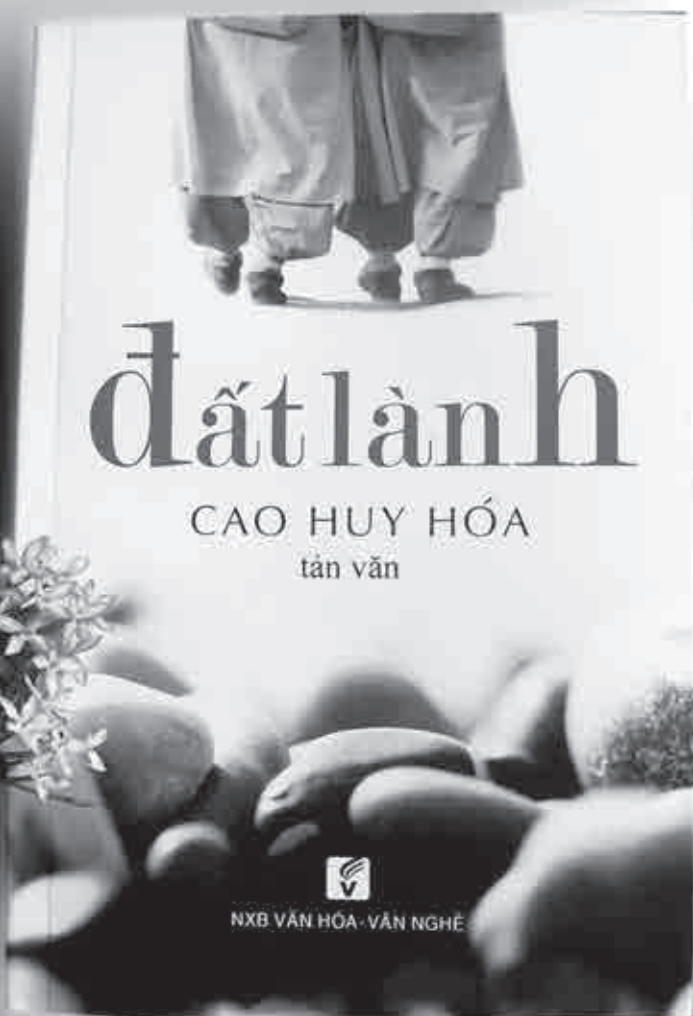
Giới thiệu tác phẩm “Đất lành” của Cao Huy Hóa

Chúng tôi mới nhận được tập tản văn “Đất lành” của Cao Huy Hóa, một cây bút thường xuyên của *Văn Hóa Phật Giáo*, do tác giả gửi tặng. “Đất lành” được Nhà Xuất bản Văn Hóa Văn Nghệ ấn hành vào tháng 6 năm 2013, dày hơn 200 trang, khổ 13.5x20.5cm. Chúng tôi xin đăng nguyên văn bài *Lời thưa* được in ở đầu sách để thay cho lời giới thiệu.

Văn Hóa Phật Giáo

Lời thưa

CAO HUY HÓA



Từ quãng thời gian làm luận ở trường tiểu học và trung học cho đến lúc tôi viết những dòng tản văn đầu tiên, góp mặt với đời, kể cũng đến bốn chục năm. Như gốc cây già trơ trụi, bỗng trở mầm sau những năm tháng đằng đẳng, nhờ có duyên may, bài của tôi được đăng trên các tạp chí Phật giáo, nhiều nhất là tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo*, và trên mạng.

Khơi nguồn cảm xúc trong tôi là cuộc sống xung quanh và cuộc đời mình, vào lúc tuổi đời đã bộn bề khiến mình chín chắn hơn, bình thản hơn, và sau những biến cố lịch sử để lại vết hằn cho hết thảy mọi người. Nhưng bàng bạc trong tôi vẫn là đạo Phật, mà tôi đã thấm nhuần từ nhỏ, và khi tuổi càng cao thì chất đạo đi vào lối sống, cách cảm nhận cuộc đời, và chắc đã ươm mầm và tưới tắm lên những trang viết của tôi.

Những bài văn của tôi, như thế, có liên quan đến đạo Phật, đặc biệt là những ngôi chùa trong cuộc đời tôi, ngôi chùa thuở nhỏ, ngôi chùa quen thuộc cũng như ngôi chùa chỉ đến một lần. Nhưng hiểu biết và trải nghiệm của tôi về đạo, trong đó có kiến thức về chùa, rất là hạn hẹp, cho nên tôi không có tham vọng nghiên cứu về đạo, về chùa, về văn hóa Phật giáo, tôi chỉ biết giải bày và tâm tình về đạo, về chuyện đời một cách chân thật với tâm thế và khả năng của người viết ngoài cổng chùa.

Tôi luôn luôn tự nhủ rằng, hãy viết với tính cách của người Phật tử, không chỉ là viết những gì liên quan đến đạo, mà phải thể hiện tính cách đó trong khi viết chuyện chung, chuyện riêng, chuyện văn hóa, xã hội, chuyện xưa, chuyện nay. Thì ra làm được như vậy không phải dễ dàng, vì mấy ai thoát khỏi cái ngã, cái danh, cái lợi ích bản thân. Tôi mong thể hiện vô ngã vị tha được chừng nào hay chừng đó mỗi khi vào trang viết, hầu mong đóng góp cho cuộc đời này chút lợi lạc tinh thần, và nhất là mong được người đọc quan tâm, chia sẻ.

Điều này tôi đã may mắn cảm nhận khi bài của tôi được đăng trên các tạp chí Phật giáo và trên mạng. Tôi xin cảm ơn những vị xuất gia, những người bạn đã khích lệ tôi viết và ra sách. Xin cảm ơn nhà xuất bản và người đọc. ■

Tác phẩm **TÂM TỪ TÂM**
của Thiện Đức NGUYỄN MẠNH HÙNG

LTS: Văn Hóa Phật Giáo xin đăng tải Lời Giới Thiệu đầu sách

Lời giới thiệu

TRẦN TUẤN MÃN

Tâm từ tâm là tác phẩm thứ hai của TS. Nguyễn Mạnh Hùng sau cuốn *Bài học từ người quét rác*. Có lẽ tác giả muốn người đọc tự tìm hiểu ý nghĩa của đề sách này và cũng có thể tác giả đã lợi dụng âm và nghĩa của tâm, từ và tâm. Phải chăng đây là cái tâm được gọi là tâm từ bi, là sự phân biệt giữa cái tâm bình thường và tâm từ bi, là sự trao truyền và thọ nhận giữa tâm của người này và tâm của người khác, tức là từ tâm này truyền sang tâm kia, là thái độ chân thành của tác giả muốn chia sẻ, muốn điều tốt lành cho người khác? Dù thế nào, ý nghĩa nổi bật ở đây là **TÂM**, từ cái tâm bình thường đến cái tâm được tu sửa, tinh tấn, đến cái tâm tịnh tịch, viên mãn của chư Phật và Bồ-tát. Cái tâm tối thượng này rộng lớn vô cùng, gồm bốn chi phần, được gọi là Tứ vô lượng tâm: Từ, bi, hỷ, xả. Đây là phương tiện cứu khổ cho chúng sinh của chư Phật, Bồ-tát, nhưng cũng là nội dung thực hành của một người hiền thiện, một hành giả trong đời thường, trong tu tập, nhất là trong thiền định. Từ là vui khi thấy chúng sinh vui, nỗ lực làm cho chúng sinh vui. Bi là thương xót khi thấy chúng sinh khổ và nỗ lực làm cho chúng sinh bớt khổ. Hỷ là sự hoan hỷ với mình, với mọi chúng sinh, tạo nên sự an bình, thoải mái. Xả là xả bỏ mọi phiền não chướng ngại, xem mình và mọi chúng sinh đều bình đẳng, không phân biệt.

Ý nghĩa của chủ đề Tâm và Tứ vô lượng tâm có thể được tìm thấy khá rõ trong nội dung cuốn sách nhỏ này qua các chuyện kể của tác giả.

Ta thấy ở đây là tính từ hòa, lòng thương yêu đối với mọi người trong gia đình, trong môi trường sinh hoạt, trong niềm tin Phật (*Ngôi nhà tâm*). Tình thương căn bản nhất, được Đức Phật khuyến khích là lòng

hiếu, thương yêu, biết ơn, thờ phụng cha mẹ, phước đức nhất là đưa Phật pháp đến với cha mẹ (*Cha mẹ tôi học Phật, Cha mẹ là Bồ-tát hiện thân, Mẹ tôi*). Từ bi được mở rộng đến các chúng sinh (*Ăn chay, Chúng tôi phóng sinh, Chỉ có tâm từ mà thôi*). Ở đây là sự cảm thông, chia sẻ vui buồn với mọi người (*Những giọt nước mắt, Món quà nhỏ mang đến niềm vui lớn, Làm thiện có khó vậy không?*). Ở đây là sự thương yêu, giúp đỡ, khiến mọi người được thăng tiến, được hiền thiện, đặc biệt là đối với giới trẻ (*Bạn trẻ và việc tu tập, Chúng tôi phóng sinh, Một khóa tu thành công bất ngờ, Món quà nhỏ mang đến niềm vui lớn, Hãy dựa vào chính mình*). Ở đây là bài học về hỷ xả, chan hòa, không phân biệt đối với mọi người (*Đón năm mới 2013 nơi "ta bà cực lạc", Những người thầy của tôi*)...

Nhưng nổi bật hơn hết, đây là bút ký về những sinh hoạt đời thường của tác giả, *"về những trải nghiệm, những nhận thức sâu sắc về vẻ đẹp của việc sống đúng Pháp, đúng với tinh thần của đạo Phật"*. Điều này tác giả đã thể hiện rõ trong suy nghĩ, trong đối đãi thường nhật và nhất là trong nỗ lực tinh tấn tu học của anh. Anh đã trải qua hàng chục khóa tu trong và ngoài nước, anh đọc kinh sách Phật giáo, ngồi thiền, lạy Phật, tham gia các lễ lạc Phật giáo... (*Hành hương tâm linh, Doanh nhân xuất gia, 72 giờ niệm Phật của doanh nhân, Lễ Phật khởi bệnh, Ngôi chùa nhỏ, một tấm lòng lớn, Trở về*...).

TS. Nguyễn Mạnh Hùng và tôi quen biết nhau chỉ từ năm bảy năm nay, nhưng tôi thấy anh như là người thân cố cựu, do duyên nghiệp nào chăng? Có lẽ cũng một phần do lòng mến phục của tôi đối với anh, do lòng chân thật, tính giản dị và hoạt bát của anh, do cảm phục những gì anh đã làm, do sự tận tụy trong tu học Phật và truyền bá Phật pháp của anh cho giới trẻ bằng các buổi giảng, bằng các tác phẩm mà Công ty CP Sách Thái Hà phát hành, từ đó tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* có cơ duyên hợp tác.

Tôi nhớ những lúc thật thoải mái, thân tình cùng anh tại các quán cà phê ở Sài Gòn, Huế, Hà Nội, cũng như tại tòa soạn *Văn Hóa Phật Giáo*, tại Công ty Sách Thái Hà, chúng tôi đã cùng tâm sự, cùng bàn về Phật pháp, về các vấn đề Phật học, triết học, đạo đức v.v... Thân tình ngày càng sâu đậm. Anh đã sốt sắng viết bài giới thiệu cho sách của tôi, giới thiệu, quảng bá *Văn Hóa Phật Giáo*. Do vì nhận thấy *"Tâm từ tâm"* là tác phẩm rất trong sáng, giản dị, chân thành và cũng do lòng kính phục, tình thân ái đối với tác giả, tôi mạo muội có vài dòng giới thiệu cùng chư độc giả tác phẩm này. ■





Cảnh đẹp cổ đô Huế

NGUYỄN VĂN TOÀN

Trải qua hơn 150 năm, nhiều thắng cảnh trong “Thần kinh nhị thập cảnh” do vua Thiệu Trị lựa chọn đã bị lụi tàn hoặc không còn nguyên vẹn. Nhưng đến Huế, du khách có thể nhận ra vùng đất cổ đô vẫn còn những thắng cảnh mang vóc dáng, hình hài của hai mươi cảnh đẹp Huế đô xưa. Với niềm hoài cổ, phải chăng người ta có thể bổ sung, hoặc bằng những cảnh quan cổ điển có giá trị tương đương nay đã được trùng tu, hoặc bằng cảnh quan mới, tất cả đều xứng tầm thắng cảnh, để lập lại một danh sách hai mươi cảnh đẹp Huế đô hiện đại?

Những cảnh đẹp Huế xưa nay vẫn còn

Hiện nay có 11 trong 20 thắng cảnh trong “Thần kinh nhị thập cảnh” vẫn còn tồn tại. Đầu tiên, phải kể đến cảnh sông Hương, núi Ngự, chiếm đến ba trong số 20 cảnh đẹp Huế đô do vua Thiệu Trị lựa chọn. Sông Hương, dòng sông duyên rữ ở cả đầu nguồn lẫn cuối nguồn, là nơi các vua nhà Nguyễn thường dạo thuyền rồng đi thưởng lãm các nơi và hiện là con sông thơ mộng bắc qua giữa lòng thành phố Huế nhộn nhịp và hiện đại, đúng như miêu tả của nhà thơ Thu Bồn: “Con sông dùng dằng, con sông không chảy. Sông chảy vào lòng nên Huế rất sâu”. Còn

núi Ngự là bức bình phong che chắn thành phố Huế, gắn liền với sông Hương, là cảnh quan không thể tách rời của vùng đất cổ đô từ xưa đến nay. Bởi thế khi đến Huế, thi sĩ Bùi Giáng đã viết rằng: “Dạ thừa xứ Huế bây giờ, Vẫn còn núi Ngự bên bờ sông Hương”.

Bên cạnh đó, cửa biển Thuận An và phá Hà Trung, những thắng cảnh thiên nhiên trong “Thần kinh nhị thập cảnh” cũng vẫn còn nguyên vẹn như thuở nào và chúng đã trở thành những khu du lịch biển hấp dẫn du khách của Huế. Tiếp nữa, hồ Tịnh Tâm, nơi vua thường tới để yên tĩnh, thư thái tâm hồn nay cũng đã nổi tiếng cả nước bởi vẻ đẹp của sen và hương sen thơm ngát. Ca dao miền Hương Ngự chính vì thế đã có câu: “Hồ Tịnh Tâm nhiều sen bách diệp, Đất Hương Cẩn ngọt quýt, thơm cam”.

Hai ngôi chùa cổ hàng quốc tự của Huế là chùa Thiên Mụ và chùa Thánh Duyên cũng là những địa điểm tham quan không thể thiếu của du khách khi đến Huế. Đặc biệt khi nói về biểu tượng của Huế, du khách đều nghĩ ngay tới chùa Thiên Mụ. Người dân Huế cũng thường nhắc tới hai câu thơ: “Gió đưa cành trúc la đà, Tiếng chuông Thiên Mụ canh gà Thọ Xương” khi nói tới ngôi chùa danh tiếng này.

Không những thế, Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô

Huế cũng đã khôi phục thành công Cung Trường Ninh và vườn Thiệu Phương, vốn là thành phần của “Thần kinh nhị thập cảnh” thuộc Tử cấm thành. Nếu như Cung Trường Ninh là một hoa viên dành cho vua và hoàng tộc nhà Nguyễn thăm thú hằng ngày thì Thiệu Phương lại là khu vườn ngự nổi tiếng, được vua Thiệu Trị xếp thêm vào danh sách “cung trung thập cảnh” (mười cảnh đẹp nhất trong cung cấm). Còn hồ Nội Kim Thủy (gần cửa Hòa Bình, hướng Tây bắc của Đại Nội Huế), cũng từng được xếp trong “Thần kinh nhị thập cảnh” thì vẫn giữ được nét xưa từ trước đến nay với nhiều hòn đảo nhỏ có cây cối xum xuê và hàng trăm chú vạc tìm về mỗi ngày.

Những cảnh đẹp mang hình hài Huế xưa

Mặc dù không được vua Thiệu Trị bình chọn vào “Thần kinh nhị thập cảnh” nhưng bốn thắng cảnh dưới đây vẫn xứng tầm với tên gọi “hai mươi cảnh đẹp Huế đô” hiện nay khi những cảnh quan cổ tương tự như chúng đã bị suy tàn. Đầu tiên, có thể kể đến điện Hòn Chén trên núi Ngọc Trản. Ngọc Trản là một ngọn núi cheo leo bên bờ vực thẳm – chỗ sâu nhất của dòng sông Hương. Cảnh uy nghiêm của điện Hòn Chén thuộc Tiên Thiên Thánh giáo có thể so với cảnh quán Linh Hựu thờ đạo Lão trong Kinh thành Huế ngày xưa.

Cùng phải kể đến Lầu Tứ Phương Vô Sự. Đây là nơi nhà vua và hoàng gia lên hóng mát và ngắm cảnh, và là nơi học tập hằng ngày của các hoàng tử và công chúa giai đoạn cuối của triều Nguyễn. Lầu Tứ Phương Vô Sự đã được Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế trùng tu, phục hồi lại đúng theo nguyên bản xưa. Đây là ngôi lầu thuộc Hoàng thành Huế khả dĩ nhất có thể thay thế được lầu Minh Viễn trong “Thần kinh nhị thập cảnh”.

Chùa Từ Hiếu cũng có cơ sở để thay thế ngôi chùa Giác Hoàng về mặt cảnh quan và không gian linh thiêng. Đặc biệt, khu lăng mộ thái giám ở chùa Từ Hiếu cũng đã được xem là “độc nhất vô nhị” tại Việt Nam.

Cuối cùng, sau một thời gian dài hoang phế, vườn Cơ Hạ cũng đã được phục hồi lại vẻ đẹp như hình dáng năm xưa. Vườn Cơ Hạ thật sự đã thay thế vị trí của vườn Thư Quang bởi vua Minh Mạng khi xưa đã tháo dỡ ngôi vườn này để xây nên vườn Cơ Hạ.

Đến Huế, du khách có dịp thăm thú những thắng cảnh nêu trên chắc hẳn sẽ có cảm giác thư thái và thích thú lạ lùng. Bởi tất cả những địa điểm trên đều mang đậm “chất Huế” xưa và những cảnh phàm tục không thể nào so bì được.

Những cảnh đẹp của xứ Huế ngày nay

Cùng với 15 thắng cảnh nói trên, năm cảnh đẹp Huế dưới đây cũng rất xứng đáng lọt vào danh sách “20 cảnh đẹp Huế đô” hiện nay.

Đầu tiên, phải kể đến hệ thống nhà vườn của Huế, đặc biệt là ở vùng đất Kim Long. Bởi những ngôi nhà vườn của Huế ở xứ này vẫn giữ được hầu như nguyên

vẹn nét đẹp cổ xưa. Nhà văn xứ Huế Nguyễn Khắc Phê cũng đã từng thừa nhận rằng: “Đến Huế mà chưa thành thạo dạo bước vào chơi dăm ba ngôi nhà vườn đẹp nhất, hay chưa ghé thăm một vài vương phủ ở chốn cựu kinh, thì coi như... chưa đến”. Có thể nói thêm rằng, khi khu vườn Ngự trong Hoàng thành Huế đã suy tàn và hầu như không còn dấu tích thì những ngôi nhà vườn Huế ở miệt Kim Long vẫn có thể làm du khách hài lòng về nét đẹp của thuật phong thủy của người Huế xưa.

Thứ hai phải kể đến kỳ quan thiên nhiên tươi đẹp Vườn quốc gia Bạch Mã. Vườn quốc gia Bạch Mã thuộc địa phận hai huyện Phú Lộc và Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên - Huế, cách thành phố Huế 60km về phía Nam. Đây là nơi có cảnh quan thiên nhiên đẹp và khí hậu rất trong lành. Vườn quốc gia Bạch Mã còn giữ được hầu như nguyên vẹn những thảm thực vật phong phú và những cánh rừng nguyên sinh bát ngát... Đặc biệt, khí hậu ở đây gần giống Đà Lạt, Sa Pa, Tam Đảo, nhưng do gần biển nên nhiệt độ mùa đông không bao giờ xuống dưới 4°C, và nhiệt độ cao nhất vào mùa hè ít khi vượt quá 26°C. Các chuyên gia nước ngoài đã đánh giá Bạch Mã là một trong những vùng khí hậu dễ chịu nhất của những nơi nghỉ ở vùng núi Đông Dương. Đây thực sự là một địa điểm lý tưởng để du lịch sinh thái kết hợp nghỉ dưỡng. Rõ ràng Vườn quốc gia Bạch Mã cũng rất xứng đáng thay thế cảnh vườn Thượng Mâu bên trong Hoàng thành Huế đã không còn nguyên vẹn để trở thành một trong 20 cảnh đẹp Huế đô hiện nay.

Mặc khác, trong khi Tây Lạnh Thanh Hoàng (suối nước nóng ở Hương Trà) đã không còn cảnh vật như xưa thì cảnh suối nước nóng Thanh Tân tươi đẹp đã tựa hồ thay thế khu suối nước nóng cổ ở Hương Trà để trở thành một trong 20 cảnh đẹp Huế đô hiện nay. Hàng ngàn lượt du khách đến nghỉ dưỡng tại khu nước khoáng này mỗi tháng như đã minh chứng thêm cho sức hút của cảnh vật nơi đây.

Bên cạnh đó, nhắc đến cảnh quan du lịch, điểm qua các danh lam thắng cảnh của Huế, ít ai đến Huế mà không nhớ rừng thông Thiên An. Rừng thông Thiên An cũng đã đi vào lòng người xứ Huế với những cánh rừng thông xanh tươi bát ngát và những mối tình lúa đôi lăng mạn. Mặc dù việc trồng thông trên đồi Thiên An chỉ được tiến hành từ mấy chục năm qua nhưng có vẻ như cảnh quan đồi thông nơi đây đã vượt xa cảnh đẹp của Đông Lâm trong “Thần kinh nhị thập cảnh” của vua Thiệu Trị.

Cuối cùng, cũng nên kể đến ngôi trường Quốc Học, một ngôi trường tương đương với Quốc Tử Giám thời nhà Nguyễn. Ngôi trường này được thành lập vào năm 1896, đến nay đã 117 năm tuổi. Đây từng là nơi đào tạo không ít nhân tài cho đất nước; đặc biệt, vào những ngày hè, những cảnh phượng đỏ rực rơi rớt trên những chiếc áo dài trắng tinh khôi của những cô nữ sinh Quốc Học là một nét duyên dáng của xứ Huế đến mức nao lòng những lữ khách lạ qua. ■



Cổng và lễ đường chùa Khmer ở Sóc Trăng

Bài & ảnh: MINH THƯƠNG

Sóc Trăng là vùng đất có đông đảo đồng bào Khmer sinh sống. Theo kết quả điều tra dân số năm 2009, người Khmer ở Sóc Trăng chiếm trên 30% tổng số người Khmer ở Việt Nam. Tín ngưỡng bao đời của dân tộc này là Phật giáo Nam tông. Theo những số liệu thống kê thì trên toàn cõi Việt Nam có 452 ngôi chùa Khmer, trong đó, riêng tỉnh Sóc Trăng có 92 ngôi, sau Trà Vinh là nơi còn nhiều chùa Khmer nhất với 141 ngôi. Tuy nhiên, ngôi chùa Khmer cổ nhất ở miền Tây Nam Bộ lại là chùa Khléang ở Sóc Trăng, bên cạnh đó còn những ngôi chùa đã nổi tiếng từ lâu như chùa Sro Loun còn gọi là chùa Sà-lôn hay chùa Chén Kiểu, chùa Serâytecho Mahatup hay chùa Dơi, chùa Prek Om Pu hay chùa Tầm Vu, chùa Serây Crosăng hay chùa Cà Săng.... Vì vậy, việc tìm hiểu những nét đặc trưng trong kiến trúc chùa Khmer ở Sóc Trăng chắc chắn là điều thú vị. Từ thực tế điền dã, trong bài viết này chúng tôi giới thiệu vài nét về cổng và lễ đường (saladàna) chùa Khmer ở Sóc Trăng.

1 Cổng chùa

Chùa Khmer thường được xây dựng trên những khu đất rộng rãi cao ráo và luôn luôn có hàng rào bao quanh để xác định ranh giới của ngôi chùa. Hàng rào là những mảng tường xây gạch nối tiếp nhau chạy dọc theo chu vi của khu đất để bao bọc khuôn viên chùa; trên mặt các mảng tường thường có những phù điêu trang trí là những hình tượng hoặc mô phỏng hoa lá thiên nhiên, hoặc thuật lại truyện tích dân gian; giữa hai mảng tường là những cột gạch vuông hình trụ cao lên, đầu trụ thường được trang trí thành hình hoa sen, đầu rắn, đầu rồng, điệu múa apsara hay bánh xe luân hồi. Mặc dù chức năng của hàng rào là ngăn cách và bảo vệ, nhưng với những hình ảnh trang trí được thực hiện bởi những bàn tay nghệ nhân khéo léo, tường rào của những ngôi chùa Khmer Nam Bộ vẫn có tính cách gần gũi, bày tỏ thái độ sẵn sàng chuyên chở cứu vãn chúng sanh đưa họ đến chốn an lạc; và như vậy, tường rào của chùa kết hợp với cổng chùa thể hiện tinh thần

rộng mở của nhà Phật. Ở những khoảng tường rào hai bên cổng chùa, các nghệ nhân thường đắp nổi những tượng rồng hoặc tượng rắn thần Naga uốn lượn với đầu hướng về phía cổng chùa như một biểu tượng của nhiệm vụ bảo vệ lối vào chùa.

Mỗi chùa thường chỉ có một hoặc hai cổng và hầu như luôn luôn cổng chùa đều được mở ra về hướng Đông, hướng mặt trời mọc. Hướng cổng chùa cũng là hướng chánh điện. Những chùa lớn có thể có những cổng phụ ở các hướng khác nhưng những cổng phụ này thường đóng kín, chỉ sử dụng trong chùa sử dụng khi cần thiết mà không mở cho khách thập phương hay Phật tử. Riêng phần cổng chùa cũng là một kiến trúc kỳ vĩ. Hai trụ cổng thường xây rất cao với thân trụ to gấp ba gấp bốn lần thân trụ tường rào. Các mặt trụ hướng ra ngoài cũng luôn được trang trí bằng những phù điêu đặc trưng của Phật giáo Nam tông hoặc của văn hóa Ấn Độ. Ngay bên cạnh hai trụ cổng là tượng sư tử hoặc tượng thần Asura, thần Tuya-ra-bal. Cổng chùa luôn có mái, trên mái cổng chùa, có xây tháp, hoặc một tháp, hoặc ba tháp; cũng có trường hợp bên trên mái cổng chùa có tới năm tháp. Để chống đỡ cho mái cổng, ở phần tiếp giáp giữa trụ cổng và mái cổng, một hình thức đà console được các nghệ nhân thực hiện bằng cách tạo tượng thiên thần hay thiên nữ đứng tựa vào trụ cổng vươn tay nâng mái cổng lên, vừa duyên dáng, vừa như chào đón chúng sanh. Có tài liệu cho rằng đó là tượng Neang rong, vừa khoe thân hình uyển chuyển, vừa khoe sức mạnh tuyệt vời, quay mặt ra ngoài, đưa mắt nhìn xuống, như muốn gửi gắm một lời khuyên nào đó với thiện nam tín nữ đến chùa.

Đối với cổng chùa có một ngôi tháp, hoặc lợp mái nhiều lớp chồng lên nhau, mái cổng có khi là tháp hình búp sen hoặc hình chuông được cách điệu từ hình ảnh bát úp đặt trên bậc tam cấp tượng trưng cho ba cõi Đức Phật từng thọ sanh trong suốt bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp tạo duyên lành để thành đạo, là hình ảnh bình bát cuối cùng gắn chặt với thân thể và sự nghiệp 45 năm hoằng dương Chánh pháp của Đức Phật, nói lên tinh thần giản dị, cuộc sống đơn sơ của bậc Toàn giác, với lòng từ bi cứu độ chúng sanh trùm khắp tất cả. Trên bát úp là cột trụ cao thẳng lên trời có gắn ba hoặc năm đĩa tròn tượng trưng cho Tam bảo hoặc năm vị Phật sẽ thành đạo trong kiếp trái đất này và trên cùng là cõi Niết-bàn.

Đối với những cổng chùa có ba ngôi tháp, phần dưới trang trí gần giống nhau, còn ba ngôi tháp tượng trưng cho Tam bảo: Phật, Pháp, Tăng. Tháp giữa phải lớn hơn tượng trưng cho Đức Phật. Ba ngôi tháp là hình búp sen cách điệu, là những loài hoa gắn liền với Đức Bồ-tát đản sanh tại vườn Lâm-tì-ni ngày Rằm tháng Vesak (tháng Tư) năm Tuất, ngôi tháp chia cấp bởi những hoa lá trang trí sống động tượng trưng cho Bát Chánh đạo và đỉnh cuối cùng cũng là Niết-bàn.

Ở những chùa có điều kiện hơn, trên mái cổng chùa có xây năm ngôi tháp hình búp sen, phần dưới cũng có trang trí gần giống nhau. Năm ngôi tháp liên kết với nhau bởi một ngôi tháp lớn ở chính giữa, cao hơn hẳn bốn tháp còn lại. Điều quan trọng là sự xuất hiện cổng năm ngọn tháp này được đồng hóa với núi Meru (núi Tu-di) huyền thoại. Đây cũng là ý tưởng chủ đạo trong lối kiến trúc đền núi mà ta thường gặp không chỉ đối với người Khmer mà còn ở một số dân tộc khác của vùng Đông Nam Á. Vượt xa hơn đó là ý tưởng truyền tải vũ trụ quan Phật giáo. Năm ngọn tháp còn tượng trưng cho năm vị Phật sẽ thành đạo trong kiếp trái đất này, đỉnh cao nhất cũng là cõi Niết-bàn.

2 Lễ đường hay Saladàna

Sala là cách gọi tắt, theo ngôn ngữ Khmer nói đầy đủ phải là Saladàna. Đây là ngôi nhà xây đầu tiên khi dựng chùa. Sala gồm có phòng để cử hành lễ dâng cơm, nơi tổ chức sinh hoạt, phòng tiếp khách. Ngoài ra, sala cũng là nhà họp và đón tiếp Phật tử trong những ngày đại lễ; có nhiều trường hợp sala được ngăn chia thêm những gian phòng nhỏ cho sư phó hay chư Tăng. Một khu vực nhỏ trong sala dành làm phòng nhạc ngũ âm để hòa tấu trong những ngày tế lễ. Tại chùa Bãi Xàu (Mỹ Xuyên) sala còn có thêm một dãy nhà khách.

Nhìn chung, những sala hiện có tại những ngôi chùa Khmer ở Sóc Trăng hiện nay hầu như đều được xây dựng theo quy cách hiện đại; ngày trước sala chỉ là một gian nhà sàn bằng gỗ, cách mặt đất cỡ thước tây, đầu tích ấy ngày nay vẫn còn ở chùa Khléang.

Sala xây trên nền cao nhưng không cao hơn chánh điện và cũng không có hàng rào, mặt bằng bố cục không giống như chánh điện: chiều rộng ba gian hay năm gian, chiều dài tùy theo nhu cầu năm, sáu gian hoặc tám chín gian, nhưng khẩu độ mỗi nhịp cột rất lớn. Có chùa dựng sala hai tầng, một trệt một lầu, tận dụng lầu cho chư Tăng ở hoặc làm phòng học, phòng họp nội bộ..., cũng có chùa làm Sala đôi. Cột trong, cột ngoài thường dùng nghệ thuật vẽ hay đắp chìm nổi hoa văn cây lá thiên nhiên, cách điệu ngọn lửa hay thêm đầu chim thần Garula. Chân và đầu cột đắp cao và dày có những phù điêu hoa lá tạo sự bề thế cho chân cột. Gắn đầu hàng cột ngoài có tượng chim thần Garula hay tượng Neang rong tựa lưng vào cột, tay giơ cao chống đỡ mái, đôi mắt nhìn xuống, miệng chim thần ngậm viên ngọc hoặc há miệng thật to, tạo sự uy nghi, hoành tráng cho sala, nhưng cũng không kém phần tráng lệ, hút hồn người bởi nụ cười duyên dáng, thân mềm mại quyến rũ. Hai khối mái khổng lồ chồng lên nhau cao vút lên trời rồi tựa trên bàn tay nhỏ nhắn của chim thần Garula hay tựa trên bàn tay mềm mại của mỹ nhân Neang rong. Xung quanh phần dưới của các mái được trang trí bằng hoa văn đắp chìm nổi tạo thành máng nước dẫn đến



nơi thoát tùy ý. Tiếp giáp hai mặt chiều dài của mái trên đưa cao hẳn lên trời, hai mặt còn lại của hai bên tự tạo ra hai hình tam giác cân gọi là Ho-cheang (cánh én), có cạnh đáy là cạnh trên của mái dưới, đỉnh mái nhô ra, để tạo độ sâu cho Ho-cheang và che mưa tạt, che cấu trúc bên trong. Các nghệ nhân thêm vào đó bằng diềm mái là tượng rắn thần Naga thả thân xuống dưới, đầu ngóc lên trời theo từng khối mái, đuôi quấn vào nhau uốn cong đưa ra ngoài theo chiều dài của mái. Cách trang trí kết hợp với cách tạo hình khối cho mái làm tăng thêm nét đặc sắc, thanh thoát nhẹ nhàng trong kiến trúc mái chùa, đồng thời cũng không kém phần ý nghĩa cao siêu trong triết lý Phật giáo. Mái sala chỉ có hai lớp biểu tượng cho hai cõi, Dục giới và Sắc giới, bởi lẽ công năng sử dụng trong đó chỉ cúng dường vật thí tứ sự, trai tăng chứ không thiên định, không hành tăng sự, hay làm lễ đại giới đàn như chánh điện. Bên trong mặt bằng, gian giữa có bố đoàn to cao thờ kim thân Đức Phật. Từ trong nhìn ra theo chiều dài, gian bên phải là Tăng phòng để chư Tăng ngồi; mặt nền thường được nâng cao khoảng bốn đến năm tấc, vị trụ trì, vị sư phó ngồi bên trong rồi lần lượt ra ngoài dựa theo tuổi hạ của các vị, phần còn lại là chỗ ngồi của thiện nam tín nữ. Gian bên trái có khi được bố trí phòng học. Người ta đều biết rằng ngôi chùa Khmer còn là cơ sở giáo dục đối với cư dân trong vùng.

Bên trong sala, vách và trần được trang trí bằng tranh vẽ hoặc tranh đắp, thuật lại theo *Túc Sanh truyện* hay *Pháp Cú kinh*, làm cho người vào đó cứ như được vào trong giảng đường Phật học và sẽ hiểu được nghiệp mình tạo, quả mình hưởng trong tam thế: quá khứ, hiện tại và vị lai.

Còn một điều khác biệt nữa giữa sala với chánh điện chùa Khmer là ở cách bố trí hướng chính và quy định các chiều hình học làm hướng chính. Mặt chính của sala có khi là chiều dài, có khi lại là chiều rộng; hướng chính có thể là hướng Nam hay hướng Bắc và cũng có khi là hướng Đông, nhưng không có hướng Tây. Tranh vẽ, tranh đắp trên trần và vách sala cũng không thuật lại sự nghiệp và cuộc đời của Đức Phật. Trong chùa Khmer, lịch sử Đức Phật chỉ được thể hiện trong chánh điện.

Phòng trụ trì là nơi lãnh đạo mọi sinh hoạt tu học trong chùa, là trụ cột tinh thần của bốn tự, nền phòng thường đặt nơi dễ quan sát toàn bộ khu vực chùa, quy mô lớn nhỏ tùy theo nhu cầu, nhưng tối thiểu chiều dài cũng ba gian, năm gian và gian giữa thường lớn hơn gian còn lại. Phía trước nối dài với gian giữa là tiền sảnh, nó không chỉ là đầu mối tiếp đón khách bình thường mà còn là một điểm nhấn trong mô hình kiến trúc, đồng thời nó thể hiện được chức năng nhiệm vụ của vị trụ trì là tập trung, điều phối mọi sinh hoạt trong chùa. Cách trang trí, tạo mái cũng giống như sala, chỉ có một số ít là mái bán ú, mái bằng.

Tóm lại, nghệ thuật xây dựng sala vừa dễ dàng bố cục không gian, vừa dễ tạo hình thức kiến trúc, vừa gần gũi, thuận lợi cho các tầng lớp thiện nam tín nữ đến làm lễ cúng dường Phật pháp.

Như vậy, với trí tuệ dân gian, các nghệ nhân dựng chùa đã tạo ra những nét độc đáo đặc biệt cho ngôi chùa trong phum, sóc của mình. Người dân Khmer luôn tự hào và xem ngôi chùa như một phần không thể thiếu trong đời sống của họ. ■



Những tấm gương thầm lặng Việt Nam

VÕ VĂN LÂN

Năm 1994, tôi đưa con gái vào TP.HCM để được chữa trị chân bị tật tại Bệnh viện Vạn Xuân. Trong những ngày ở đây, tôi gặp nhiều người khuyết tật được đưa đến phẫu thuật để phục hồi chức năng. Sau thời gian điều trị mười ngày nửa tháng, họ được xuất viện mà không phải trả một khoản chi phí nào, lại còn

được cấp tiền xe nhiều ít tùy nơi họ trở về. Trong khi đó, tôi phải tốn đến cả gần chục triệu, một khoản tiền khá lớn thời đó, nhất là với hoàn cảnh giáo viên. Tôi lấy làm thắc mắc.

Trong một dịp tiếp xúc với bác sĩ Lê Đức Tố, người trực tiếp điều trị cho con tôi và cũng là người điều hành chương trình phẫu thuật gồm nhiều y bác sĩ chuyên

chữa trị cho những người khuyết tật đó, tôi mới biết họ được tài trợ bởi SAP-VN (Social Assistance Program For Vietnam), một tổ chức phi lợi nhuận mà vị Giám đốc là Tiến sĩ Huỳnh Phước Dương, một người Mỹ gốc Việt. Bác sĩ Tổ còn cho biết, năm 1993 ông Dương về nước thăm nhà, chứng kiến hoàn cảnh khó khăn của người dân quê, ông đặc biệt chú trọng tới nỗi bất hạnh của những người khuyết tật, nạn nhân của hậu quả chiến tranh. Khi đi thăm bà con hàng xóm, ông xót xa thấy nhiều người bị giam lỏng trong nhà vì không thể đi lại được. Và có dịp đi khắp đất nước từ Bắc chí Nam, điều làm ông vô cùng suy nghĩ là ông không thấy người nào dùng xe lăn. Khi trở về Mỹ, ông vận động bạn bè mua xe lăn, xe lắc gỏi về tặng người khuyết tật ở quê nhà.

Việc làm đó có ý nghĩa to lớn đối với những người khuyết tật vì đã giải phóng họ ra khỏi mặc tòn phé vô dụng và trả họ về cuộc sống đời thường khi họ có thể tự thân di chuyển được bằng những chiếc xe lăn, xe lắc. Anh Bửu ở thôn Tư xã Cẩm Thanh, một trong những người được nhận xe lăn đợt đầu, đã xúc động nói, “Tôi bị liệt đôi chân từ nhỏ, nhà nghèo nên suốt 15, 16 năm chưa một lần bước chân ra khỏi ngõ. Nay nhờ chiếc xe lăn mà tôi được đi đây đi đó khắp nơi. Cuộc đời tôi và nhiều người khuyết tật đã sang trang là nhờ chiếc xe lăn, thật vô cùng biết ơn ông Dương”. Không những thế, chiếc xe lăn còn giúp kết nối những mảnh đời tật nguyền ở thị xã Hội An, Điện Bàn và nhiều huyện miền núi đổ về Hội An kiếm sống bằng dịch vụ bán đồ lưu niệm cho khách nước ngoài. Ông Dương còn cấp học phí và chi phí ăn ở cho hơn mười em khuyết tật theo học lớp vi tính ở Computer Bình... Nhiều em sau đó sử dụng công nghệ tin học để sinh sống và giúp đỡ bạn đồng cảnh ngộ. Hơn mười năm trước, dư luận báo đài nói nhiều đến *lớp học cô Nhứt*, được mở dưới bóng cây bằng lăng ở vỉa hè đường Bạch Đằng Hội An do cô Phạm Thị Nhứt, một người khuyết tật, dạy tiếng Anh cho người khuyết tật giúp họ có thể giao dịch với người nước ngoài để việc mưu sinh được dễ dàng. Được biết hoạt động của lớp học này có sự động viên và hỗ trợ của Tiến sĩ Huỳnh Phước Dương. Rồi từ một nhóm năm bảy người, dần dà đã quy tụ được ba bốn chục người, Chi hội Người khuyết tật Hội An được thành lập, đến nay đã là nơi sinh hoạt của hơn 100 người.

Lần lần, chương trình tặng xe lăn xe lắc được tổ chức cấp phát cho người khuyết tật ở nhiều địa phương trên cả nước. Để mở rộng qui mô và hoạt động có hiệu quả bền vững, ông Dương cùng những người bạn tâm huyết thành lập Hội Từ thiện SAP-VN nhằm mục tiêu vì người nghèo, người khuyết tật với phương châm tự nguyện làm việc không lương. Sau một thời gian hoạt động, Hội SAP-VN đã kết nối được những tấm lòng trong cộng đồng người Việt định cư nước ngoài để có điều kiện thực hiện các chương trình từ thiện phẫu thuật phục hồi chức năng tặng xe lăn, xe lắc cho người

khuyết tật, vá môi hở hàm ếch, xây trường học, khám chữa bệnh cho người dân vùng sâu vùng xa, cứu trợ nạn nhân thiên tai bão lụt ở Việt Nam. Nơi nào có người khuyết tật gặp hoàn cảnh khó khăn là có bàn tay Hội Từ thiện SAP-VN.

Trong một lần gặp mặt nhân dịp Tết, Chi hội Người khuyết tật Hội An được đón tiếp một vị khách. Một người ngồi xe lăn đến thăm Chi hội đang sinh hoạt tại Khổng Miếu. Từ sân vào nơi sinh hoạt phải lên nhiều bậc cấp khá cao, thật khó khăn đối với người khuyết tật, nhiều người tỏ ý muốn đỡ xe và người lên. Người khách cảm ơn và tự xuống xe rồi dùng tay để lên bậc cấp như mọi người khuyết tật khác khiến tất cả những ai đang có mặt trong buổi sinh hoạt của chi hội lúc bấy giờ đều có một ấn tượng thật mãnh liệt. Lên đến nơi, vị khách ấy thân mật chào hỏi từng người khuyết tật với nụ cười trên môi. Thì ra, ông chính là Tiến sĩ Huỳnh Phước Dương, Giám đốc điều hành Hội SAP/VN. Tất nhiên, sau lần đó thì Chi hội Người khuyết tật Hội An đã đặt một tấm ván lên trên những bậc tam cấp để giúp người khuyết tật có thể đưa xe lên tận nơi.

Khi có điều kiện để biết rõ hơn về Tiến sĩ Huỳnh Phước Dương, tôi càng ngạc nhiên và thán phục trước sức phấn đấu vượt nghịch cảnh của ông. Cha mất sớm, mẹ phải tảo tần nuôi bốn người con bữa đói bữa no ở một vùng quê không có an ninh. Cũng như bao trẻ ở quê, cậu bé Dương phải đi chăn trâu nên 11 tuổi mới học xong lớp Một. Trong một đêm khuya, đang ngủ bỗng nghe tiếng nổ thật gần, toàn thân đau nhói, máu me chảy mình và lịm đi. Khi tỉnh dậy, cậu bé thấy mình đang nằm trong bệnh viện và hai chân mất hết cảm giác. Sau đó cậu phải chịu đựng nỗi đau đớn với những ca phẫu thuật kéo dài tại các bệnh viện Đà Nẵng, Sài Gòn. Biết mình đã bị tàn phế, sẽ là gánh nặng cho mẹ và các em, Dương đã phải khai không có gia đình để được Tổ chức Y tế chăm sóc. Rồi cậu được một người đàn ông Mỹ nhận làm con nuôi. Sau năm 1975, Dương theo cha nuôi đến Mỹ và bắt đầu những ngày tháng mới của cuộc đời. Đó cũng là những ngày khó khăn nhất, nhiều gian nan thử thách nhất của Dương. Dương tự nghĩ mình phải có kiến thức, nghĩa là phải học. Nhưng làm thế nào để học khi mà những chữ a b c hồi lớp Một ở Việt Nam đã quên hết mà giờ đây lại phải đối mặt một ngôn ngữ hoàn toàn khác lạ? Thế nhưng giấc mơ được trở về Việt Nam, được gặp lại mẹ và các em, thăm lại vùng quê nghèo chứa chan kỷ niệm... đã là mãnh lực có sức thúc đẩy Dương cố gắng vượt qua mọi khó khăn. Với ý chí của bản thân, cùng với sự giúp đỡ tận tình của nhiều người và nhất là nhờ môi trường thuận lợi, Dương đã lần lần đạt được những thành quả trong việc học tập. Học xong trung học, anh ghi danh vào Trường Đại học California khoa Công nghệ sinh học, rồi sau đó, với chính sách ưu đãi Chính phủ Mỹ dành cho người khuyết tật, anh theo học tiếp chương trình tiến

sĩ ngành Sinh hóa thần kinh và trở thành Giáo sư tại Đại học UCLA California.

Giờ đây, tại các hội thảo về thần kinh học tại các trường đại học y khoa trong nước và quốc tế không còn xa lạ với hình ảnh một giáo sư người Việt trên chiếc xe lăn thuyết trình các đề tài mới về các bệnh có liên quan đến thần kinh. Nhưng với anh, niềm vui và hạnh phúc nhất là được trở về Việt Nam tham gia các chương trình từ thiện mà Dương đã hoài bão ngay từ những ngày mới đặt chân đến đất Mỹ¹.

Từ một cậu bé chăn trâu Việt Nam trở thành một giáo sư tiến sĩ Mỹ là quá trình phấn đấu đầy khó khăn gian khổ chỉ vì động cơ yêu mẹ và yêu quê hương đất nước Việt Nam. Là một nhà khoa học ngành thần kinh, anh đã đem kiến thức và kinh nghiệm chia sẻ cùng đồng nghiệp nhiều nước trên thế giới, nhưng đối với anh niềm vui và hạnh phúc to lớn nhất vẫn là được chia sẻ nỗi khó khăn của những người khuyết tật và đồng bào nghèo ở quê hương. Anh trực tiếp đến tận nơi chứng kiến và cùng với những người bạn trong tổ chức từ thiện SAP-VN giúp đỡ người khuyết tật, người nghèo... vượt khó khăn, bất hạnh. Là người rất kiệm lời, anh chỉ làm chứ không nói việc mình làm kể cả hoàn cảnh và sự phấn đấu vượt khó khăn, mặc dù những điều đó đều là sự thật, tất cả đều do bạn bè và người thân anh tiết lộ! Nhà mẹ anh hiện là ngôi nhà cấp bốn ở thôn Tư xã Cẩm Thanh TP. Hội An, đặc biệt là hành lang bên hông nhà dài xuôi dẫn vào nhà sau để mỗi lần về nước anh trú ngụ và sinh hoạt tại đây.

Bên cạnh anh còn bao người bất hạnh, những người khuyết tật đã và đang âm thầm phấn đấu vươn lên vượt qua số phận bất hạnh. Cậu bé Nguyễn Anh Tuấn, một Nguyễn Ngọc Ký thứ hai... những ngón tay em co quắp lại làm đôi tay em trở nên thừa thãi. Tuấn đã phấn đấu tập luyện, sử dụng đôi chân thay đôi tay. Ngoài viết chữ, em còn sử dụng thành thạo máy vi tính. Những ngón chân em nhanh nhẹ di chuột và gõ bàn phím chẳng kém gì bàn tay bình thường². Và tấm gương Hà Chương người nhạc sĩ khiêm thị. Bị mù đôi mắt từ hồi còn nhỏ, năm 12 tuổi Chương, vào học Trường Phổ thông đặc biệt Nguyễn Đình Chiểu Đà Nẵng. Năm 21 tuổi (2004), Chương thi vào Học viện Âm nhạc quốc gia Việt Nam tại Hà Nội, đỗ đầu khoa Nhạc cụ truyền thống ngành đàn bầu; anh còn sử dụng thành thạo máy vi tính và nhiều nhạc cụ khác, hai lần đỗ thủ khoa môn đàn bầu và đạt được nhiều thành tích xuất sắc; sắp tới anh có chuyến đi Mỹ, theo lời mời đích danh, để biểu diễn cùng với ca sĩ Thủy Tiên³. Và gần đây hơn là tấm gương của Nguyễn Phương Anh nỗ lực vượt qua sự khắc nghiệt của chứng bệnh hiểm nghèo, bệnh xương thủy tinh, và đã 30 lần bị gãy xương phải đi lại bằng xe lăn; em tham gia và lọt vào vòng chung kết cuộc thi *Tìm kiếm tài năng Việt* (VietNam got Talent) được nhiều người chú ý và Quỹ Nhi đồng Liên Hiệp Quốc (UNICEF) chọn làm tấm gương tiêu biểu toàn cầu³.



Là những người thầm lặng vì họ nhận thức rõ luật nhân quả, nghiệp báo; theo đó hoàn cảnh sướng khổ, hạnh phúc hay bất hạnh tật nguyên đều có nguồn gốc từ Nghiệp tức là lực cảm ứng từ hành vi có chủ ý hay việc làm có dụng tâm từ ý nghĩ, miệng nói, thân làm trong tiền kiếp lâu xa. Họ rõ biết trùng trùng nhân quả quả nhân đan xen, trong quá khứ họ đã có việc làm xấu ác, hành vi bất thiện đời nay hội đủ duyên để thành quả... nhưng bên cạnh đó họ cũng có việc làm lành, hành vi thiện tạo nhân cho quả tài năng đặc biệt đời nay có mặt. Ở đây không có bóng dáng bất cứ đáng quyền năng Trời, Chúa, Thượng đế! Nhận thức được như thế họ ra sức vận dụng, phát huy những gì có được, cố gắng thích nghi với hạn chế bản thân mà vẫn đem lại lợi lạc cho người khác và cho cộng đồng - tự lợi lợi tha - họ có sự an vui ngay bây giờ và tại đây. Và theo chiều hướng thiện nghiệp, sớm muộn chắc chắn họ có thân hình lành lặn xinh đẹp, cuộc sống an vui, hạnh phúc. ■

Chú thích:

1. Theo Kỷ yếu Người khuyết tật Hội An 2008 và Tư liệu gia đình Nguyễn Viết Thực ở Cẩm Thanh.
2. Đức Hiếu, báo Tuổi Trẻ ngày 30/5/2013.
3. Theo Hà Đình Nguyên - Phan Hậu - Diệu Hiền, báo Thanh Niên ngày 31/5/2013.



Thương lắm những mái lá dừa nước

HOÀNG VĂN HÀO

Hồi mới vào miền Nam, tôi thật sự có những ấn tượng mạnh mẽ và hết sức thích thú với những hàng quán được che bởi những mái lá dừa nước; trông chúng thật dân dã, mộc mạc và đặc biệt là rất mát. Ở miền Trung quê tôi cũng có mái tranh nhưng tôi không thích bằng, bởi chúng thường mau mục, mỏng manh, và lại khí hậu ở ngoài đó nắng lắm mưa nhiều nên chỉ qua một vài mùa mưa nắng thì gia chủ đã phải hứng xô hứng chậu để đối phó với nước mưa dột.

Gần chỗ tôi làm hiện nay, lúc trước có một quán mái lá rất đẹp, cuối khoảng sân là một gốc xoài xanh um rù bóng mát bên mái lá trông thật duyên dáng và làm cho khung cảnh thật yên bình. Nhưng kể từ ngày cơn bão số Một hồi đầu năm ngoái quét qua tàn phá cây cối ở Bình Dương và các tỉnh Nam Bộ, cây xoài đó đã bị trốc gốc nên buộc ông chủ quán phải dỡ bỏ; còn mái lá thì liêu xiêu và bắt đầu có dấu hiệu

dột nát. Nhưng thay vì lợp lại mái lá mới thì ông chủ quán đã vội cho phá đi rồi thay vào đó là mái tôn với vì kèo thép thật thô cứng, ngoài ra hình như ông cũng “quên” không đóng la-phông nữa, chỉ chèn sát mái một lớp xốp mỏng. Tôi thắc mắc, hỏi ông ấy vì sao không lợp mái lá mà lại lợp mái tôn thì ông ấy trả lời một cách rất “thực tế” rằng: lợp mái tôn cho tiện, vừa bền chắc, khó mục nát và tránh được chuột bọ bươi móc làm tổ... Nhưng hồi ơi! Tiện cho ông nhưng chẳng tiện cho khách hàng của ông chút nào cả. Ai đại gì mà giữa trưa nắng nóng, thay vì tìm kiếm một chỗ để thư giãn thì lại chui đầu vào đó để “bật máy nóng” mà hành hạ bản thân cho khổ? Khỏi phải nói là từ ngày tu sửa lại quán đến giờ, khách hàng của ông giảm đi thấy rõ. Chính bản thân tôi cũng không còn mặn mà để lui tới cái quán ấy nữa. Nhớ lúc trước mỗi trưa không về nhà tôi thường ghé quán để uống nước hay nhâm nhi cà phê, cầm tờ báo trên tay để đọc



trong không gian yên tĩnh và thoáng mát dưới gốc cây xoài, thỉnh thoảng có những trái xoài chín tròn vàng ươm và thơm lừng rụng lịch bạch quanh chỗ tôi ngồi thật thú vị. Nay, hai “món” mà tôi ưa thích là mái lá và gốc xoài đã không còn thì hà cớ gì tôi phải đến? Những ngày nắng to vào dịp đầu năm nay cộng với nỗi ám ảnh về cái nóng của những tháng ngày ở nhà trọ với mái tôn không trần trước đây đã khiến tôi suy nghĩ rất nhiều về mái lợp lá dừa nước. Hóa ra cái thứ vật liệu dân dã này lại có thể “trị” được cái nóng một cách rất hiệu quả, thật khó có vật liệu nào sánh bằng, mà lại đẹp và thân thiện với môi trường nữa. Theo thiên ý của tôi, kiến trúc gồm có hai loại: cứng và mềm. Nhắc đến kiến trúc cứng khiến người ta nghĩ ngay đến cấu trúc thô cứng, chắc khỏe, cao lớn hoành tráng, độ bền vững cao theo thời gian với bê tông, sắt thép, đá, kính... và kiến trúc mềm với quy mô nhỏ và xinh xắn lại gắn bó với những vật liệu nhẹ, mềm mại và thân thiện với môi trường trong đó có lá dừa nước. Hai loại kiến trúc ấy luôn đi song hành và bổ trợ lẫn nhau. Kiến trúc mềm nếu khéo tận dụng cũng mang lại sự tiện nghi, thoải mái, sự thi vị nhiều sắc màu cho cuộc sống con người và chừng nào kiến trúc mềm còn tồn tại thì vật liệu mái lợp bằng lá dừa nước vẫn còn “lên ngôi”. Thường “bộ ba” đi kèm như một mô-típ quen thuộc với lá dừa nước gồm có: vì kèo thân cây đước, xà gồ bằng cây tấm vồng và nền gạch tàu. Tuy nhiên, ngày nay nhiều nơi người ta còn sáng chế

bằng cách lợp thêm một lớp tôn bên trên mái lá, cách làm này tuy nét thẩm mỹ có giảm nhưng lại bền chắc và độ dốc của mái được giảm đi đáng kể.

Có thể nói rằng miền Nam là xứ sở của dừa nước. Nhớ những ngày về Bến Tre, tôi bị chinh phục bởi cảnh quan nơi đây: những rừng dừa nước xanh mượt ven sông, những dáng nhỏ chèo xuồng, vài mái lá đùm hiu dưới khóm lam chiều lững lững... tất cả đã tạo nên một miền quê sông nước thật thanh bình và yên ả, đến đây mà chẳng muốn về, cứ quyến luyến mãi. Nhớ những chiều ra sông Sài Gòn hóng mát, tôi thường dõi theo những ghe thuyền chở đầy ắp các mặt hàng gốm sứ của Bình Dương như: lu, vại, khạp, chậu kiểng... để xuôi về các tỉnh miền Tây; ghe thuyền trở về thường chở theo nông sản trong đó có lá dừa nước, chúng được chất thành đống ven các bến sông để bán cho những ai có nhu cầu. Lá dừa nước bây giờ không chỉ để lợp nhà lợp quán nữa mà còn đi vào các khu resort, nhà nghỉ sinh thái cao cấp... Thợ lợp mái lá cũng ngày một chuyên nghiệp hơn, nghề lợp mái lá đang là nghề ăn nên làm ra hiện nay, chỉ cần “a-lô” là có “đội lợp, cất nhà lá” đến làm việc một cách nhanh chóng và tiện lợi. Giữa cuộc sống xô bồ, chật chội và ô nhiễm của đô thị, muốn tìm được cảm giác hương đồng, gió nội và hướng về với thiên nhiên là lý do mà gần đây khá nhiều người chọn cất nhà mái lá.

Quán mái lá bây giờ đã trở thành hình ảnh quen thuộc và gần gũi, chúng mọc lên rất nhiều dọc theo những con đường nối liền những đô thị của miền Nam. Có thể đó là một nhà hàng, quán ăn đặc sản đồng quê, quán nước hay chỉ là những quán cà phê vông. Còn gì thú vị cho bằng khi trên những chặng đường xa và mệt nhọc mà được nghỉ ngơi, hưởng một chút gió trong lành của thiên nhiên, uống một ly nước mát lạnh hay những trái dừa tươi thơm thảo, ngả lưng đong đưa trên những chiếc vông, ngược nhìn mái lá với màu nâu êm đềm, đánh một giấc ngủ và lấy lại sức khỏe để tiếp tục cuộc hành trình dài. Thật là yêu biết mấy những mái lá dừa nước Việt Nam! ■



Tản mạn về trái và phải

HOÀNG TÁ THÍCH

Tôi đang bị một vết thương ở bàn chân trái nên không thể chịu lực trên bàn chân này. Đi đứng không đến nỗi nào, chỉ phiền một chuyện là không chạy xe gắn máy được, vì lúc nào dừng xe thì cũng phải chống chân trái xuống đất để giữ thăng bằng. Nhiều người nói, tại sao không dùng chân phải. Chân phải mạnh hơn chân trái, dùng chân phải thì tốt hơn chứ sao. Đó chỉ là ý kiến của những người không hề để ý đến chuyện dùng chân trái khi đi xe gắn máy.

Thử ra ngoài đường nhìn xem. Gần như tất cả mọi người đi xe gắn máy đều dùng chân trái chống xuống đất khi dừng xe nếu không phải là cả hai chân. Chẳng ai thắc mắc tại sao lại như thế, nhưng đó không những là một thói quen mà có thể nói đó là chức năng của bàn chân trái. Sở dĩ phải dùng chân trái giữ thăng bằng, vì chân phải dùng để đạp thắng, vì chân phải mạnh hơn, đặt cái thắng bên phải là thuận vậy.

Phần đông mọi người đều thuận tay phải: cầm dũa, cầm viết... hay làm bất cứ gì phải dùng đến hai bàn tay. Dần dần, người ta có cảm tưởng như thuận tay phải là bình thường, và quen tay trái là... không bình thường. Hay vì đây là thiên bẩm của con người, lúc nào cũng

hướng về phải hơn là trái vậy. Có nhiều đứa trẻ khi còn nhỏ lại thuận tay trái, đến khi viết chữ cũng viết bằng tay trái. Nhiều bậc cha mẹ nhất định bắt con phải tập viết hay cầm dũa bằng tay phải cho bằng được. Cho rằng như thế mới là thuận. Điều này nghĩ ra thật hết sức vô lý, vì không có một lý do gì để bắt buộc trẻ con phải thuận tay phải như phần đông mọi người. Dĩ nhiên là có rất nhiều đứa trẻ lớn lên vẫn quen viết hoặc cầm dũa bằng tay trái, và sử dụng tay trái thuận hơn tay phải.

Người Âu Mỹ không ăn bằng dũa mà bằng dao nĩa. Trên tất cả những bàn tiệc, luôn luôn dao ở vị trí tay mặt và nĩa ở tay trái. Gần như một quy ước và chẳng ai thấy đó là một điều bắt buộc vô lý. Có lẽ tự nghìn xưa, người ta cho rằng tay mặt mạnh hơn tay trái, nên tay mặt dùng dao thì thuận hơn tay trái. Quen mắt rồi thấy người nào cầm dao tay trái, nĩa tay phải cũng có chút... không quen mắt lắm. Có lẽ những quy ước về muỗng, dao nĩa cũng bình thường và cho đến nay, chẳng thấy ai thắc mắc điều này.

Nói tóm lại, phần đông người ta đều cho rằng phải thuận hơn trái. Hầu hết trên thế giới, trừ một số quốc gia đặc biệt, xe cộ đều chạy bên phải. Xe chạy bên phải thì tay lái nằm về phía tay trái, để cho tay mặt tiện việc sang

số xe. Ngược lại, lái xe bên trái thì phải sang số xe bằng tay trái xem ra không thuận lắm đối với hầu hết mọi người phần đông đều thuận tay mặt. Nhìn một người chạy xe gắn máy vừa nghe điện thoại: Tay phải là tay ga, phải cầm điện thoại bằng tay trái, nhưng phần đông đều quàng tay qua để nghe bằng lỗ tai phải. Người đàn bà, thường được gọi là phái yếu, luôn luôn bên phía tay phải của người đàn ông để được bảo vệ tốt hơn. Người thuận tay phải cầm cái dũa mài móng tay trái một cách dễ dàng và sẽ cảm thấy lóng cọng khi đổi qua tay trái để dũa những móng tay phải. Hai người gặp nhau, bắt tay nhau cũng chỉ dùng tay phải, trừ trường hợp tay phải bị thương hay không thể dùng được. Nếu phải ngồi chung bàn ăn, người thuận tay trái thường chọn cho mình ngồi ngoài để tránh đụng tay phải của người bên cạnh, vì dù sao số người thuận tay trái lúc nào cũng vẫn rất ít hơn tay phải. Nhìn một người được chở đằng sau xe gắn máy: trừ phi họ ngồi hai chân hai bên, nếu không thì thường cũng chỉ nghiêng về một phía. Thỉnh thoảng cũng có người ngồi phía ngược lại, thấy có vẻ chẳng thẳng bằng chút nào. Nghe ra không khác gì chế độ phụ hệ và mẫu hệ vậy: vào thăm một buôn người Thượng trên Đà Lạt, nghe nói con gái đi hỏi cưới đàn ông về làm chồng, thấy nó làm sao ấy. Nhưng đó cũng vẫn là chuyện bình thường của chế độ mẫu hệ.

Người ta quen thuận bên phải, nên có đôi khi hoặc “coi thường” một cách tự nhiên, hoặc không để ý đến chức năng quan trọng của phía trái. Như việc chống chân trái để giữ thăng bằng chiếc xe gắn máy chẳng hạn. Thử xem một người phục vụ trong nhà hàng hai tay bung đồ ăn để dọn cho khách. Phần đông, nếu không phải là đặt tất cả lên một cái khay thì luôn luôn tay trái có thể bê đến ba bốn đĩa thức ăn, trong khi tay phải chỉ mang được một. Ấy là bởi muốn bê được nhiều đĩa, thì phải dùng tay phải để sắp nhiều đĩa lên tay trái. Có thể nói tay phải chỉ đạo, nhưng thực tế vẫn cho thấy tay trái có thể bê nhiều đĩa, trong khi tay phải chỉ có một.

Có thể nói chuyện thuận tay phải nhiều hơn tay trái như là một chuyện rất tự nhiên, trời sinh là thế, nếu không, sao lại có nhiều bậc cha mẹ không muốn cho con cái khi còn nhỏ viết hay cầm dũa, cầm muỗng bằng tay trái. Người ta thường cho bên phải là chính, và bên trái là phụ. Cũng đúng thôi, vì như đá bóng chẳng hạn, phần đông cầu thủ cũng đều sút bóng bằng chân phải, võ sĩ đấm bốc cũng dùng tay mặt để hạ nốc ao đối phương. Chân phải, tay phải, thường mạnh hơn bên trái. Chung chung, tay phải, chân phải thường hữu dụng hơn tay trái, chân trái. Hữu dụng đây có nghĩa là dùng nhiều hơn, chứ không phải là hiệu quả hơn. Có một điều ít người để ý, là tuy bên trái không được giữ vai trò chính đối với bên mặt, nhưng luôn luôn hỗ trợ bên mặt một cách hữu hiệu, như một cầu thủ sút bóng bằng chân mặt thì cũng phải dùng chân trái làm trụ, một vận động viên nhảy cao, nhảy dài, chân mặt đi trước, và cũng dùng chân trái để làm trụ, và

ngay cả một võ sĩ dùng tay phải hạ nốc ao cũng là nhờ chân trái làm trụ để thể đứng được vững vàng.

Trong cuộc đời này, có nhiều cái người ta có quan niệm không được... cân bằng hai phía, ví dụ đàn bà thì cho là phái yếu... Phụ nữ khi lấy chồng, dù cho chồng có nhỏ tuổi hơn, vẫn được gọi là anh, và cũng không bao giờ có một người vợ lớn tuổi hơn chồng nào lại được gọi là chị cả. Đó là một thứ quy ước đặt ra một cách tự nhiên, vì đàn bà được quan niệm là phái yếu, phải được đàn ông bảo vệ, che chở. Đàn ông thường kéo ghế cho phụ nữ và tặng hoa cho người đẹp, không thấy ngược lại. Người ta quên mất có câu: “Sau lưng một người đàn ông thành đạt luôn luôn có bóng dáng một người đàn bà” hay: “Người đàn bà chính là sức mạnh của người đàn ông”. Và có rất nhiều chuyện xảy ra có thể chứng minh đàn bà chẳng thua gì đàn ông cả, dù người đàn bà như bàn tay trái, luôn luôn ở vị trí không mạnh mẽ như bàn tay phải. Tuy vị trí của người đàn bà như là bên trái, nhưng họ lại luôn luôn ôm đồm nhiều thứ hơn đàn ông một cách khéo léo, tỉ mỉ hơn đàn ông. Hoàng hậu thường là chủ của hậu cung, với những phức tạp nội bộ, trong khi ông vua phải lo việc triều chính bên ngoài.

Bất cứ cái gì cũng đều có cái chính và cái phụ, và thường người ta chỉ chú tâm, coi trọng đến cái chính và có khi quên mất vai trò của cái phụ. Như diễn viên chính và diễn viên phụ. Như thợ chính và thợ phụ. Người ta luôn luôn coi thường cái phụ, như chủ nhà coi thường người giúp việc, như ông quan coi thường dân, nhưng nếu không có phụ thì làm sao có chính, không có dân thì làm sao có quan có vua. Không có phái yếu thì phải mạnh mạnh với ai bây giờ? Tuy vậy, cũng vẫn có một thứ rất phụ mà bao giờ cũng lấn lướt hơn cái chính, ấy là vị trí của người đàn bà đóng vai phụ trong cuộc sống của đàn ông: tình nhân, vợ lẽ, phi tần... Những người đàn bà phụ này lại đều có phần hơn bà chính nữa, thế mới là trái với quy luật tự nhiên.

Nói cho vui vậy thôi, chứ ở những quốc gia xe chạy bên tay trái, thuận hay không thuận tay phải cũng vậy thôi, cũng phải tập cho quen vì không có chọn lựa, và cũng nói cho vui, có cả hai tay hai chân thì tay này mạnh, tay kia yếu, chân này mạnh, chân kia yếu. Nhờ phải gãy một tay, gãy một chân thì chẳng còn bên nào thuận hơn bên nào. Lúc đó thì chân nào tay nào cũng đều là chính cả. Đây là chưa nói đến có những người thiếu cả hai tay hoặc hai chân, thậm chí không còn tứ chi mà vẫn có thể làm nên những điều người đầy đủ chân tay bình thường không làm được. Phân biệt đến nỗi thành kiến về bên trái bên phải quả là một điều vô lý. Mọi chuyện chỉ là thói quen mà thôi.

Cho nên, khi còn cả hai tay hai chân, nếu cùng hỗ trợ cho nhau thì con người sẽ có được sức mạnh đầy đủ. Có điều bên phải bên trái thì có thể không cần phải phân biệt, nhưng chuyện Trái chuyện Phải thì phải phân minh rõ ràng. ■



NGUYỄN TRỌNG HOẠT

Khi máy móc được đưa vào đồng ruộng thì những nông dân như vợ chồng anh chị bỗng khỏe nhẹ hẳn. Với người làm ruộng quê anh, những hình ảnh đầu tắt mặt tối, một nắng hai sương... giờ còn ý nghĩa kỷ niệm hơn là thực tế, kéo theo ngày tháng nông nhàn dài ra. Thế nên, sau những ngày mùa bận rộn, anh lại giao ruộng vườn cho vợ, xách bagay theo bạn lên phố làm thợ xây.

Những ngày lem luốc cùng vôi vữa để có bữa cơm đồng bạc của thiên hạ đây đó, anh hóng hớt được bao chuyện. Những câu chuyện thoáng qua, cứ như vào tai này ra tai kia, cùng lắm đem lại tiếng cười làm vơi chút mệt nhọc. Duy có chuyện kinh doanh nhà đất cứ động lại ngày càng dày lên, khiến anh ước ao nung nấu. Đây, lắm anh *tay không bắt giặc* nhờ ngửi thấy mùi tiền từ những ao bèo ở ven đô. Mặc can gián của người thân, thậm chí bị kẻ nghĩ gần cho là ngu, những người biết làm giàu kia vẫn quyết nhào vô để sở hữu những miếng đất vốn là lãnh địa của côn trùng và lau lách. Đến ngày kia, tiền từ đất chảy vào túi những ông chủ ấy ừ ừ, nhiều như quân Nguyên. Thấy mà ham!

Anh đem chuyện đất cát chia sẻ với vợ. Chị tròn mắt rồi giã nãy khi nghe anh bảo bán lúa bán heo để lấy tiền lên thành phố làm *cước cách mạng thổ địa*. Đồng đất đó, nhà cửa đây, còn ông bà tổ tiên nữa... mắc mớ chi phải đi đâu!? Thấy chị chối đây đây, anh dịu giọng: "Cứ mua để đó, nó thiu thối đâu mà sợ". Thế là anh mon men trên con đường kinh doanh địa ốc. Tất nhiên, chẳng thể chen ra mặt đường, khu trung tâm càng không dám nghĩ, anh tìm một xó và mua để đó chờ thời. Hôm anh dẫn đi xem đất mới mua, chị từ mạnh nha hy vọng chuyển sang thất vọng não nề. Ở thành phố sao lại có chỗ heo hút như vùng sâu vùng xa thế này; lại gần nghĩa trang nữa, ai dám ở!? Thấy chị nhăn mặt, lộ rõ sợ hãi, anh động viên: "Em đừng lo, khi được giá mình sẽ đổi chủ". Lâu lâu sau đó, khi chị không còn nghĩ tới mảnh đất ấy nữa thì anh đem tin vui về. Niềm vui khiến người anh như nhấc khỏi mặt đất, giọng đắc thắng vút cao: "Đây, nhân bảo như thần bảo mà!". Chỉ nói được thế rồi anh cười rần rật, quay cuồng lắc lư trong vui sướng ngất ngây. Thì ra, chính quyền quyết định giải tỏa cái nghĩa trang cạnh đất của anh để xây trường học. Hiển nhiên đất khu ấy vùn vụt tăng giá.



Anh già từ nghiệp cầm bay, làm nhà trên đất vừa mua. Thôi làm thợ xây, cũng không muốn quay về đồng ruộng, anh sống nhờ vào trường trung học bên cạnh khi biến nhà mình thành tiệm photocopy. Nghề in sao của anh đem lại thu nhập khá, làm chơi chơi nhưng hơn cả một mùa cày cấy mẫu ruộng. Những khi việc đồng áng rảnh rỗi, chị lại chạy xe lên phố phụ giúp anh trông coi quán xá. Chị thấy khách đến quán chủ yếu là học sinh trường bên cạnh. Ngoài sao chụp bài vở để học, các cô cậu còn in sao tài liệu để đem vào phòng thi; thứ này được những kẻ đứng sau quầy và ma gọi là *phao*. Những bản sao nhỏ hơn bàn tay với những dòng chữ li ti như đàn kiến là đặc điểm nổi bật của *phao*. Và nữa, nó được gấp theo hình nan quạt, nhỏ như bao diêm; vào phòng thi cứ từ từ xòe ra, *sao y bản chính*. Sự gian dối quả là tinh vi - suy nghĩ ấy khiến chị áy náy không yên. "Sao các cháu lại làm thế?" - Có lần chị buột miệng hỏi mấy khách nhí. "Sự học mệnh mông như biển rộng, không có *phao* thì bầu vùi vào đâu, hã cô!" - Cả đám cười vang rồi kéo đi, bỏ lại bà chủ quán ngơ ngác. Làm thế này khác nào tiếp tay cho sự gian dối - Chị vẫn không thôi day dứt. Nghe chị bày tỏ nỗi niềm, anh chế giễu: "Nghĩ lẫn

thần như thế chắc thần kinh em có vấn đề thật rồi. Việc chống gian lận trong thi cử, để ngành giáo dục lo nhé; phần mình cứ theo lời các cụ - tiền trao cháo múc". Chị chưng hửng, nhìn anh như người lạ. Thấy vẻ mặt băng giá của chị, anh hạ giọng: "Chúng không làm *phao* cho mình thì làm cho khác, cũng thế thôi." Điều này anh nói đúng. Khi gần cổng trường có thêm hai tiệm photocopy thì khách nhí đồn vào đó, quán anh ế thấy rõ.

Anh chuyển sang mở dịch vụ trò chơi điện tử. Anh bảo, trong thời đại bùng nổ thông tin, dịch vụ này ngon ăn lắm. Quả có thế, quán vừa treo biển hôm trước, hôm sau khách ùn ùn kéo tới. Chưa kịp vui, chị đã phập phồng nỗi lo khi thấy khách đến quán toàn là học sinh trường bên cạnh. Lầm cô cậu vào quán rồi ngồi luôn từ sáng tới chiều, dường như quên hết mọi sự. Có đứa đi tiểu mà chạy thành thịch như nhà cháy vì sợ gián đoạn cuộc chơi; đôi quả thì ngấu nghiến nhai bánh mì nhưng mắt vẫn không rời màn hình. Với những trường hợp đó, chị không đuổi thẳng mặt nhưng nhắc khéo "tối giờ học rồi kia."; "về đi kéo bố mẹ mong". Anh lại nhắc chị: "Đã phục vụ thì phải chiều khách." Nhưng chị làm sao yên lòng để chiều khách khi những trò ảo kia cứ như nam châm hút lấy bọn trẻ. Chị giật mình, hốt hoảng mỗi khi thấy công an đến quán di lý mấy cô cậu choai choai về đồn. Đó là những thủ phạm giựt dợc, móc túi để có tiền "cứu nét", chơi game. Chị cũng không ít lần chứng kiến những người mẹ đến quán lôi con về. Nước mắt đau khổ và ánh mắt tức giận của những người mẹ ấy khiến chị quay đi, cảm thấy như mình có lỗi. Đặt mình vào vị trí những người mẹ kia, lòng chị trào lên nỗi đau mơ hồ nhưng rất thật. Mỗi ngày mở cửa quán, chị như bị phân thân, vừa mong có khách lại vừa sợ đám học sinh kéo tới ngồi lì cả ngày.

Khi con trai chuẩn bị thi vào lớp mười, anh làm hồ sơ xin chuyển nó từ quê lên phố học. Dù anh đưa ra bao dẫn chứng về điều kiện hơn hẳn mà học sinh ở phố được hưởng so với chúng bạn ở quê thì cũng không làm chị yên lòng trước việc chuyển này. Bao cạm bẫy đang giăng mắc ra đó, lỡ dính vào thì hết đời con trẻ! Hình ảnh những thằng bé mụ mị vì game, sống sờ sờ mà cứ lơ ngơ như lạc vào cõi mê cứ ám ảnh chị, khiến chị dự cảm bao điều không hay đang lớn vờn đầu đó. Anh cười to khi biết nỗi lo của chị: "Cứ như em, học trò ở phố hư hết chắc?!" Chị không hồ đồ vợ đứa cả năm nhưng rõ ràng không yên.

Bất đồng giữa anh chị bắt đầu từ việc anh giao con trông coi quán game mỗi khi nó không đến lớp. Để con tiếp xúc với tiền sớm quá, không hay đâu! Ngược với suy nghĩ ấy của chị, anh bảo, cứ cho nó làm quen với kinh doanh để khi vào đời khỏi ngơ ngơ như gà công nghiệp. Chị không cãi anh nhưng lảng lảng để ý con từ đó. Chị nhận ra sự khác thường đầu tiên của con là những khi nó trông quán, thu nhập vơi đi thấy rõ. Thường thường vào thứ Bảy và Chủ nhật, quán



đông khách nên thu nhập tăng nhiều nhưng hôm nào giao quán cho con thì ngược lại. Chị vừa có ý thăm dò, nó đã chối leo lẻo: “Con không bớt xén tiền đâu, mẹ đừng nghi ngờ!”. Không nghi ngờ sao được khi chị cảm thấy con nói dối ngày càng trơn tru. Có những hôm đi học thêm nhưng nó không cầm vở, nghe mẹ hỏi, nó bảo cho bạn mượn vở rồi. Lắm bữa không có lịch học ở trường và học thêm nhưng nó vẫn đi, với lý do học nhóm. Chị giặt đồ, phát hiện quần áo con sặc mùi thuốc lá nhưng nó bảo: “Con không hút, do bạn ngồi gần hút nên khói thuốc ám vào”. Những ngày lên phố với chồng con, chị triển miên mất ngủ do những đêm lê thê thức canh cửa, chờ con về. Nghe chị bày tỏ nỗi lo về con, anh trấn an: “Nó vẫn đi học đều, không sao đâu”. Tiếng là đưa con lên phố để tiện kèm cặp nhưng chị thấy anh chú tâm vào làm ăn hơn là để ý tới con.

Khi thấy giám thị trường trung học bên cạnh liên tục tới quán anh lôi những học sinh trốn học chơi game lên hội đồng kỷ luật nhà trường thì khách vào quán thưa dần. Anh bảo, chắc bọn trẻ bị *hôi ổ* nên chuyển *địa bàn hoạt động*. Một lần nữa, anh đổi nghề; lần này là mở quán karaoke. Anh nhận định, khu này quán nhậu san sát nhưng chưa có chỗ vui vẻ thư giãn, khác nào buộc cuộc vui của *thượng đế* dở dang, không tới bến. Thế là anh tất bật chuẩn bị cho ra đời cái dịch vụ mà theo anh chắc chắn trúng quả.

Không chỉ là nỗi lo, ngay sau khi quán karaoke mở cửa, chị đã cảm thấy bất an. Hát hò gì mà cứ kèm theo con gái ăn mặc hở hang rồi nam nữ xoắn lấy nhau như bện dây thừng. Chị hốt hoảng mỗi khi *ca sĩ* vào quán say, quây từng bừng hoặc các bà kéo tới đánh ghen ầm ĩ. Không buông lời xa xôi như những lần trước, lần này chị thẳng thắn với anh: “Cứ thế này, chính quyền để yên cho không?” “Dịch vụ này nhà nước cho phép.” Chị vặc lại: “Người ta cho phép sự chính đáng chứ đâu cho phép sự trá hình”. Anh giật mình, đứng sững nhìn vợ. Thoáng ngạc nhiên qua nhanh, anh phơi bày sự từng

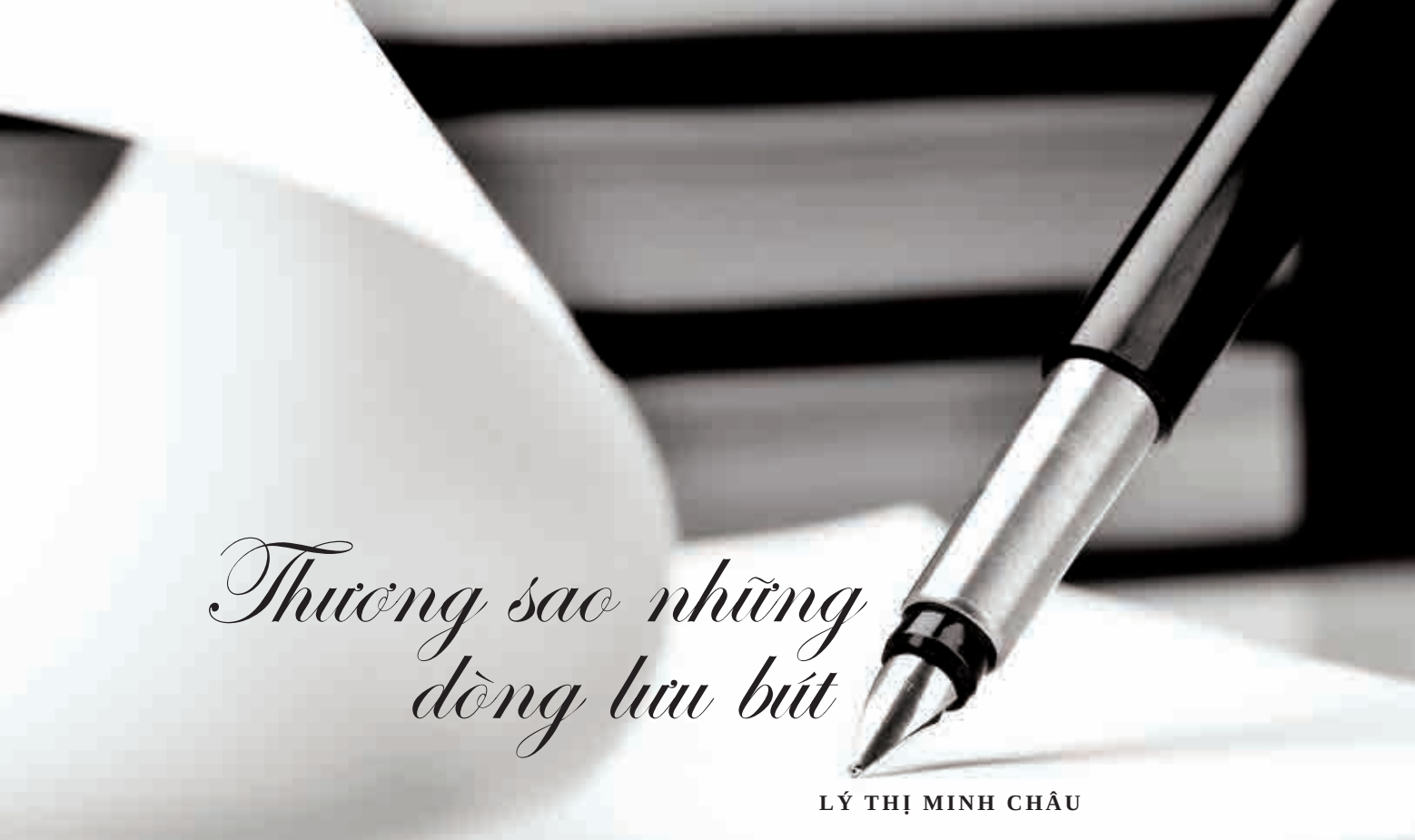
trải: “Mở quán karaoke mà không nuôi em út, có ma nó đến!?” “Thôi, cái đó tuy anh - chị bắt lực trong chua chất - Nhưng em lo những gì diễn ra ở đây sẽ làm vấy bẩn con trai”. Anh cắt ngang: “Cứ lo bò trắng răng!”.

Chị không lo sao được khi gần đây con trai đi suốt ngày, đến bữa ăn nó cũng chẳng về. Nhìn con hốc hác, chị gặng hỏi; nó chối quanh. Thằng bé bỗng kín tiếng khép lòng với bố mẹ, trừ những lúc xin tiền. Cứ ra khỏi nhà là nó tắt điện thoại, mặc mẹ ngóng trông. Những lúc không đi đâu, nó vào phòng riêng chốt cửa lại, tự biến thành kẻ xa lạ ngay trong nhà mình. Thế rồi, chị điếng người khi nhận thông báo của trường cho biết mấy ngày liền nó không đến lớp. Không đi học thì đi đâu? Chị đứng ngồi không yên với những phỏng đoán chẳng lành. Không thỏa mãn với trả lời của con, chị lảng lảng dõi theo khi nó ra khỏi nhà. Xe phân khối lớn của thằng bé vừa rồ ga đã biến mất khiến chị ngơ ngác, thua ngay từ lần đầu. Hành trình mờ ám của nó chỉ chịu dừng ở đồn công an.

Ngạc nhiên rồi bàng hoàng. Đó là tâm trạng anh chị khi được mời lên công an phường. Anh thậm chí còn lớn tiếng: “Các anh nhầm rồi!” Sự thật nhanh chóng được phơi bày - con trai anh sử dụng ma túy! Tin ấy khiến anh há hốc rồi gục xuống. Khuôn mặt thất thần của anh dùm dỏ, hằn lên nỗi đau hiển hiện. Anh như kẻ trúng độc, khi vật vờ kêu la, lúc ù xù như tàu lá héo. Giọng rên rĩ của anh nhòe trong nước mắt: “Chỉ tại tôi, tại tôi!”. Suốt mấy ngày liền anh chẳng làm gì, chỉ ngồi bất động, thờ dài.

Sau khi bảo lãnh cho con về đi học, anh đóng luôn cửa quán karaoke, dồn thời gian chăm sóc con; nói trắng ra là đưa đón nó đi học để tiện quản lý. Suốt cả tháng liền, không thấy anh đã động chuyện làm ăn, chị nhắc “phải kiếm việc làm chứ”. Anh thận trọng: “Từ từ để anh tính - nghĩ một lát rồi anh bảo - Khu này đang xây nhiều trường đại học, anh định làm nhà cho sinh viên thuê. Việc này thu nhập thấp nhưng nó lành, em ạ”.

Chữ “lành” của anh cho chị yên lòng. ■



Thương sao những dòng lưu bút

LÝ THỊ MINH CHÂU

Tháng Sáu, học trò cuối cấp miệt mài soi kính nấu sử chờ ngày ứng thí cũng là lúc xúc cảm của họ dâng trào. Bằng khuâng nghĩ đến lúc xa trường, xa thầy cô, bè bạn và những gốc phượng xù xì với những cái tên thân thuộc mà đau. Trang lưu bút lòe nhòe nước mắt nhưng có một sức sống diệu kỳ luôn giữ cho kỷ niệm mãi không phai mờ.

Tuổi học trò có rất nhiều ước mơ, khát vọng và những tình cảm không tên nên những dòng lưu bút của họ cũng đầy ắp nỗi niềm.

Mượn câu thơ tình tài hoa của Xuân Diệu để thay cho lời muốn nói: “Yêu là chết ở trong lòng một ít, vì mấy khi yêu mà chắc được yêu” là khi ta yêu mà không được người yêu lại nên nhớ thương làm lòng ta khô héo dẫn đến cái “chết ở trong lòng” thì cũng nên “chết” in ít thôi. Ví như cây gặp hạn hán, một vài cành nhánh hấp hối xa đời nhưng khi gặp cơn mưa rào thì lập tức hồi sinh, giống như khi ta gặp được tình yêu mới tình yêu sẽ nhanh chóng thăng hoa và hình bóng cũ sẽ dần phai mờ.

“Làm sao sống được mà không yêu, không nhớ không thương một người nào” thì có lẽ trường học mới là nơi dễ sinh tình nhất đâu nó không hề rộng lớn như trường đời. “Thư thì mỏng như suốt đời mộng ảo, tình thì buồn như tất cả chia ly, giấy phong kỷ mang thắm trong túi áo, mãi trăm lần viết lại mới đưa đi” thì chỉ có học trò mới làm như thế bởi ngây ngô, thẹn thùng.

Bây giờ tôi mới hiểu những dòng lưu bút là sợi dây vô hình buộc tuổi thơ chúng tôi lại với nhau. Ở đó có rất nhiều kỷ niệm vui buồn, có tiếng cười lẫn nước mắt.

Trang giấy dẫu đã nhàu nhĩ màu thời gian nhưng kỷ niệm vẫn hoài tươi mới. Mỗi nét chữ là một cuộc đời. Bao nhiêu nét chữ là bấy nhiêu yêu thương, là bấy nhiêu nỗi niềm.

Không có chữ viết xấu cho một cuộc đời rất đẹp, cũng như không có những ý nghĩ tồi trên một khuôn mặt thanh tú như rằm trăng.

Tuổi học trò nào cũng đáng yêu nhưng khi trưởng thành thì không như thế. Đứa chót vót trên đỉnh danh lợi chẳng mấy khi nhớ về thời vất vả, gian lao. Đứa long đong tảo tần cơm áo thì mặc cảm tự ti, an phận sau góc khuất cuộc đời nên thành người của muôn năm cũ.

Ngày ấy, chúng tôi làm gì có điện thoại để thích thì tha hồ hàn huyên tâm sự như học trò bây giờ, nên khi bạn bè mỗi người một ngã, ở đâu, làm gì, nghèo hay giàu, hạnh phúc hay đau khổ thì cũng chỉ người ấy biết. Nhớ nhau lật trang lưu bút ngày xưa để thương nhớ dâng trào. Muốn gặp bạn bè lắm nhưng chẳng biết làm sao được, khi có miếng ngon thì chén tạc chén thù cũng chỉ với vài ba người hàng xóm mà đôi khi tối lửa tắt đèn cũng khó có nhau.

Cảm ơn những dòng lưu bút của thời học trò giúp tôi tìm gặp những kỷ niệm dễ thương ngày nào. Giúp tôi nhớ lại thầy cô, nhớ lại những tà áo dài lấm lem bụi đất, nhớ phấn trắng bảng đen và những con số đích dắc lo âu.

Cảm ơn đất nước và mẹ cha đã cho tôi cuộc đời, nhà trường đã cho tôi kiến thức và những trang lưu bút của bạn bè luôn nhắc nhở tôi sống hồn nhiên, trung thực để không hổ thẹn với ông cha đã vì nước non này anh dũng hy sinh. ■



Phác thảo một buồn xưa

THIÊN THAI

1 Tôi dẫn xe tới cửa, dòm vô thấy Sáu Bá đang nằm coi sách. Tôi biết liền đó là sách gì. Cả đời ông chỉ đọc có hai bộ truyện là *Thủy hử* và *Tam quốc chí*. Cứ đọc hết bộ này lại trở qua bộ kia. Nếu không có cây đèn hai dây mà lâu lâu ông dạo qua vài tiếng, giữa đêm khuya nghe náo ruột, thì tôi nghĩ ông già này khủng!

Cái tiếng đèn rầu rầu ghê gớm đó, có lần tôi hỏi chú Sáu đèn bài chi mà nghe buồn tận mạng? Ông dòm vô gốc cây mai kiểng chớ không nhìn tôi, trả lời:

- Nam ai mầy. Mà mầy con nít, không biết đèn, thì hỏi chi!

Thiệt tôi không biết đèn, không biết một nốt nhạc. Nhưng con Năm nó biết.

Nó tên Phương, con Sáu Bá; cũng gọi con Út. Nó biết đèn ca.

Sáu Bá là dân "tài tử", có bạn bè nhiều, ưa tụ tập ăn nhậu hát hò. Những lúc đó, con Năm được cha nó kêu ra "xướng họa" góp vui.

Hồi thuở ấy, tôi đang là một đứa học sinh trung học, không biết bất cứ một môn văn nghệ nào cả. Vậy mà nghe tiếng đèn, tiếng Năm ca, tôi tự nhủ mai này mình phải đi theo gánh hát. Tôi nghĩ tới ông già đầu trọc lóc, ốm nhom là kếp chánh của cái đoàn hát bộ căng rập mần mùa tại đình ông Hồ. Ông này ban đêm làm vua, ban ngày bán rau cải ngay mặt tiền chợ Lò Đức.

Tôi vừa dựng xe, bước vô thì nghe con Năm trở mình, kêu cái hự. Sáu Bá xua tay nói tôi, mầy ra ngoài kiếm chỗ nào đứng chơi, để tao coi nó muốn gì.

Căn nhà Sáu Bá thuê trọ, nhỏ như cái hang chồn, nằm sâu hút trong một con hẻm sinh lầy. Từ ngày con Năm bị tai nạn xe, chấn thương sọ não và cột sống, phải nằm một chỗ, cuộc đời Sáu Bá cũng xuống cấp luôn. Bây giờ tiền bạc không có, bạn bè lặn đâu mất hết, hai cha con đưa nhau vô cái vũng sinh này tạm trú - để, như Sáu Bá nói: "nằm đây chờ chết!"

Sáu Bá là tay đèn ca tài tử nổi danh từ quê xứ Bạc Liêu lên tới Sài Gòn. Mấy chục năm không làm gì, chỉ đi tới đi lui chơi bởi ca cẩm nhưng nhờ có ngón đèn "độc nghệ" mà được mọi người tán thưởng đón đưa, cung phụng.

Rồi cũng bởi cái tật giang hồ lãng mạn đó mà Sáu Bá

có tới năm sáu bà vợ, còn lại mèo mỡ ra vô nữa không kể. Ông cứ rong chơi đây đó và xoay tua ở nhà bà này bà kia... Nội nhiều đó cũng đủ nuôi ông ầm ừ, năm này qua tháng khác.

Song số trời đã định. Sáu Bá nói. Bà ở Phong Điền cho tao con Phương tài hoa đẹp đẽ, nhưng cuối đời nó "phụ" tao. Trời quả báo! Tao nhiều vợ nhiều con mà không lo cho ai hết... Tội tao lớn lắm!

Hút hết thuốc, tôi quay vô nhà hỏi Sáu Bá: "Có gì hôn?". Ông đáp trong tiếng nghẹn:

- Nó thấy mầy vô, nó khóc! Nó biểu con thấy anh Hai mà con nhớ hồi xưa quá!

Tôi bước cận giường, cầm tay Phương nói:

- Em đừng suy nghĩ chi nữa, Năm à. Kiếp người có số cả. Lâu lâu anh lui tới thăm em...

Nó khóc!..

Tôi kêu Sáu Bá ra ngoài bờ mương, chỗ cây trứng cá, đứng hút thuốc. Ông nói với tôi:

- Nè mầy; con Út nó thương mầy lắm đó.

Tôi nói chú Sáu ơi; biết sao giờ! Mọi chuyện dở dang hết! Nói thiệt chú Sáu nghe, hồi đó tôi cũng thương em Phương...

Sáu Bá nói ừ; tao biết.

* * *

2 Mới hồi trưa này, Sáu Bá gọi cho tôi, nói mày có rảnh ghé qua tao chút. Tôi hỏi có gì không, chú Sáu? Lóng rày lo công chuyện nhiều quá, tôi chưa sắp xếp đi thăm chú với em Năm.

Đầu dây bên kia, tôi nghe tiếng thở dài, kèm một tiếng nấc cụt. Hình như Sáu Bá đang khóc.

- Út nó chết rồi mầy! Đi hồi sớm nay!

Tới phiên bên này tôi khóc.

Tôi nói trong nỗi đau buồn thẳng thốt:

- Chú Sáu ơi! Chú đèn dùm tôi một bản Nam ai với, nhíp nào buồn hơn hết thấy từ trước tới giờ nghen.

Tôi còn nhớ ngày xưa, lúc em chừng mười hai mười ba tuổi, chú ưa kêu em ca bài *Tương biệt hành*. Em ca bài này hay quá. Giọng ca em trong trẻo, mượt mà...

Bữa nào chú chép lời bài đó cho tôi. Nhưng tiếc rằng tôi không biết đèn, biết ca. Cái điệu Nam ai, Nam xuân mà ngày xưa chú nói, nó là sao nhĩ!... ■



Nắng gió quê nhà

NGUYỄN BỘI NHÊN

Cả căn qua khoảnh khắc này nữa thôi, đêm sẽ đến. Trong bóng hoàng hôn đang rút ngập thành phố, xuyên qua những âm thanh ồn ào không ngớt là một giai điệu dịu dặt về một làng quê thanh bình nào đó. Tôi lặng người trong nỗi bồi hồi bất tuyệt: Hình như đã bắt đầu mùa gió Lào nóng bỏng ở quê mình.

“Quê hương tôi ai cũng có một dòng sông bên nhà”- tôi lại nhớ quê nhà nhiều quá. Nhớ con đường ngày trước đến trường đầy bụi đỏ mà tôi và Thy vẫn đi qua. Nhớ ngôi làng nhỏ bé của tôi nằm cạnh dòng sông bên lở bên bồi với những hàng phi lao thẳng tắp, những trảng cát trắng tinh và đồng lúa bạt ngàn xanh. Bao giờ trong tim tôi cũng tràn ngập hình ảnh miền quê thuần phác, đôn hậu và yên tĩnh có tiếng cu gù từng hồi hòa lẫn với tiếng sóng vỗ về của dòng sông đã tạo thành một âm thanh kỳ diệu, làm nên vần điệu của nỗi nhớ niềm thương. Đã bao lần tôi mơ thấy mình được trở về nơi ấy, cùng Thy sánh bước trên con đường đầy bụi, nhìn cánh cò chao nghiêng rồi mất hút ở chân trời. Tôi vẫn thường mơ thấy mình đang quanh quẩn bên các bức tường Thành cổ, lắng nghe tiếng của những bông cỏ lau muôn đời vẫn trắng, và lang thang bên bờ sông Thạch Hãn trong những buổi chiều có cơn gió mang hơi thở nồng nàn của đất trời Quảng Trị.

Buổi sáng thức dậy trong ngôi nhà ấm sáng của mẹ^(*), tôi đã thấy tràn vào mắt mình bầu trời trong vắt rực rỡ muôn vàn tia nắng. Nằm yên trọn một phút để nghe những bước chân tâm hồn của mẹ, tôi hiểu ra điều gì làm nên sự yêu thương đôn hậu, ấm áp và chân tình của cuộc đời. Trên những triển đồi ven sông uốn khúc qua làng cho đến trọn đời đã bắt đầu nở rất nhiều hoa mua tím, hoa

đồng nội, những bông hoa vẫn thường hiện bóng trong ký ức tôi cùng bóng dáng của những con người cặm cụi làm việc trong con nước ròng và gió thổi miên man. Ngồi trong gian bếp của mẹ, ăn món cá đồng kho nghệ, tôi ngửi thấy mùi thơm ngai ngái sức nức mùi trời lẫn bùn đất. Trong bao nhiêu là nắng gió, các em nhỏ tung tăng trên con đường đến trường ngoài kia, và tôi chợt hiểu ra rằng trong thâm tâm tôi nhớ thương Thy nhiều lắm. Tôi nhớ mãi lần đầu tiên tôi đi bên Thy xinh đẹp và thanh tân trong một ngày mới sang mùa hồn nhiên và nhẹ tênh, lòng bồi hồi rạo rực xen lẫn một chút xao xuyến lo âu.

Sẽ một chút mình để lại nơi góc vườn cha trồng ngày trước, theo ân huệ của con đường làng mềm mại chạy về phía dòng sông đang vọng lại tiếng mái chèo vỗ nước và tiếng cười đùa lẫn ngợp của đám trẻ con trong làng, tôi nhìn ngắm những điều đang diễn ra xung quanh, cảm nhận sự bát ngát, trang nghiêm và nhẫn nại của cả cánh đồng. Những tiếng kêu cọt kẹt của những chiếc xe bò chở lúa vang lên trong ánh nắng chói lọi cả khung trời. Bất chợt, tôi lại thấy những ngón tay thon thả, mềm mại và rám nắng của Thy vẫn thường gợi lên trong tôi hình ảnh của cánh đồng lúa vàng óng dưới bầu trời làng quê trong vắt và những nếp sóng màu lam của dòng sông quê đang lan đến tận chân trời.

Vẫn như một đôi môi quen thuộc, nắng và gió mơn trớn từng mảnh vườn, thửa ruộng cho đến khi ngày tắt. Mặt trời rơi vào đất. Gió làm vơi dần những giọt mồ hôi long lanh trên gương mặt của cô thôn nữ đưa lúa về trên lối xóm đang tươi cười gánh cả một hoàng hôn. ■

Mẹ^(*): Tiếng gọi mẹ ở Quảng Trị

Âm vọng tháng tư

TRƯỜNG KHÁNH

Những vòng quay của thời gian,
 Từng sát na rảo bước.
 Ngày lại, đêm qua, thánh thót thoi đưa.
 Tháng Tư về -, khoan nhặt, nhặt thưa,
 Thời điểm tròn trăng cũng vừa hiện hữu,
 Ôi Vesak! Công đức lâm thành tựu.
 Quá đổi hân hoan, quá đổi nhân từ.
 Mang lại cho đời, nguồn sáng vô dư,
 Nam mô Thích ca Mâu Ni - tháng Tư thánh thiện.
 Đem ánh từ quang miên viễn cho đời
 Âm vọng Người về, từng bước thanh thoi.
 Mát cả góc trời phương Đông dịu ngọt,
 Tháng Tư qua rồi, muôn chim vẫn hót,
 Lời ca nhân từ xanh mượt trần gian,
 Cội Vô ưu nở hoa ngàn,
 Đản sinh - nhân loại thêm trang sử hồng.
 Suối nguồn pháp nhũ sắc không,
 Đưa tâm an trú trong vòng Phật quang.
 Lâm tỳ ny thăm Đạo vàng.
 Sáng soi vạn thế, bạt ngàn lời kinh.
 Nguyện cầu khắp cõi nhơn sinh,
 Đem tâm thấp đức tự mình mà đi.
 Nam mô Thích Ca Mâu Ni
 Ân Người phủ khắp núi Hy, sông Hằng,
 Tháng Tư - tình Đạo chứa chan
 Vẫn còn âm vọng bạt ngàn lời kinh.

Tiếng mưa

TRÀ KIM LONG

Tôi ngồi ôn lại chuyện xưa
 Đêm buồn có cả tiếng mưa vào mùa
 Đời không bán cũng không mua
 Khư khư giữ lấy điều thua thiệt hoài.

Tuổi xuân sớm đã lạc loài
 Đến bây giờ vẫn vui ngoài buồn trong
 Cả đời lận đận long đong
 Ngửa bàn tay trắng vẫn không được gì.

Một thời quá khứ qua đi
 Còn nguyên cả khối đen sì đuổi theo
 Bước chân từng bước gieo neo
 Tưởng chừng như đá nặng đeo vào người.

Tôi nhìn tôi cả tiếng cười
 Đã quen chịu đựng nên lười thở than
 Tiếng buồn mưa vẫn chưa tan
 Tôi ôm âm vọng hòa chan vào lòng.

Ngõ đạo suối hoa thôn

TRẦN THOẠI NGUYỄN

Góc núi cửa thiền sương trắng tỏa
 Chim kêu lều cỏ suối hoa thôn.
 Thơ thần chiều vàng chơi ngõ đạo,
 Lòng như ngọn gió thoảng đầu non.

Xuân trắng
 Chén xuân chưa uống cạn,
 Hoa đầu rụng cánh mai.
 Lặng nhìn sân thiền quán,
 Xuân trắng cảnh Như Lai.

Chùa Linh Ứng
 Mẫu nhiệm là đây Bà Nà Bãi Bụt,
 Tượng Quan Âm lừng sáng ánh hào quang.
 Chùa Linh Ứng khói trầm hương nghi ngút,
 Hoa lòng thơm thiện nguyện tỏa sông Hàn.

Trở về

LÊ HUỖNH LÂM

Tôi trở về khu vườn màu điệp lục
Có mùi hương của sợi tóc núi đồi bay lên trong khoảng chiều trí tưởng
Tiếng mõ gõ vào u minh đánh thức mùa lá
Hạt kính đỏ đọng trên cánh hoa nhài trắng
Bàn tay gầy dằng tặng người con gái
Bên bên sông trò chuyện với tâm lòng

Tôi trở về trước sự câm lặng của bờ môi
Có vị sự già tịnh khẩu từng bước gió
Và khước từ từng hơi thở ra vào
Trả tự do cho buồng phổi nhỏ
Khước từ cả nhịp đập lặng lẽ của trái tim
Cho dòng máu yên nghỉ nơi ngôi đền vĩnh cửu
Khước từ luân từng niệm tưởng khởi lên
Cho mặt tâm không còn xao động
Và khước từ không khước từ
Tôi trở về ngắm nhìn dòng sông
Làm lễ rước cho em bằng thuyền hoa hàm tiếu
Giữa buổi chiều gió chướng
Và lá dập dềnh như cánh bướm
Trong hồi quang của phiến đá nâu lặng lẽ giữa giếng trời

Những ngón tay người đàn bà lần tràng hạt
Như lần tìm viên ngọc mani đã thất lạc suốt mùa đêm
Giấc mơ xanh mềm theo con nước
Dắt từng bước chân về phía quê nhà

Tôi trở về trong ngôi đền trống rỗng
Ngọn tâm lập soi từng niệm tưởng
Khởi sinh tận diệt miền triển khởi sinh.

Cảm nghĩ

TRƯƠNG QUÂN

Có nghe hơi gió thở than
Mới hay lắm lúc không gian cũng buồn
Có nhìn giọt lệ sầu tuôn
Mới hay nhân thế đượm nguồn thương đau.

Xưa xanh tóc – nay bạc đầu
Thời gian mà cũng thay màu nữa sao?
Bước đi chập chững ngày nào
Giờ đây chập chững đi vào hư vô.

Con thuyền định mệnh nhấp nhô
Đâu bờ dĩ vãng đâu bờ tương lai
Biết hồng hiện hữu tàn phai
Duy còn vàng tím ai hoài xuân thu.

Giải thoát môn

NGUYỄN MẠNH QUỲ

Hãy ở lại đây vài hôm
khi mặt trời vừa lên
và thêm ánh sáng một ngày cô độc
Hãy ở lại đây,
bên kia lưng chừng dốc
của bên nớ-bên ni
Hãy để lại đây,
giọt lệ lâm nguy của chàng kẻ sỹ
kẻ ngu si-nặng nhẹ hai đầu văn hóa Đông-Tây.

Sáng nay đây,
dưới gốc già Sala
Mẹ Maha thêm một lần đau đẻ nữa
Có hàng ức vạn chàng và nàng chur từ
ra đi kỳ sử
tác thành nghiệp báo
sinh tử trên đầu, sau trước vô thủy vô chung.

Hãy để lại đây
khi mê lắm đã tuyệt
khi mặt trời còn chênh
và chàng kẻ sỹ
đã gác kiếm xuyên mây.

Thân là hạt bụi

TÀN HOÀI DẠ VŨ

Thân ta hạt bụi trên đường
Lỡ vay ngọn gió, nợ phương trời về
Bao giờ đi hết cơn mê
Lòng riêng có sạch bốn bề sắc không?
Hỏi trắng từ buổi đoạn trường
Gửi thân vào chốn phố phường thực hư?
Hỏi người sông lạnh mùa thu
Câu duyên liệu có nổi từ bể dâu?
Chiều nay gió thổi ngang đầu
Thân là hạt bụi đã sâu ngàn năm.

Giọt nước hồi sinh

ELENA PUCILLO TRUONG
TRƯƠNG VĂN DÂN dịch

Hơi nóng khô khốc chắn ngang cuống họng làm tôi ngạt thở.

Không một chút gió! Chỉ có những làn hơi nóng liên tục bốc lên từ mặt đường nhựa đang sôi. Cái nhìn của tôi mờ nhạt, mọi thứ nhòe đi như thể mọi vật đã mất đường viền cố định: những căn nhà, những chiếc xe hơi... nhạt nhòa.

Mặt trời từ phía trên đỉnh đầu đang phóng lửa vào tôi, không thương tiếc.

Tôi cố lết, tựa đầu vào khuỷu tay, rồi vai, sau đó dùng khuỷu tay và chiếc vai bên kia để lấy sức trườn tới... cố bò đến bóng mát dưới chân tòa nhà cách xa chừng hơn trăm mét.

Tôi có cảm giác mình là con cá đang bơi trong đại dương nhựa đường nóng bỏng. Một con cá mắc cạn, đang vùng vẫy cố tìm đường lao ra vũng nước... Tôi muốn được thở và uống một ngụm nước nhưng đôi môi khô cháy chỉ có thể hứng được những giọt mồ hôi mặn như nước biển đang nhều xuống từ khuôn mặt lem lấm bụi đường... trong lúc bụi, khói cùng hơi nóng cứ bám dính vào người tôi qua manh áo mỏng đã sờn...

Hay tôi là một nhân ngư, có đôi chân vô ích như chiếc đuôi của một nàng tiên cá xinh đẹp nhưng bất lực vì có lẽ không bao giờ có thể đến được bóng mát để có được một chút bình an.

Một cơn nghẹn làm hơi thở của tôi như đứt đoạn và một cơn đau nhói đang tràn lên lồng ngực.

Tôi nấc lên liên tục, hổn hển thở... như thể trong trái tim có con ngựa đang vùng chạy. Rồi giật mình thức giấc.

Tôi khó nhọc mở mắt... và chưa biết mình đang ở đâu.

Một mái tóc đen mềm như những sợi tơ đen phủ xòa trên chiếc gối nằm bên cạnh và một chiếc mền mỏng đắp hờ lên một bờ vai tròn. Đó là những thứ đầu tiên mà tôi nhìn thấy. Tuy cái nhìn hãy còn mơ hồ nhưng sau đó nó cho tôi sự yên tâm vì tất cả những điều nhìn thấy chính là điều tối cần và mơ ước, giống như một mảnh ván cho kẻ bị đắm tàu, đang chới với tìm một cái gì để bám.

Tôi cố tựa vào hai cùi chỏ để đứng lên và nhìn thấy căn phòng đang từ từ tỏa sáng. Bình minh đã đến và

những tia sáng đang xuyên qua bức màn và cơn ác mộng thường xuyên của tôi cũng bắt đầu biến mất. Tất cả những vật dụng, tủ bàn... như đã rõ nét, quen thuộc và tôi cũng bắt đầu tỉnh táo hơn.

* * *

Trong lúc em vẫn còn đang an giấc, anh với tay vuốt ve em. Anh vuốt thật nhẹ nhàng, không làm em thức giấc. Bao nhiêu tình yêu đang nở rộ trong trái tim anh. Và bao nhiêu bình yên và an lạc từ sự gần gũi của em mang đến.

Ngay cả ngàn lần câu nói “*anh yêu em*” cũng không đủ để diễn tả cho em hiểu sự sâu thẳm mà anh đang cảm nhận. Vì với người yêu thương chân thật, ngôn ngữ và cử chỉ có khi cũng trở nên vô ích. Anh chỉ cần nụ cười của mình luôn gặp được đôi môi em hé mở, ánh mắt của anh luôn bắt gặp tình cảm sâu thẳm trong cái nhìn của em. Và khi anh ôm em, ghì siết em thật mạnh, gần như để thân thể và trái tim của hai mình hòa lẫn vào nhau.

Tuy không muốn nhưng anh đã vô tình làm em thức giấc, và có lẽ em vừa trực giác hiểu những ý nghĩ trong đầu anh nên đã nhìn anh như nhìn một đứa bé với nụ cười thật ngọt ngào; bằng cách ấy em đã xóa đi dấu vết kinh hãi cuối cùng của cơn ác mộng vừa qua.

Anh là cái gì, trước khi gặp em? Là một thằng khốn khổ, lang thang lếch thếch kéo lê thân xác mình trên đường phố, ngửa tay đón nhận đồng tiền bố thí của mọi người để có thể sinh tồn. Anh đã bán từng tấm vé số nhưng tiền bán được quá ít... và dần dà anh đành phải chấp nhận những tờ bạc cũ, những mẩu bánh mì mà vài khách bộ hành đã thả cho anh, ngấu nghiến ăn trong nước mắt, nuốt luôn những mảnh vụn của lòng tự cao vô tích sự.

Anh đã làm gì để đời mình phải đến nông nỗi này! Anh không còn đường sống, nhưng cũng tự nguyện rửa mình, vì vẫn còn muốn bám vào cuộc đời này.

Nhờ những đồng tiền bố thí mà anh kéo dài kiếp sống nhưng nó cũng giúp anh hiểu rằng sự hờ hững và lạnh nhạt của người đời có thể làm mình buồn tủi ra sao! Loài người lạ lẫm! Có người đưa vội cho anh tờ giấy bạc nhàu nát, hấp tấp như muốn xua anh ra khỏi

tầm nhìn của họ; người khác thì nhìn anh với ánh mắt thương hại rồi thả cho anh tờ bạc như để tự trấn an mình hơn là vì từ tâm. Rất ít người cho tiền mà mỉm cười, phần lớn là vội quay đầu về hướng khác, như thể họ đang giập mạnh cánh cửa vào mặt anh.

Anh cảm thấy như mình đang bị xử tội, mà không biết mình bị tội gì. Vô lý. Nhưng quả thực là anh đã cảm thấy thế.

Không biết có khi nào trong đầu của những người khách ấy có lóe lên ý nghĩ là họ sẽ làm gì nếu gặp phải tình trạng như anh? Có dễ gì đâu! Chỉ cần một giây là cuộc đời thay đổi... và không còn gì là đời nữa.

* * *

Tôi nhớ đến từng giây phút của buổi tối ba năm về trước và cảm thấy ngạt thở. Tôi đang lái xe máy chạy trên đường sau một buổi tối gặp mặt bạn bè. Đêm đó thật vui và giữa những trận cười và đùa nghịch, chúng tôi còn hẹn gặp nhau ăn điểm tâm vào sáng hôm sau, ở nơi thường gặp.

Nhưng sáng hôm đó tôi không thể đi đến nơi hẹn. Tôi cũng đã không về đến nhà. Một chiếc xe hơi, thật lớn, từ màn đêm lao ra với tốc độ kinh hoàng, nó đột ngột húc vào vai và làm sống lưng tôi giập nát. Tôi biến thành một hình nộm tung lên cao, một thân hình bị gãy thành hai khúc và một cuộc đời bị hủy hoại trong phút chốc.

Chiếc xe hơi chẳng

những đã không dừng lại mà nó còn tăng tốc, nhanh chóng lao đi, rồi biến mất trong bóng đêm.

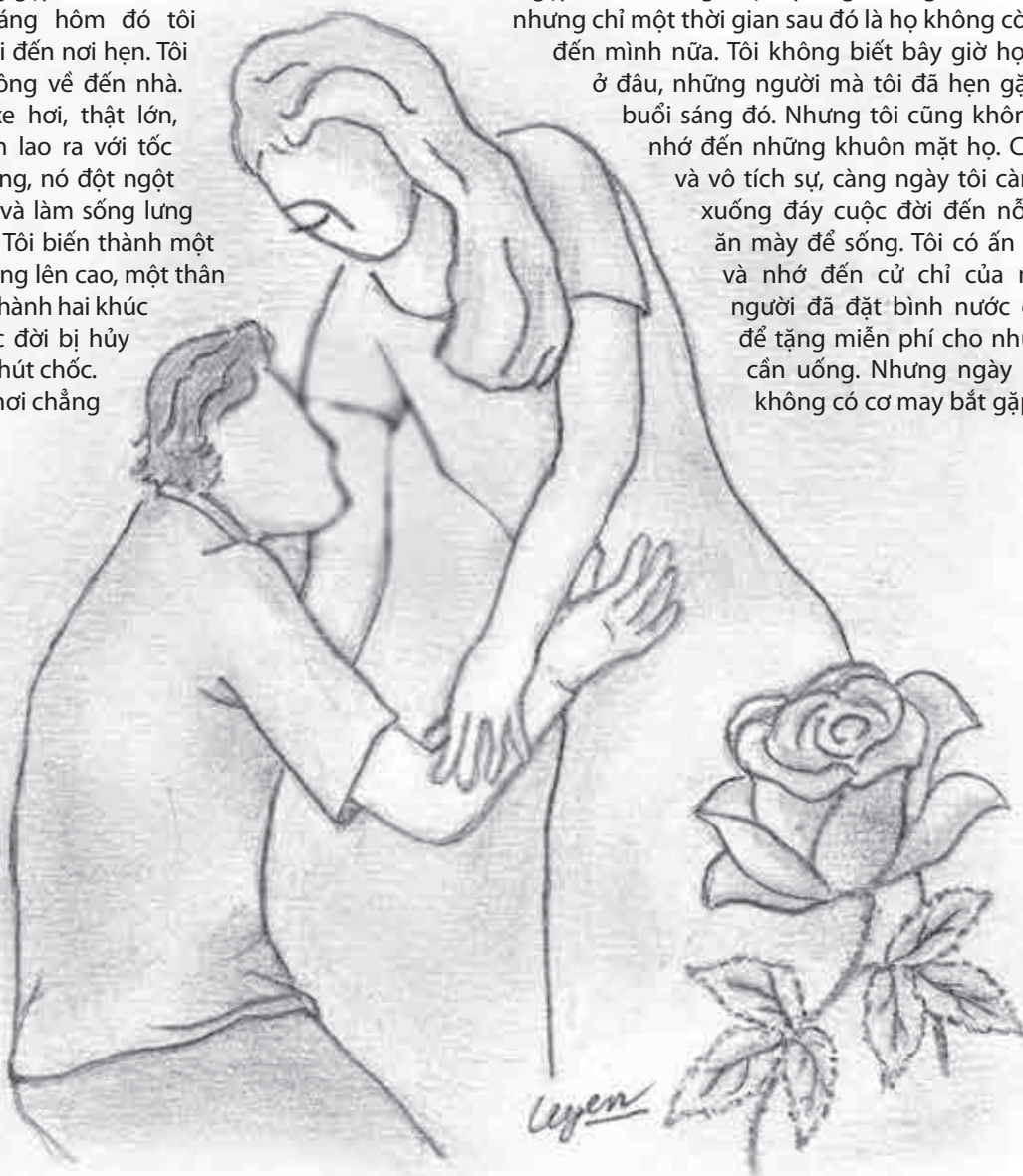
Tôi không biết mình nằm bất động bao nhiêu lâu trên đường phố. Tôi chỉ nhớ mang máng vì chỉ có sự đau đớn đã làm bạn với tôi trong chừng ấy thời gian.

Tôi không còn cha mẹ, chẳng có anh em. Trước đây đã cô đơn mà bây giờ lại càng cô độc. Sau bệnh viện còn có nhiều việc khác phải làm. Trước đây tôi cũng có một người bạn gái mà lúc này tôi có thể mang lại cho cô ta được gì... còn sự thương hại của cô chỉ làm tôi khó chịu... Cả hai chúng tôi cùng hiểu rõ điều ấy và thế là một buổi sáng tôi không còn nhìn thấy cô nữa...

Rồi dần dần, tất cả đều như hóa ra tro bụi, mất việc, mất nhà, mất bạn...

À, những người bạn! Họ cũng biến mất! Tôi nhận ra rằng những kẻ mà trước đây tôi gọi là bạn chỉ là những kẻ để ngồi bên nhau cười đùa một cách ngu xuẩn chứ không phải để khóc cùng nhau. Những kẻ xa lạ tình cờ gặp nhau trong một quãng thời gian trong đời nhưng chỉ một thời gian sau đó là họ không còn nhớ đến mình nữa. Tôi không biết bây giờ họ đang

ở đâu, những người mà tôi đã hẹn gặp vào buổi sáng đó. Nhưng tôi cũng không cần nhớ đến những khuôn mặt họ. Cô đơn và vô tích sự, càng ngày tôi càng lặn xuống đáy cuộc đời đến nỗi phải ăn mày để sống. Tôi có ấn tượng và nhớ đến cử chỉ của những người đã đặt bình nước có vòi để tặng miễn phí cho những ai cần uống. Nhưng ngày đó tôi không có cơ may bắt gặp bình



nước đó. Có lẽ định mệnh đã muốn cho tôi một cơ hội bất ngờ khác, được gặp em.

* * *

Rất nhiều thời gian đã trôi qua và bây giờ anh đang ở đây, trong căn phòng ấm cúng này, như trong một thế giới khác, và dù chân không còn nhưng em đã giúp anh bay cao. Bay lên cao để sống lại, để cảm ơn em và định mệnh đã từ tâm đến không ngờ.

Cơn ác mộng quái ác hằng đêm của anh, chính là cuộc đời trước đây, lúc chưa gặp em, chưa được yêu em. Trong lúc anh đang vùng vẫy để tìm một ngụm nước, lê lét trên lớp nhựa đường nóng bỏng thì nhìn thấy ánh mắt của em, một tia nhìn màu xanh sâu thẳm như đại dương và sau đó là khoảng trống của hư vô. Hình ảnh cuối cùng trước khi ngất xỉu.

Khi anh mở mắt ra, ở bệnh viện, thì có cả em, tia nhìn màu xanh nước biển của em và mái tóc đen thật dài. Đó là những điều đầu tiên mà anh nhìn thấy, và hầu như chưa nhận ra em nhưng anh đã cảm thấy là mình đang ở trong một thế giới mềm mại như bông, được nằm buông mình trên một tấm nệm dày và không còn cái cảm giác khô khốc trong cổ họng. Sau đó cần có thời gian để giải thích. Lúc đó em đang chạy xe máy, để tìm thuê nhà trong vùng đó. Ba của em là người Ý, thuộc vùng Toscana và vì thế nên em có màu mắt như

màu xanh nước biển, còn mái tóc dài và thân hình thon nhỏ là từ người mẹ gốc Á châu. Em là một y tá đang cộng tác với một nhóm chuyên gia để mang lại nụ cười cho những đứa bé bị dị tật môi và hàm ếch* một cái tên thật khó nhớ nhưng chính là căn bệnh di truyền đã để lại hậu quả rất xấu cho các em bé bất hạnh, ảnh hưởng nhiều đến tương lai của chúng. Em và các bác sĩ đã đi khắp nơi trên thế giới để mang lại nụ cười và hy vọng. Lúc đó em đã mất thời gian cho việc tìm địa chỉ căn nhà... và em đã dừng lại ngay lúc anh đang ngất xỉu.

... Bao nhiêu mệt nhọc, bao nhiêu cố gắng... và giờ đây, sau một năm anh

đã biến thành một con người khác, có em bên cạnh, trước, ngập ngừng e ngại, mà sau quyết liệt để giúp anh vượt qua tất cả những hổ nghi.

Anh bước vào đời em hoàn toàn tình cờ, thế nhưng em cương quyết giữ lấy anh. Em đã giúp cho anh thở, giúp anh giải phẫu, em đã chăm sóc và giúp đỡ anh, em đã tranh luận rất nhiều lần để anh có thể sống lại cuộc đời. Để cảm thấy mình hoàn toàn bình thường ngay cả việc thiếu đôi chân. Để được là anh. Và để được yêu em bằng tất cả tấm lòng, toàn tâm, toàn trí.

Giờ thì anh sống, và làm việc, có thể sử dụng tất cả kiến thức và kinh nghiệm về tin học như trước ngày xảy ra tai nạn. Anh cứ tưởng là mình sẽ không bao giờ làm được. Thế nhưng thời gian đã giúp anh, mỗi ngày là một khám phá mới, những kỹ thuật tân kỳ được phát minh và biết đâu, một ngày kia anh cũng có thể đi lại bình thường.

Ừ, ... đi lại... đá một phát vào trái banh, dạo chơi, lên, xuống. Không, có lẽ đó là đòi hỏi quá đáng, như thế này là anh đã hạnh phúc lắm rồi!

Anh đang sống trong một hiện thực đẹp như mơ và mỗi buổi sáng được thức dậy bên em, vuốt ve em để biết chắc là em hiện hữu, *em, là trái tim của trái tim anh*. Em, người đang mang lại cho anh nụ cười và hy vọng.

À, em đã thức giấc rồi! Một nụ cười để làm anh yên tâm, như thể em biết những điều anh vừa nghĩ, như thể những ý nghĩ của anh cũng chính là ý nghĩ của em. Mỗi ngày em tặng cho anh một nụ cười và thế là ác mộng biến mất. Để bắt đầu một ngày mới. Cuộc đời mới của anh. ■

Chú thích:

*. La laparoschisi o labbro leporino (dị tật môi và hàm ếch) là một căn bệnh di truyền và các bác sĩ Ý thuộc tổ chức từ thiện Fondazione Operation Smile Italia Onlus thường đi khắp nơi trên thế giới giúp phẫu thuật miễn phí cho các trẻ em bị dị tật này để các em lấy lại nụ cười, sự tự tin và hy vọng về một tương lai tươi sáng hơn.

Nguyên tác: *La goccia d'acqua della rinascita*

A Sara che regala a tutti un sorriso

Thân tặng Sara, người tặng nụ cười cho mọi người.





Lặng nghe tiếng trẻ ở vườn chùa...

Bài & ảnh: GIANG DƯƠNG

Chùa Hương Mai (thôn Hải Nam, xã Nhơn Hải, TP.Quy Nhơn) được biết đến qua những câu chuyện huyền bí gắn liền với quá trình sinh cơ lập nghiệp của cư dân nơi đây. Nhưng không mấy ai biết, ngoài những câu chuyện mang đầy tính tâm linh ấy, Hương Mai còn là “ngôi chùa của cuộc sống”...

Qua cây cầu vượt biển dài hơn bảy cây số luôn lộng gió từ đầm Thị Nại, chạy thêm một quãng đường gần chục cây số qua những cồn cát vàng trải rộng mênh mông đến hút tầm mắt, là đến với xã đảo Nhơn Hải. Chỉ cách thành phố Quy Nhơn có vài cây số đường chim bay, nhưng sự ồn ào náo nhiệt của phố thị dường như không thể nào vượt qua nổi đầm nước Thị Nại và bức tường núi cao cả trăm mét của hệ thống bán đảo Phương Mai, để có thể phá vỡ không gian yên bình nơi

đây... Khung cảnh của một “làng ngư phủ” với những ngôi nhà nhỏ trảm lộng hướng về phía biển, nơi những con thuyền neo đậu sau chuyến đánh bắt dài ngày, có nắng hắt lên cát vàng biển xanh một màu lung linh như màu cổ tích. Phía xa, nơi cuối làng chài, một ngôi thiền tự nằm trầm mặc dựa lưng vào núi, mặt hướng ra biển với bức tượng Bồ-tát Quán Thế Âm nhìn vọng khắp cõi chúng sinh đầy từ bi...

*

Những con người luôn bận rộn với cả núi công việc sở nhiệm, có những ngày thành thời, luôn muốn tìm đến những nơi bình yên để cho đầu óc thư giãn. Xã đảo Nhơn Hải với địa thế đầy hứa hẹn của mình, nơi có ngôi cổ tự an nhiên tĩnh tại, là lựa chọn đầu tiên cho cả đoàn. Và dường như, ai cũng muốn tìm về những miền tĩnh lặng như thế, để tìm chút thư thái trong tâm hồn vốn đầy lo toan phiền muộn vì gánh nặng mưu



sinh. Rồi như một định ước sẵn, người ta thường tìm đến cửa thiền, nơi mà từ xưa đến nay, trong tâm thức mỗi người, là chốn bình yên nhất, là cõi tịnh lạc giữa đời thường... với vòng tay Phật Tổ luôn dang rộng bốn phương, đón vào lòng những sinh linh trần thế...

Chúng tôi đến Hương Mai vào một buổi chiều tháng sáu, trong cái nắng vật vã của mùa đang chuyển. Trái ngược hoàn toàn với những gì chúng tôi nghĩ, thay vì tiếng mõ cùng lời kinh vang vọng của sư sãi trong một không gian thiền tự trang nghiêm như vẫn biết, ngôi chùa lại rộn lên những tiếng ê a đọc sách của trẻ nhỏ. Lần theo những tiếng ê a đó, chúng tôi bắt gặp hơn chục em nhỏ độ từ năm đến mười tuổi đang say sưa với sách. Thấy chúng tôi, các em nhỏ chỉ quay đầu ra khẽ chào rồi lại tiếp tục "công việc" của mình. Có cả những em nhỏ chưa biết đọc thì ngồi nghe anh chị lớn hơn đọc cho nghe. Bên cạnh là tủ sách, lúc này vị sư đang hướng dẫn một số em tìm sách đọc.

Đó là người trụ trì chùa Hương Mai, Đại đức Thích Quảng Thúc. Thấy chia sẻ, từ khi hình thành từ năm 1944 cho đến những năm 2000, Hương Mai được trông nom bởi những Trưởng ban hộ đạo và Phật tử địa phương. Mãi đến 2006, trước sự mong mỏi bấy lâu của toàn thể ban Hộ tự, bổn đạo và Phật tử nơi đây, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh hội Phật giáo Bình Định, Đại đức Thích Quảng Thúc về trụ trì chùa rồi xây dựng, phát triển và tôn tạo để ngôi chùa khang trang như ngày nay.

Trong quá trình làm trụ trì, Đại đức luôn quan tâm

tới đời sống của bà con ngư dân nơi đây. Điều nhận thấy rõ nhất là bà con ngư dân thấy đều đánh bắt xa bờ, rất ít thời gian trông nom chăm sóc cho trẻ nhỏ. Các em nhỏ ngoài thời gian đến trường thì không có một sân chơi nào thật sự an toàn và lành mạnh dành cho các em. Đại đức đã liên hệ với các Phật tử khắp nơi để quyên góp sách, xây dựng tủ sách vì cộng đồng mang số hiệu 007.

Tủ sách vì cộng đồng nằm trong khuôn viên chùa, dưới những hàng cây rợp bóng mát, đang mang lại cho các em nhỏ một nơi sinh hoạt vui chơi lành mạnh. Vị trụ trì chùa tin tưởng rằng đọc sách, những loại sách thuộc nhiều chủng loại từ sách truyện thiếu nhi tới những cẩm nang cho cuộc sống, là một trong những hoạt động hữu hiệu nhất giúp hoàn thiện nhân cách trẻ nhỏ ở một vùng không mấy thuận lợi về những điều kiện phát triển xã hội như Nhơn Hải.

Từ khi mở tủ sách vì cộng đồng, như ước nguyện, Đại đức Thích Quảng Thúc đã tạo được sân chơi bổ ích, thu hút trẻ em và ngay cả người lớn đến sinh hoạt trong khuôn viên chùa. Tinh thần từ bi và trí tuệ thể hiện qua Phật sự đơn giản này đã đi vào cuộc sống và lòng người, chỉ bằng những việc làm tuy nhỏ bé mà hết sức hữu ích. Bởi một lẽ, trong không gian thiền tự trang nghiêm trầm mặc khác xa với cuộc sống xô bồ bên ngoài, lòng người dễ lắng lại. Và, bên lời kinh tiếng mõ chuyên chở bao điều răn dạy của nhà Phật, những cuốn sách nhỏ có nội dung trong sáng kia sẽ cộng hưởng khiến nhân cách trẻ nhỏ được phát triển theo hướng tốt đẹp hơn. Hứa hẹn từ nơi xã đảo còn nhiều khó khăn, một thế hệ tương lai đầy tươi sáng phía trước đang mở ra, dựa trên lòng nhân ái.

*

Rời Hương Mai, trở về với phố thị ồn ã. Khi đi qua những cồn cát trải dài hút tầm mắt, trong mỗi chúng tôi đều trào dâng một nỗi niềm khó tả về kiếp người, tử sinh đều từ cát bụi. Ngôi chùa nơi xã đảo nằm phía đầu sóng ngọn gió, những câu chuyện liên quan đến ngôi chùa và những gì chúng tôi thấy đã gợi cho chúng tôi nhiều suy nghĩ. Bởi, không riêng gì chúng tôi mà những ai một lần đặt chân tới vùng đất này chắc cũng không khỏi sinh lòng mến phục trước việc làm của một con người tưởng đã chẳng còn vướng bận chuyện trần tục mà vẫn luôn quay quắt về những mầm non tương lai... Kiếp người, ngắn chẳng tày gang; con người ta cứ cắm đầu vào công việc với hai chữ mưu sinh, đã mấy ai sống mà nghĩ cho những người xung quanh mình được nhiều như thế. Chạnh lòng khi chiều muộn, chợt nhớ đến những câu thơ của nhà thơ Khải Huyền đã viết:

*Ngôi cổ tự, tiếng mõ chiều khoan nhặt
Điệu nghèo nga câu kệ tụng Mông Sơn,
Người ngược xuôi bao nẻo thiệt hơn
Nắng vàng vọt báo một ngày sắp hết... ■*

Lời cảm ơn cuộc sống

Cuối tháng Năm vừa rồi, nhân dịp mấy người bạn học từ Mỹ về thăm quê, má tôi theo quý vị ấy xuống Sài Gòn lần đầu tiên sau hơn hai chục năm định cư ở Bình Phước. Về tới nơi, bà kể, “Má cứ như mụ mán về thành.” Nhưng chuyện má tôi nhớ nhất là vụ bà đi lạc. Hai người bạn của má tôi lên tới tận xã Phước An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước “áp giải” má tôi về Sài Gòn, đưa má tôi vào nghỉ chung với mấy vị ấy trong một khách sạn ở đường Hoa gì đó trong khu Miếu Nổi, nghe đâu thuộc quận Phú Nhuận. Một hôm, mấy bà đi siêu thị với nhau để mấy người kia sắm sửa cho má tôi. Lên tới siêu thị, má tôi lúnh quính vì nó rộng rãi và sang trọng quá đỗi, lại nhiều hàng hóa nữa. Được một lát, má tôi mất dấu mấy bà bạn. Bấy giờ là khoảng năm sáu giờ chiều chi đó. Tìm mãi không thấy bạn, má tôi cũng biết mở điện thoại di động ra gọi, nhưng... điện thoại hết pin! Rồi thì bà cũng phải ra khỏi siêu thị, nhưng lúc vào đi một cổng, lúc ra lại đi một cổng khác, cảnh quan lạ hoắc! May mà bà còn nhớ tên khách sạn đang ở, nhớ cả tên đường nên lội bộ đi kiếm. Càng kiếm, càng quính vì đi tới đường nào cũng Hoa. Cuối cùng, má tôi quay lại chỗ siêu thị, thấy có một cây xăng, bà đứng ngó người ta đổ xăng! Thấy một cô gái vừa đổ xăng xong đang chuẩn bị nổ máy, bà bước tới hỏi thăm. Cô gái nhìn bà một lúc rồi nói đại khái là khu này đường sá khó kiếm; nhưng rồi cô ấy nói má tôi lên xe để cô ấy chở đi kiếm giúp. Quả như cô gái nói, đi kiếm đường trong khu đó thiệt khổ. Thấy cô gái chở đi vòng vòng, tôi đường nào cũng là Hoa mà hổng phải thứ hoa có cái khách sạn của má tôi ở, má tôi càng á ngại nên mới nói cô ấy cho má tôi xuống đi bộ, nhưng cô gái nói là đi xe còn khổ như vậy thì đi bộ kiếm làm sao. Chừng một tiếng đồng hồ sau, má tôi thấy được bóng dáng mấy bà bạn, họ cũng đang đi kiếm má tôi, bà kêu lên và cô gái dừng xe. Trông thấy má tôi, mấy bà bạn mừng quá, mấy bà cười ngất và nói chuyện với nhau rôm rả, quên cả việc cảm ơn cô gái tốt bụng. Má tôi nói, “Mày giúp má kể lại chuyện rồi cảm ơn trên báo Văn Hóa Phật Giáo giùm. May ra cổ cũng đọc Văn Hóa Phật Giáo thì biết là má không đến nỗi vô ơn.” Xin nhờ quý báo đăng tải giúp để má tôi nói lời cảm ơn với cuộc sống là vẫn có người sẵn lòng giúp người khác.

Phạm Nam Chi, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước

Hàng tuần, cứ thứ Ba, thứ Năm và thứ Sáu, tôi có nhiệm vụ làm tài xế chở bà xã tôi đi chợ. Gọi là chợ nhưng không có nhà lồng, người ta bày hàng bán hai bên đường; con đường cũng rộng rãi. Đưa vợ ra tới giữa chợ, tôi đứng vào một góc; mua được hàng, bà ấy quay lại máng hàng trên xe tôi rồi đi mua tiếp, mua xong thì kêu tôi chở về. Trong lúc bà ấy mua hàng thì tôi ngắm chợ. Tôi vẫn để ý thấy một cậu thanh niên chừng gần ba mươi, hàng ngày kéo một tấm ván có gắn bánh xe phía trên đặt một ít hàng hóa như bún khô, miến dong... đi tới đi lui khắp chợ, vừa đi vừa rao. Guơng mặt cậu ta sáng sủa, ra vẻ người có học. Cách đây chừng hai tháng, trong lúc chăm chú quan sát khi cậu ta dừng lại gần chỗ tôi đứng chờ để cân hàng cho khách thì tôi thấy một thanh niên trạc tuổi cậu ta đi xe gắn máy bỗng dừng gấp lại khi nhận ra cậu ta. Nghe hai người nói chuyện với nhau, tôi biết cậu ta đã tốt nghiệp đại học nhưng sau đó không kiếm được việc làm; không lẽ ở không ăn bám cha mẹ, cậu ta tự động ra chợ buôn bán mưu sinh. Người bạn đang có công việc cần người có khả năng như cậu ta, mà hai người đã lâu không gặp nhau. Nay thấy tình cảnh cậu ta như thế, người bạn hẹn sẽ giới thiệu cậu ta việc làm. Hai người nói chuyện với nhau rất tương đắc. Khi họ chia tay nhau thì bà xã tôi cũng vừa mua hàng xong, tôi bảo tôi chở về. Gần cả tháng nay, tôi vẫn ra chợ và không thấy cậu ta đâu nữa. Tôi nghĩ chắc cậu ta đã có được việc làm đúng khả năng. Tôi thầm nghĩ rằng thanh niên có học như cậu ấy, có ý chí như cậu ấy thì rất xứng đáng gặp may mắn. Tôi thuật lại chuyện này với niềm tin rằng có nhiều thanh niên vẫn có tâm trong sáng giữa cuộc đời nhiều nhương, nhờ thế khiến cuộc đời vẫn đáng sống.

Lê Thanh Hùng, quận 12, TP.HCM



CỘI NGUỒN BÁT CHÁNH ĐẠO

Thể hiện qua các Phật sự



TT.Thích Minh Trì, Trưởng ban BTS GHPGVN H.Trảng Bom tiếp đoàn Thầy Cô giáo và Ban Giám hiệu – Tổ chức tiếp sức mùa thi cho các em học sinh: Trường PHTH Bách Việt và Trường PTTH Đông Dương tham quan dã ngoại cúng dường cầu phước. Năm Quý Tỵ đạt 100%.



Ban tổ chức Tiếp sức mùa thi chùa Hòa Quang, Q. Thủ Đức hướng dẫn quý Thầy Cô giáo và các học sinh Trường Đông Dương - Trường Bách Việt đến tham quan dã ngoại và cúng dường cầu phước tại Phật Đà Bửu Tự, H.Trảng Bom, Đồng Nai.



Đoàn Huyện ủy, HĐND, UBND, Công an H.Trảng Bom và Huyện ủy, HĐND, UBND xã Trung Hòa đến chúc mừng – do ông Trần Nghi Dũng, Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy làm trưởng đoàn.

*Bửu tự Phật Đà lung linh đèn rực rỡ
Tiếng chuông chùa khơi dậy hội Hoa đăng
Khởi trầm hương lan tỏa vịnh sông Hằng
Nơi in dấu gót son Ngài hóa độ.*

Nhân ngày kỷ niệm Phật đản PL.2557 – DL.2013.

“Nhân loại ơi! Có hay chăng, một vị giác ngộ ra đời.

Chúng sanh ơi, một đấng Từ bi và Đại trí vừa xuất hiện dưới trần gian.

Ôi hân hoan cho cả mấy tầng trời và chúng sanh ơi! Một đóa hoa Ưu Đàm vừa nở, một ánh sáng chói lọi rạng soi.

Này ai ơi! Hãy đi về đây Hy Mã Lạp Sơn, vì chính nơi đây đã thị hiện một Đức Phật”.

Chính vì tâm hướng nguyện ấy tại huyện Trảng Bom, Ban Trị sự GHPGVN huyện nhà đã tổ chức một Lễ đài Phật đản, chỉ thành cung kính phụng thỉnh Đức Thế Tôn chứng minh. Tuy không nguy nga tráng lệ bằng những nơi khác nhưng đó là tất cả tấm lòng với sự quang lâm chứng minh của nhị vị Hòa thượng trong BTS GHPGVN tỉnh Đồng Nai là :

- HT thượng Giác hạ Quang và HT thượng Giác hạ Nhẫn

Và sự tham dự chứng minh của chư tôn đức Tăng Ni trong và ngoài huyện cùng đông đảo Phật tử các tầng gần xa.

Đặc điểm nổi bật nhất cho lễ đài chung của Phật giáo huyện Trảng Bom là:

Chư tôn đức lãnh đạo Giáo hội Phật giáo tuyên đọc quyết định tấn phong giáo phẩm tại lễ đài. Từ Thượng tọa tấn phong lên Hòa thượng, từ Đại đức lên Thượng tọa và các chức danh giáo phẩm trong nhiệm kỳ tái đắc cử 2012–2017. Trong đó có chư vị:

- Thượng tọa THÍCH GIÁC THÔNG.
Tấn phong Hòa thượng thượng Giác hạ Thông.

Cố vấn BTS GHPGVN huyện Trảng Bom. Thành viên BTS GHPGVN tỉnh Đồng Nai.

- Đại đức THÍCH MINH TRÌ
Tấn phong Thượng tọa thượng Minh hạ Trì.

Ủy viên BTS GHPGVN tỉnh Đồng Nai, Trưởng BTS GHPGVN huyện Trảng Bom nhiệm kỳ mới 2012 - 2017 khóa III.

Tiếp tục nhận công tác Phật sự khóa III nhiệm kỳ mới, với chức danh Trưởng ban Trị sự GHPGVN huyện Trảng Bom. Điều hành tổng quát theo nhu cầu kế hoạch phương hướng sắp tới.

- Đại đức THÍCH HUỆ QUANG
Tấn phong Thượng tọa thượng Huệ hạ Quang

Cùng các chức danh trong Ban Trị sự khóa III nhiệm kỳ 2012–2017.

Đương nhiệm :

- Phó BTS GHPGVN huyện Trảng Bom - Đại đức Thích Chí Vân kiêm Hoàng pháp.

- Phó BTS GHPGVN huyện Trảng Bom - Sư cô Thích nữ Như Hội kiêm Thủ quỹ.

- Chánh Thư ký - Đại đức Thích Chúc Quang.

- Phó Thư ký – Cư sĩ Đồng Trí (Nguyễn Văn Sáng).

Cùng toàn thể BTS GHPGVN huyện Trảng Bom, v.v.

Nhằm ôn lại những thắng trầm và thành tựu Phật sự trong nhiệm kỳ trước đã hoàn thành, làm sao quên được những sự quan tâm giúp đỡ của HT.thượng Minh hạ Chánh – Trưởng ban Trị sự GHPGVN tỉnh Đồng Nai. Thượng tọa



Chư tôn giáo phẩm và chính quyền lãnh đạo H.Trảng Bom nguyện hương nhân ngày Đại lễ Phật đản PL.2557 - DL.2013



Đại đức Thích Chí Vân, Phó ban Thường trực BTS GHPGVN H.Trảng Bom tặng quà chúc mừng.

thượng Thiện hạ Đồng cùng toàn thể chư tôn đức Tăng Ni của BTS GHPGVN tỉnh Đồng Nai, các cấp ủy Đảng, HĐND, Ủy ban Nhân dân, UBMTTQ, Ban Dân vận, Khối Vận và các ban ngành, đoàn thể trong tỉnh và huyện nhà.

Điểm quan trọng nhất mà Lễ đại Phật đản PL.2557 – DL.2013 thể hiện thâm tình đoàn kết nhất quán là: Những câu niệm Phật, những lẵng hoa chúc mừng Đại lễ Phật đản và các bức tranh kỷ niệm chào mừng. Sự hiện diện và ân cần thăm hỏi, tặng hoa và quà đã tăng thêm phần trang trọng cho buổi lễ.

- Ông Vũ Đức Khải, Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện Trảng Bom đại diện tặng quà lưu niệm.

- Ông Trần Nghi Dũng, Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy làm trưởng đoàn đại diện Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Ban Chỉ huy Công an, Ban Tôn giáo Nội vụ, Ban Dân vận UBMTTQ cùng các ban ngành đoàn thể đến chúc mừng hoa và quà.

- Đại đức Thích Chí Vân, Phó ban Thường trực BTS GHPGVN huyện Trảng Bom tặng quà chúc mừng.

- Ban Trị sự GHPGVN huyện Trảng Bom tặng quà tình thương 20 triệu đồng, được Chủ tịch UBMTTQ huyện đại diện nhận để xây dựng nhà tình thương.

- Công an huyện Trảng Bom đến thăm chúc mừng tặng quà tại văn phòng BTS GHPGVN huyện Trảng Bom.

Kính mừng Đại lễ Phật Đản được chính thức khai mạc lúc **7g30 sáng ngày 10 tháng 4 ÂL (ngày 19-05-2013)**. Trong khung cảnh trang nghiêm, Ban Tổ chức long trọng tuyên đọc Thông điệp Đại lễ Phật đản của HT.thượng Phổ hạ Tuệ, Pháp chủ HĐCM GHPGVN. Toàn thể hướng về ngày thiêng liêng cao quý của Đấng Tuệ Giác siêu phàm thị hiện cùng nghi thức thả chim bồ câu và bong bóng hòa bình.

Ban Trị sự đọc diễn văn Đại lễ Phật đản và khái quát về công tác nghi lễ, Tăng sự, văn hóa và từ thiện xã hội của năm 2012 với những thành tựu Phật sự

nổi bật trong việc thực hiện kế hoạch:

- Năm sau cao hơn năm trước và từ năm 2007 – 2012, đạt được hơn 12 tỷ đồng công tác từ thiện xã hội.

- Phương hướng năm năm sắp tới sẽ đầy hứa hẹn khởi sắc trong mọi lãnh vực công tác Phật sự. Vấn đề về toàn diện các đơn vị cơ sở tự viện gồm : 16 chùa, 2 tịnh xá, 1 tu viện, 1 Niệm Phật đường. Chư tôn đức Tăng Ni, tiểu đệ tử Sa-di, Sa-di-ni đến Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, tổng cộng 107 vị. Trải qua 5 năm thực hiện Phật sự, tuy số lượng Tăng Ni còn ít so với các quận, huyện trong và ngoài tỉnh, nhưng nhờ tinh thần tu tập theo Bát Chánh đạo và sự quan tâm của các cấp chính quyền trong huyện, thể hiện thâm tình đoàn kết tổ chức: 5 năm qua 270 lần thuyết giảng thu hút sự chú ý phát tâm với sự tham dự của 14.600 Phật tử từ các chùa đã thành công trong việc hướng dẫn tín đồ tu học tốt đẹp.

Nhìn chung đều hướng về quan điểm nhất quán, như lời của Đức Phật dạy: **“Nước biển tuy mênh mông nhưng thuần một vị, đó là vị mặn. Đạo của Như Lai được hiển bày Tam Tạng KINH LUẬT LUẬN, cũng đồng một vị đó là: Vị Giải Thoát”**.

Đây là điểm nổi bật về Bát Chánh đạo.

1. Chánh kiến: Cùng nhau thấy đúng
2. Chánh tư duy: Suy nghĩ đều đúng
3. Chánh ngữ: Cùng tu cùng nói đúng
4. Chánh nghiệp: Tạo cho tam nghiệp được thanh tịnh
5. Chánh mạng: Sống đúng chánh pháp, không mê tín, tà tín
6. Chánh tinh tấn: Trước tự độ sau độ sanh đúng pháp
7. Chánh niệm: Tu tập đạo lý chân chánh để lợi lạc cho mình và cho người.
8. Chánh định: Thường tập trung tư tưởng chân chánh và quan sát mọi hành vi không hợp với chân lý Phật Đà.

Được thành quả tốt đẹp trên đây là do phát xuất từ định hướng công năng đồng



HT.Thích Giác Thông, Phó ban BTS GHPGVN tỉnh Đồng Nai và Đại đức Thích Chí Vân, Phó ban BTS GHPGVN H.Trảng Bom cùng chư tôn đức Tăng thả bồ câu, bong bóng cầu nguyện nhân lễ Phật đản PL.2557 - DL.2013

tâm hiệp lực tu tập Bát Chánh đạo, tỏa ngát hương đức hạnh, tạo tiền đề trong mọi Phật sự của chư vị Tăng Ni và Phật tử của huyện nhà, tiêu biểu một quá trình dài cho tất cả nhằm lợi lạc chung.

Nam mô Hoan Hỷ Tạng Bồ tát Ma ha tát.

Bài, ảnh TN. NHƯ ẮN



Ông Vũ Đức Khải, Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND H.Trảng Bom tặng quà chúc mừng.



Ban Tổ chức Đại lễ trao tặng 20 triệu đồng (cần nhà tình thương) do ông Chủ tịch UBMTTQVN H.Trảng Bom nhận.



Công an H.Trảng Bom đến dự và chúc mừng Đại lễ Phật đản.



Săn Mây CAFE

Săn Mây CAFE: 224A-B Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3. ĐT: 08.3932 2266

Săn Mây Nhà hàng Chay: 252/43 Cao Thắng, Phường 12, Quận 10. ĐT: 08.3507 1628

Mây
vân
bay
và
hương
xuan
vân
tỏa

Nước
vân
chảy
để
môi
lớn
mềm
xanh



- Ngọc Thạch anh (Quartz crystal)
 - Ngọc Mã não xanh Ấn Độ (green Agate)
 - Gỗ hóa Ngọc (Fossil Wood)
 - Ngọc Bích Phật Ngọc Hòa Bình Thế Giới (Nephrite Jade)
 - ◻ Chuyên:
- chuỗi - tràng hạt, tượng Phật - Linh vật
chế tác chạm khắc từ đá quý - đá bán quý

Sản phẩm Ngọc của COASTAL GEMS được bán tại:

* Showroom 2: 288 A3 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3 (đối diện chùa Vĩnh Nghiêm).

ĐT: 08 62704225

* Showroom 1: Siêu thị Citimart tòa nhà Etown - Cổng số 6

364 Cộng Hòa, P.13, Q.Tân Bình. ĐT: 08 22464269

* VP. COASTAL GROUP: 86 Nguyễn Hồng Đào, P.14, Q.Tân Bình,

Tel: 08 22450996-62967372. Hotline: 0909 799806 (Mr. Duy Pham)

* COASTALGEMS Tầng 3, Trung tâm Thương mại Pico Plaza, 20 Cộng Hòa, Q. Tân Bình

Tel: 08 224 651 69

Website bán hàng online:

www.daphongthuy.com.vn

www.coastalgems.com.vn

(Cắt mẫu quảng cáo này đem đến showroom chúng tôi, quý khách sẽ được tặng thẻ VIP CARD giảm 8% khi mua hàng)



Nhà hàng chay HOA KHAI

Khung cảnh thoáng mát, lịch sự, sang trọng

Phục vụ điểm tâm, cà phê, nước giải khát...

Nhiều món chay thuần khiết từ cao cấp đến bình dân

Nhận đặt tiệc chay: cưới hỏi, sinh nhật, họp mặt liên hoan

Số 124-126 Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM

ĐT: (08) 36 021 025 – Email: veg.hoakhai@gmail.com

SGPK®
Phu Kim Gifts & Jewellery

CTY TNHH SÀI GÒN PHÚ KIM
MST: 0306 705 462
LÊ THỊ PHÚ DIỄM
Mobile: 094.696.7466
Email: sugonphukim@gmail.com

Chuyên thiết kế sản xuất cung cấp sỉ và lẻ
Chất liệu: kim loại, pvc, poly, nhựa, vỏ ốc và silicon cao su
Sản phẩm: móc khóa, Quà lưu niệm và đồ trang sức thời trang,
quà tặng phát giao các loại, ...

ĐC: 378-8 Thới Ngọc Hầu, P.Phú Thạnh, Q.Tân Phú.
Tel: (+84-8)3880.9766 Fax: (+84-8)3973.9069
www.wangwanggifts.com - www.sgpk360.com

Thiên đường du lịch của Việt Nam!



Lựa chọn số một cho kỳ nghỉ 5-sao của gia đình bạn!

Chỉ mất vài phút đi từ thành phố Nha Trang - một trong những địa điểm du lịch hàng đầu Việt Nam, bạn sẽ đắm mình giữa thiên nhiên miền nhiệt đới và bờ biển hoang sơ của đảo Hòn Tre thơ mộng. Với vẻ đẹp tự nhiên, khung cảnh nên thơ và đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, bạn sẽ có được những trải nghiệm thư giãn chưa từng có. Hãy đến với Vinpearl Resort Nha Trang và tận hưởng kỳ nghỉ đẳng cấp cùng gia đình bạn.

VINPEARL RESORT NHA TRANG

Đảo Hòn Tre, Nha Trang, Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: +84 58 3598 188 - Fax: +84 58 3598 199

info@vinpearlresort-nhatrang.com - www.vinpearlresort-nhatrang.com


Vinpearl Resort
NHA TRANG



DHARMA GARDEN

website: www.phapuyen.com - email: lienhe@phapuyen.com



QUÁN CHAY - DHARMA FOODS

Email: quanchay@phapuyen.com

- 1 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT. (08) 35 035 579 - 0933 878 956
- 2 72/1B Lâm Văn Bền, Tân Thuận Tây, Q.7, TP.HCM
ĐT. (08) 36 026 650 - 0919 190 177

NHÀ SÁCH - DHARMA BOOKS

Email: nhasesach@phapuyen.com

17/2 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT. (08) 36 026 818 - 0916 943 877

phát hành: kinh sách, tạp chí, tranh tượng, trà cụ,
quà lưu niệm, pháp phục tăng ni cư sĩ...

ăn phẩm: trình bày & thiết kế, liên kết xuất bản, ăn tổng
y phục: nhận may pháp phục và đồng phục



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn

3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035

"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



Công ty TNHH SX-TM

QUANG NGHỆ

QUANG NGHỆ CO., LTD.

NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398

□ Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương
liệu, dầu paraffin, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tím đèn...

□ Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao
cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com



Âm Tử Sa
Việt Phú Quốc Thế



Thương hiệu Âm Tử Sa và Trà đặc sản Việt Nam

- VINCOM CENTER: 72 LÊ THÁNH TÔN, Q.1, TP.HCM - Gian 28 B3.
- PARKSON HÙNG VƯƠNG: 126 HÙNG VƯƠNG, Q.5, TP.HCM - Lầu 3 Citimart.
- MAXIMARK CỘNG HÒA: 17 CỘNG HÒA, Q. TÂN BÌNH, TP.HCM - Tiến sành.
- SHOWROOM: 75 Nguyễn Văn Giai, Q.1, TP.HCM.
- SHOWROOM: 491 D3 NƠ TRANG LONG, P.13, Q.BÌNH THẠNH, TP.HCM.

0903 848 147 - 090 281 42 77

www.amtusa.vn

Đang phát hành

QUỐC PHÁT GIỚI VIỆT NAM

VĂN HÓA
P HẬT GI Á O

đóng bộ **Tập 2 năm 2012**
từ số 156 đến số 167
giá: **210.000đ/cuốn**

Bạn đọc có nhu cầu liên hệ:

Tòa soạn Tạp chí **VĂN HÓA PHẬT GIÁO**

294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo vừa đóng lại toàn tập (tập 1 + tập 2)

2008 (2 tập): 340.000VNĐ

2010 (2 tập): 380.000VNĐ

2009 (2 tập): 360.000VNĐ

2011 (2 tập): 420.000VNĐ

2012 (2 tập): 420.000VNĐ

□ Quý độc giả có nhu cầu **QUẢNG CÁO**

○ Xin vui lòng liên hệ: **Cô Sương**

○ **ĐTĐD: 0918 032 040**

✉ Email: thusuong69@gmail.com

QUỐC PHÁT GIỚI VIỆT NAM

VĂN HÓA
P HẬT GI Á O

Tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư
tưởng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một
xã hội lành mạnh, hiền hòa và bảo vệ, phát
huy văn hóa truyền thống của dân tộc.

Kính bạch chư tôn thiên đức Tăng Ni và kính thưa quý Phật tử,

Nghệ thuật điêu khắc đá truyền thống được nghệ nhân dành trọn tâm thức trên từng nét chạm trổ công phu để thổi hồn vào khối đá được kết tụ tinh hoa của trời đất, làm cho sản phẩm từ đá trở nên lung linh diệu kỳ, tỏa sáng... Tiếp nối truyền thống tài-đức-trí của bậc nghệ nhân tiền bối, nghệ nhân Đức Thìn sáng tạo ra các tác phẩm nghệ thuật điêu khắc đá, góp phần vào thế giới tâm linh bằng những pho tượng, những linh vật và những bức tranh phù điêu... Cùng tâm nguyện luôn đặt trọn chữ Tâm và Tín lên hàng đầu để cho ra đời những tác phẩm theo đúng sở nguyện của chư tôn thiên đức Tăng Ni và quý Phật tử gần xa. Sau đây xin trân trọng giới thiệu những pho tượng đã và đang hoàn thành được hữu duyên thỉnh đến các chùa trong và ngoài nước như Mỹ, Ấn Độ, Đức, Pháp...



Ni sư Khiết Minh và Đại sư Xa-xi cùng đoàn đến thăm xưởng và đặt tượng

Tôn tượng Đức Dược Sư vừa hoàn thành



TT.Thích Chân Tín tham quan tượng Kỳ lân D.8m, R.5m do chùa Pháp Vân đặt



Nghệ nhân Đức Trí bên tôn tượng La Hán phục hồ



Tượng Kỳ lân



Rồng đá

XUỞNG ĐIÊU KHẮC ĐÁ MỸ NGHỆ MỸ HẢO

Chuyên điêu khắc đá:

- **Tượng Phật giáo:** Các tôn tượng Phật Thích Ca, Phật Di Lặc, Phật Dược Sư, Quán Thế Âm Bồ-tát, 18 vị La Hán, Đạt Ma Tổ sư và phù điêu Phật giáo...
- **Trang trí sân vườn:** Tiểu cảnh, bàn ghế, đèn vườn, đài phun nước...
- **Sản phẩm khác:** Tượng Phúc Lộc Thọ, tượng Châm, tượng thú, tượng chân dung...

Vui lòng liên hệ: Nghệ nhân Nguyễn Đức Thìn,

225, tổ 6, ấp Thiên Bình, xã Tam Phước, Long Thành, Đồng Nai.

ĐT: 098.9212189 – Email: dieukhacdamyhao@gmail.com

Website: www.tuongdamyhao.com

Đón đọc

VĂN HÓA

P HẬT GIÁO

Số 181

Phát hành ngày 15 - 7 - 2013

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Nhà hàng cơm chay - trà đạo
Bồ Đề Tâm
89B Nguyễn Khuyến, Quận Đống Đa
68 Phạm Huy Thông, Quận Ba Đình
Hà Nội
ĐT: 0929398189 - 0912882255

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng Chân Tịnh 1
Chuyên viên Phòng Tổng hợp
Trường Đại học Kiến trúc
Km 10, đường Nguyễn Trãi,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng Chân Tịnh 2
A38 TT8 khu đô thị Văn Quán,
Hà Đông - Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0938 071 188

QUẢNG BÌNH

Cô Nguyễn Phước
Phòng phát hành Hoa Ưu Đàm
226 Trần Hưng Đạo, TP. Đồng Hới - QĐ
ĐT: 0917 703 325

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tỷ
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

Cửa hàng Thanh Nhã
124 Lê Đình Dương, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113565021
(Chị Ty)

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chị Hoàng
Phòng phát hành Hiến Nam
3 Trần Thị Kỳ, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0935 272 261

Anh Hùng
Thư quán chùa Long Khánh
141 Trần Cao Vân, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0987 219 374

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

NINH THUẬN

Sư cô Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,
chùa Diệu Nghiêm, số 54 đường 21 tháng 8,
Phan Rang. Ninh Thuận. ĐT: 068 3820 806

ĐAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội Châu,
TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Phòng phát hành chùa Phước Huệ
697 Trần Phú, TP. Bảo Lộc
ĐT: 0169 8287 177
(Cô Hương)

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành,
Bà Rịa Vũng Tàu
LH: Sư cô Liên Đức. ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 - 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.636

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070. 834 653 - 070. 834 654
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 19.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG